

Quyển 73

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 2

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Tư trạch, tự tánh, thủ
Tát-ca (thân), hữu, thế gian
Chân, tâm tư, thật trí
Mật ý cùng thứ lớp.*

Hỏi: Năm sự như vậy nhiếp thuộc bao nhiêu đế?

Đáp: Tướng nhiếp thuộc bốn an lập đế. Danh nhiếp thuộc một Khổ đế. Phân biệt nhiếp thuộc ba đế, trừ Diệt đế. Chân như nhiếp thuộc bốn phi an lập đế. Chánh trí duyên cảnh an lập, phi an lập đế, nhiếp thuộc Đạo đế.

Hỏi: Các tướng là danh ư? Giả sử danh là các tướng ư?

Đáp: Các danh đều là tướng. Có tướng mà chẳng phải danh, đó là trừ tướng danh, bốn tướng còn lại. Phần còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Các tướng đều là tướng của tướng ư? Giả sử tướng của tướng đều là tướng ư?

Đáp: Tướng của các tướng đều là tướng. Có tướng chẳng phải tướng của tướng, đó là bốn tướng danh...

Hỏi: Nếu phân biệt tướng của tướng, thì hòa hợp nhau, nương nhau với tất cả tướng danh mà khởi phân biệt ư? Giả sử phân biệt tướng danh, thì hòa hợp nhau, nương nhau với tất cả tướng của tướng mà khởi phân biệt ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc phân biệt tướng của tướng, chẳng phải cùng hòa hợp nhau, nương nhau với tướng danh mà khởi phân biệt, đó là phân biệt sở hữu tướng của tướng mà chẳng rõ danh ấy, lại ở nơi các tướng đã loại trừ danh tùy miên. Hoặc phân biệt tướng danh, chẳng phải cùng hòa hợp nhau, nương nhau với tướng của tướng mà khởi phân biệt, đó là phân biệt sở hữu tướng danh mà chẳng rõ sự ấy. Hoặc phân biệt tướng của tướng, cũng cùng hòa hợp nhau, nương nhau với tướng danh mà khởi phân biệt, đó là trái với tướng trên. Hoặc phân biệt chẳng phải tướng của tướng, cũng chẳng phải hòa hợp nhau, nương nhau với tướng danh mà khởi

phân biệt, đó là trừ sở hữu các tướng trên.

Hỏi: Nếu tư duy chân như tức là quán chân như chẳng? Giả sử quán chân như tức là tư duy chân như chẳng?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc tư duy chân như chẳng phải quán chân như, đó là dụng phân biệt nhiếp lấy tác ý tư duy như lý chân như. Đây chỉ thấy tướng chân như, chẳng thấy như thật chân như, cho đến chưa đến vị thông đạt chân chánh căn bản, cùng chưa thông đạt về sau tác ý tư duy an lập chân như. Hoặc quán chân như, chẳng phải tư duy chân như, đó là vì do thắng nghĩa khi thông đạt chân như, nên tư duy tướng kia. Hoặc tư duy chân như, cũng quán chân như, thông đạt về sau tư duy tương tục phi an lập chân như. Hoặc chẳng tư duy chân như, cũng chẳng quán chân như, đó là là tác ý như lý dẫn dắt tư duy các tướng.

Hỏi: Nếu tư duy tướng tức quán tướng ấy chẳng? Giả sử quán tướng ấy tức tư duy tướng ấy chẳng?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc tư duy tướng, chẳng quán tướng ấy: như câu thứ hai phần *chân như*. Hoặc quán tướng ấy chẳng tư duy tướng ấy: như câu thứ nhất phần *chân như*. Hoặc tư duy tướng cũng

quán tướng ấy: như câu thứ tư phần *chân như*.
Hoặc chẳng phải tư duy cũng chẳng phải quán tướng
ấy: như câu thứ ba phần *chân như*.

Hỏi: Năm sự như vậy là nhiếp tất cả pháp hay không nhiếp tất cả pháp?

Đáp: Là nhiếp tất cả pháp.

Hỏi: Tất cả pháp kia lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Tự tánh các pháp chẳng thể nói bàn.

Hỏi: Nên quán tướng của các pháp kia thế nào?

Đáp: Tướng như việc huyện, chẳng phải hoàn toàn không có. Thí như việc huyện có tánh việc huyện, không tánh voi, ngựa, xe, bộ cho đến tánh ma-ni, trân châu, vàng, bạc... Như vậy, thể tánh các pháp duy có danh tướng khả đắc, không có tự tánh sai khác thi thiết hiển hiện khá được. Tướng do tên gọi tướng, tự tánh của tướng thật bất khả đắc.

Như tướng thì danh, tự tánh của danh; phân biệt, tự tánh phân biệt; chân như, tự tánh chân như nên biết cũng vậy. Chánh trí do tên gọi chánh trí, tự tánh chánh trí thật bất khả đắc. Vì cơ sao? Vì ở tất cả chúng tùy nói tự tánh mà không thành tự vậy.

Nếu cho là tự tánh các tướng an lập, tức xứng với lượng kia giả lập danh lời. Giả danh lời đây nương tướng mà lập, vậy thì nơi tướng, trước khi giả lập danh, lẽ có nhận thức về tướng kia như đã lập danh. Lại ở một tướng kiến lập danh lời vì chúng có nhiều, vì có sai biệt, nên tánh thể của chúng có nhiều có sai biệt. Như thế danh lời nương tướng mà lập thì không đúng đạo lý.

Nếu cho là các tướng như danh lời an lập, do thể lực danh, tự tánh của tướng sanh khởi, vậy thì tướng kia trước khi giả lập danh, lẽ không có tự tánh? Kia đã không có, giả lập danh lời cũng lẽ không có. Cho nên hai chủng đều thành lỗi không có.

Lại, giả danh lời vì chúng có nhiều, vì có sai biệt, nên tánh thể chúng có nhiều có sai biệt, thì mắc lỗi khác: do các tướng kia chỉ nương nơi khác mà giả kiến lập vậy. Cho nên, tất cả giả lập danh lời như tự tánh ấy, là không đúng đạo lý, giống như chỗ khởi chủng chủng loại huyễn. Thí như người huyễn khéo léo tạo tác chủng chủng loại huyễn, nào là nam nữ, nào là voi ngựa... nhưng các loại kia chẳng phải thật có thể tánh như tướng

mạo ấy. Như vậy, các tướng chẳng xứng với danh lời mà có tánh thể thật nên biết cũng vậy.

Nếu cho là là sự hòa hợp của hai chủng tướng và danh lời mà có tự tánh sanh, vậy thì kia ở nơi các tướng, hoặc ở danh ngôn, hoặc ở giữa hai mà hiện có được, nhưng điều này chẳng thể được. Cho nên kế chấp đây cũng không đúng đạo lý. Do nhân duyên đây, tùy nói ở tất cả chủng, tự tánh đều không chỗ có.

Nếu cho là danh lời năng hiển tự tánh, cũng không đúng đạo lý.

Nếu cho là thủ, hoặc không thủ giả lập danh lời đều có lỗi. Hoặc thủ tướng rồi giả lập danh lời, liền không thành hiển. Hoặc không thủ tướng, giả lập danh lời, thì danh lời đây không có sự, nên không đúng đạo lý.

Lại như trước thuyết chỗ lập danh lời vì chúng có nhiều, vì có sai biệt, tức có nhiều tánh thể sai biệt. Đây thành lỗi lầm lớn. Lại dùng thí dụ chiếu soi thấy rõ tướng và danh lời không giống nhau, nên không đúng đạo lý. Không giống nhau đây là thấy rõ ở tất cả sự đều có nhân duyên, không có điều khác, chủng chủng cũng vậy năng thủ nhân

duyên. Danh lời chẳng vậy.

Hỏi: Trong “không thể nói”, lời “không thể nói” này đã hiện khả đắc, cho nên tánh pháp không thể nói bàn thì không đúng đạo lý. Lại người làm huyền tạo ra chủng chủng hình loại huyền hóa, tuy hình loại kia chẳng phải như tánh kia, nhưng có chủng chủng sự huyền được tạo cũng tương tự tự tánh kia. Vậy không thể dùng thí dụ tương tự được sao?

Đáp: Khi chánh lập tông nói “không thể nói” thì cũng đã loại trừ. Nhưng vì muốn khiến hiểu nghĩa như vậy, nên phương tiện thì thiết. Vì thí dụ... nên chẳng phải không tương tự. Tuy giả danh lời, nhưng chẳng thật như tánh kia. Nghĩa “không thể nói” chẳng phải chẳng có.

Hỏi: Các tướng sự nếu giả lập danh lời thì mới có được, nếu không giả lập thì chẳng thể có. Nếu như vậy dụ có thể tương tự, thì “không thể nói” xứng đạo lý. Nếu không như thế, thì kế chấp “không thể nói” kia tức là hoang đường?

Đáp: Như vậy do trước khởi tám phân biệt, nên đời hiện tại ba chủng sự sanh, tướng đây như phần *Bản địa* đã thuyết. Tức vì ba chủng sự được

sanh đây trở lại khởi phân biệt, do đạo lý đây các pháp tạp nhiễm triển chuyển tương tục không đoạn dứt. Do nhân duyên đây, phân biệt giả lập dụ ấy tương tự, nếu khi đoạn diệt, các pháp tạp nhiễm đều có thể tùy diệt, chứng đắc thánh trí. Vì đây là lượng, thì “không thể nói” cũng không hoang đường.

Hỏi: Nếu bấy giờ phân biệt giả lập thấy đều đoạn diệt, tức tướng sự lúc ấy tùy khiển trừ. Nếu vậy, tùy thu được một thánh trí, tức tất cả tướng, danh, phân biệt nhiếp trong số hữu tình, vô tình, nội ngoại sự vật lẽ đều vĩnh viễn diệt, thí như người huyền tạo tác các việc huyền?

Đáp: Các vật như tướng... hoặc do không cùng phân biệt làm nhân, hoặc lại do cùng phân biệt làm nhân. Nếu do không cùng phân biệt, phát khởi không phân biệt, thì kia cũng tùy diệt. Nếu cùng phân biệt phát khởi, thì phân biệt tuy không, mà do phân biệt khác giữ gìn nên không vĩnh viễn diệt. Nếu không vậy, phân biệt khác kia ứng với không kết quả. Kia tuy chẳng diệt, mà người đắc thanh tịnh ở trong sự việc kia được chánh kiến thanh tịnh. Thí như người tu nhiều quán hành, ở nơi một sự việc, do trí của tâm định thì thấy được

chủng chủng thắng giải khác nhau khả đắc. Kia cũng như vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu là sở thủ, bao nhiêu là năng thủ?

Đáp: Ba là sở thủ. Phân biệt, chánh trí cũng là sở thủ cũng là năng thủ.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu chủng nghĩa sở hành thủ?

Đáp: Lược có ba chủng: 1. Nghĩa sở hành thủ có lời có tướng; 2. Nghĩa sở hành thủ không lời có tướng; 3. Nghĩa sở hành thủ không lời không tướng. Trong đây chủng đầu là ngôn thuyết tùy giác, cảnh sở hành của thủ. Chủng thứ hai là ngôn thuyết tùy miên, cảnh sở hành của thủ. Chủng thứ ba là ngôn thuyết lìa tùy miên, cảnh sở hành của thủ. Lại chủng thứ nhất và thứ hai là thủ thế tục đế. Chủng sau cùng là thủ thắng nghĩa đế. Lại, về sau mới có được chủng thủ ngôn thuyết xa lìa tùy miên thông cả hai thủ đế nhiếp lấy cảnh sở hành của thủ. Đó là trí thế xuất thế, vì lấy an lập đế làm sở hành nên kiến lập trí kia, dụng thông hai đế làm cảnh sở hành. Hai chủng thủ đây do hai nhân duyên nên biết được thành tánh thế xuất thế: vì từng đắc

và vì chưa từng đắc; vì nương ngôn thuyết và vì không nương ngôn thuyết.

Hỏi: Thủ hữu tướng do thế gian cộng thành. Thủ vô tướng không do kia cộng thành. Nhân nào duyên nào gọi là thủ vô tướng? Không nhân không duyên thì không đúng đạo lý?

Đáp: Quả thủ do huân tập danh lời thế tục là thủ hữu tướng, do thế gian cộng thành, năng khiến tạp nhiễm. Quả thủ do huân tập trí kiến thắng nghĩa là thủ vô tướng, không phải chỗ cộng thành của thế gian, năng khiến thanh tịnh. Cho nên hai thủ đây có nhân có duyên. Như mắt đang có bệnh, liền thấy các vật ở trước chuyển động; nếu không có bệnh, chỉ có thủ tự tánh không hỗn loạn kia.

Hỏi: Ở vô tướng giới, nếu thủ tướng kia thì không phải thủ vô tướng, nếu không sở thủ cũng chẳng được thành thủ của vô tướng. Nếu vậy sao được gọi là thủ vô tướng?

Đáp: Vì đã xa lìa ngôn thuyết tùy miên, thủ đây tuy lại thủ vô tướng giới, mà vì không thủ tướng nên thành thủ vô tướng.

Hỏi: Nếu không cấu kết, sao nói thành thủ?

Đáp: Tuy không cấu kết các tướng sai biệt để

được tăng thêm, nhưng thủ vô tướng nên được thành thủ.

Hỏi: Nếu không cấu kết, không được tăng thêm, tướng trạng thủ đây sao nói là có thể biết?

Đáp: Vì thắng nghĩa thủ, vì vô tướng thủ. Năm chủng tướng sự đều không hiển hiện lấy làm tướng đây.

Hỏi: Nếu không phân biệt rõ ràng khá có thể lập thành là thủ, cơ sao không chấp nhận “các thủ diệt không”?

Đáp: Vì nghĩa “diệt không” không có tu tạo. Người tu quán chẳng thể nương nơi “diệt không” mà có sự tu tập.

Hỏi: Nếu vậy làm sao chứng biết tướng kia?

Đáp: Chỗ chứng biết của trí tự chứng đặc bên trong.

Hỏi: Nếu vậy sao không như sở chứng ấy mà ký biệt?

Đáp: Vì nội sở chứng đây chẳng phải chỗ các danh lời an đặt được.

Hỏi: Nếu trước không có trí biết vô tướng, do không có nên cũng không có nghĩa lớp lớp tập trí vô tướng. Vì không luôn tập trí biết vô tướng, tức

là không nhân, lẽ chẳng được sanh?

Đáp: Hữu tướng cũng được làm nhân vô tướng, vì thuận theo kia vậy. Trí biết thế gian làm duyên sanh trí xuất thế, trí hữu lậu làm duyên sanh trí vô lậu, hữu tâm định làm duyên sanh vô tâm định. Đây cũng như vậy.

Hỏi: Thế Tôn thuyết các trí khổ... là nhân được thanh tịnh. Nếu trí khổ ở nơi Khổ đế do phân biệt khổ... nên thành có tướng, nếu chẳng phân biệt thì các trí khổ liền chẳng là có. Vì kia không có, vậy sao gọi là sẽ năng được rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Do lực trí vô tướng tăng thượng, nên ở trong các đế cực khéo thanh tịnh, thông thế xuất thế phân biệt trí sanh, tức gọi đã đoạn phiền não sở đoạn. Trí vô tướng kia là nhân trí khổ... chánh năng đoạn diệt phiền não sở đoạn. Ở trong nhân đây giả lập danh quả, tức giả nói đây là trí khổ... cho nên không có lỗi.

Hỏi: Trước thuyết sở thủ là quả năng thủ, tức năng thủ đây nên nói là quả của cái gì?

Đáp: Hai đây triển chuyển xoay vần làm quả cho nhau.

Hỏi: Nếu cảnh sở tri vô thường tích tập tiếp

nổi nhau nhiều vô lượng, phần nhiều chẳng hiện thấy được. Cớ sao người tu quán hành duyên kia làm cảnh và khiến chuyển diệt?

Đáp: Vị kia vì lực văn-tư tăng thượng nên đắc tam-ma-địa. Do nhân duyên kia khiến năm chủng cảnh giới ảnh tượng tam-ma-địa hiện tiền, tức duyên sự đây lấy làm cảnh giới. Vì trừ khiến đây, kia được chuyển diệt.

Hỏi: Trừ khiến năm chủng cảnh giới sở tri, nên nói tướng nào?

Đáp: Chuyển y, vô thượng, vô vi, Niết-bàn lấy làm tướng kia. Sao gọi là Niết-bàn? Nghĩa pháp giới thanh tịnh, các khổ phiền não vĩnh viễn tịch tĩnh, chẳng phải nghĩa “diệt không”.

Hỏi: Nếu chỉ có các khổ phiền não vĩnh viễn tịch tĩnh gọi là Niết-bàn, vì nhân duyên nào chẳng phải nghĩa diệt không?

Đáp: Như ngoại thủy giới chỉ lìa xao động cấu bẩn được tánh trong sạch, chẳng phải lúc chưa lìa cấu uế không tánh trong sạch. Lại như vàng ròng chỉ lìa cứng rắn được tánh mềm mại, chẳng phải lúc chưa lìa kia không tánh mềm mại. Lại như hư không lìa mây, sương mù... ngăn che tịch tĩnh được

tánh trong sáng, chẳng phải kia lúc bị mây che... không tánh trong sáng. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

Sao gọi là pháp giới thanh tịnh? Vì tu chánh trí, nên vĩnh viễn đoạn trừ các tướng, chứng đắc chân như. Thí như người trong mộng thấy thân bị cuốn trôi trong dòng nước lớn, vì muốn vượt dòng thác mạnh nên phát đại tinh tấn, tức do phát khởi đại tinh tấn bỗng nhiên thức giấc. Đã tỉnh giấc, đối với dòng nước kia đều không chỗ thấy. Đạo lý *trừ tướng* đây nên biết cũng vậy.

Hỏi: Vì tức ở đây khi chánh đoạn diệt ngôn thuyết tùy miên tức trừ khiến các tướng, hay đã đoạn diệt rồi về sau mới trừ khiến?

Đáp: Lúc đoạn diệt, lúc trừ khiến đều ngang nhau, như đạo lý hai đầu cao thấp ngang nhau. Lại như hình vẽ, khi thể sắc hư hoại, hình tướng theo đó diệt. Lại như lúc mắt bị bệnh mà được lành bệnh, thì các tướng hoa mắt chuyển động cũng được trừ khiến. Lúc lành bệnh, lúc trừ khiến đều ngang nhau. Trong đạo lý đây nên biết cũng vậy.

Hỏi: Người tu quán hành sao gọi là trừ khiến tướng cảnh sở duyên?

Đáp: Do tâm chánh định, trước quán sát sâu các cảnh giới ảnh tượng sở tri, về sau do lực tác ý thắng nghĩa, chuyển xả hữu tướng, chuyển đắc vô tướng. Chuyển vô tướng đây lại có năm vị: 1. Vị ít phần; 2. Vị biến mãn; 3. Vị có động; 4. Vị có gia hạnh; 5. Vị thành tựu viên mãn.

Hỏi: Thành tựu viên mãn có tướng gì?

Đáp: Vì chẳng phải chỗ xen tạp của tất cả phiền não, tất cả tai hoạn; vì chỗ nương thanh tịnh, rốt ráo không não, thuyết danh là thành tựu viên mãn. Tức đây lại là sở hành nghĩa thiện thanh tịnh chân thật, sở hành tất cả hiện lượng, sở hành tất cả tự tại.

Hỏi: Ở thành tựu viên mãn đây kiến lập bao nhiêu thừa? Ngang thời nào chứng?

Đáp: Vì theo đó chứng đắc ba chủng căn sai biệt, nên kiến lập ba thừa. Nhưng hai thừa kia dụng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thừa làm căn bản. Lại hai thừa kia vì theo duyên sai khác, theo đó sự thành thực không quyết định, cho nên thời lượng chứng đắc cũng không quyết định. Thừa cuối cùng kia cần trải qua ba chủng vô số đại kiếp mới có thể chứng đắc, vì nương đoạn ba chủng thô

trọng riêng khác. Những gì gọi là ba chủng thô trọng? 1. Thô trọng ở phần da là phẩm đường ác không đáng vui. Do đoạn kia nên không đến đường ác, lúc tu gia hạnh không bị sự gián đoạn xen tạp của đường ác không đáng vui; 2. Thô trọng ở phần thịt là phẩm phiền não chướng. Do đoạn kia nên tất cả phiền não cực vi tế cũng không hiện hành, nhưng chưa vĩnh viễn hại diệt tất cả tùy miên; 3. Thô trọng ở phần tâm là phẩm sở tri chướng. Do đoạn kia nên vĩnh viễn hại diệt tất cả sở hữu tùy miên, biến khắp tất cả cảnh giới sở tri, vô chướng ngại trí tự tại chuyển.

Lại nữa, sao gọi là *kiến lập Thanh văn thừa*? Có 3 nhân duyên: 1. Vì biến hóa; 2. Vì thệ nguyện; 3. Vì pháp tánh.

Biến hóa: tùy thế lực giáo hóa kia, mà Như Lai hóa làm Thanh văn để giáo hóa.

Thệ nguyện: có bồ-đặc-già-la phát thệ nguyện tu tập Thanh văn thừa, tức kiến lập kia là Thanh văn.

Pháp tánh: có bồ-đặc-già-la bản tánh xưa nay từ bi yếu kém, ở nơi các sự khổ sanh sâu hãi sợ, do hai nhân đây đối với việc lợi tha không vui thích

sâu, không vì việc đây mà vui ở trong sanh tử. Do người kia an trụ pháp tánh như thế nên lập là Thanh văn. Lại hiểu rõ pháp tánh đây ở trong tất cả an lập đế, phần nhiều tu tập, e sợ hành chuyển. Do nhân duyên đây chứng đắc viên mãn. Như Thanh văn thừa, Độc giác cũng vậy. Độc giác đây có sai khác là ra đời không gặp Phật xuất thế mà chứng Chánh giác. Trái với ba tướng nhân duyên trên, nên biết là Bồ-tát.

Lại nữa, sao gọi là *Thanh văn hoại mất chánh pháp và Tỳ-nại-da*? Có Thanh văn kể chấp “chỉ không có các phiền não thiêu đốt gọi là tịch diệt”, sanh sâu hãi sợ “ngã sẽ đoạn, ngã sẽ hoại vĩnh viễn, ngã sẽ không có”. Thí như có người từ lúc nhỏ thân bị bệnh nhiệt, cho nên đối với thân không bệnh, người kia không có cảm nhận riêng. Đến lúc lành bệnh, nóng bức của cơ thể theo đó cũng diệt, liền sanh sợ hãi: “Ta không thể thoát khỏi bệnh nhiệt như vậy”. Đây gọi là hoại mất. Thí dụ đây hiển việc hoại mất của Thanh văn cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *Bồ-tát hoại mất Đại thừa*? Có Bồ-tát được nghe “tất cả pháp thẳm sâu vô tánh”, liền chấp tất cả phiền não thiêu đốt tự

tánh vốn không, cho là không có sanh tử trọng bệnh. Thí như có người trong thân phát khởi bệnh nóng sốt mà tưởng là không bệnh, nên đối với bệnh đây chẳng thể giải thoát. Đây gọi là hoại mất. Thí dụ đây hiển việc hoại mất của Bồ-tát nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu là thân, bao nhiêu là chẳng phải thân?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Hai là thân. Một là chẳng phải thân. Chân như đều không thể nói. Như thân, thì hữu và thế gian nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy và bốn chủng chân thật, trong đây sự nào nhiếp bao nhiêu chân thật?

Đáp: Chân thật do thế gian mà thành và chân thật do đạo lý mà thành nhiếp thuộc ba sự. Chân thật do phiền não tịnh trí sở hành và chân thật do sở tri chướng tịnh trí sở hành nhiếp thuộc hai sự.

Hỏi: Năm sự như vậy và bốn chủng tâm tư, trong đây sự nào nhiếp bao nhiêu tâm tư?

Đáp: Phân biệt tương ưng như lý tác ý nhiếp chung bốn chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy và bốn chủng như thật biến trí, trong đây sự nào nhiếp bao nhiêu như

thật biến trí?

Đáp: Tất cả đều do chánh trí nhiếp lấy.

Hỏi: Nương đâu Thế Tôn mật ý thuyết: “Tất cả pháp đều không hai”?

Đáp: Tức nương năm sự đã thuyết như vậy. Do tự tánh thế tục thuyết vô tự tánh. Do tướng riêng biệt thuyết có tự tánh.

Hỏi: Nương đâu Thế Tôn mật ý thuyết: “Tất cả pháp đều vô tự tánh”?

Đáp: Do nương thế lực giáo hóa kia mà thuyết ba chủng tánh vô tự tánh: 1. Tướng, tánh vô tự tánh; 2. Sanh, tánh vô tự tánh; 3. Thắng nghĩa, tánh vô tự tánh.

Sao gọi là tướng tánh vô tự tánh? Tức là tất cả pháp do thế tục ngôn thuyết tự tánh.

Sao gọi là sanh tánh vô tự tánh? Tất cả hành do các duyên mà được sanh. Do lực của duyên nên có, chẳng phải tự nhiên có. Cho nên thuyết là sanh tánh vô tự tánh.

Sao gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh? Đó là chân thật nghĩa, chỗ xa lìa tướng pháp. Đây do thắng nghĩa nói tánh vô tự tánh. Như Bí-sô quán hành ở nơi đồng xương sanh thắng giải đây mà

không thể trừ khiển. Cho nên ở đồng xương đây, tướng thắng nghĩa vô tự tánh hằng chuyển không gián đoạn. Như vậy nên biết thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Trong năm sự đây, chẳng phải do tướng tánh vô tự tánh mà thuyết vô tự tánh. Nhưng do sanh tánh vô tự tánh, thắng nghĩa tánh vô tự tánh, nên tùy chỗ thích hợp thuyết vô tự tánh. Tướng, danh, phân biệt, chánh trí đều do hai chủng tánh vô tự tánh. Chân như chẳng do tánh vô tự tánh mà thuyết vô tự tánh. Cho nên trong Già-dà (Ứng tụng), Thế Tôn nương mật ý đây thuyết lời như vậy: “Ta thuyết một đế, lại không thuyết có đế thứ hai”.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tất cả pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”?

Đáp: Nương tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tất cả pháp ngang đồng hư không”?

Đáp: Cũng nương tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tất

cả pháp đều như huyễn thủy”?

Đáp: Nương sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tùy quán hết thủy sắc cho đến thức có vô thường”?

Đáp: Nương tướng tánh vô tự tánh mà thuyết lời như vậy. Vì có sao? Muốn thuyết tùy quán hết thủy “thường” không có, cho nên thuyết tùy quán hết thủy “có” vô thường.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tùy quán hết thủy sắc cho đến thức đều có khổ”?

Đáp: Nương sanh tánh vô tự tánh và thắng giải tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Tùy quán hết thủy tức kia đều không”?

Đáp: Tức các pháp kia nương sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Do xa lìa tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy. Như nương tánh xa lìa thuyết kia là không, nương tướng khác thuyết là vô ngã cũng vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Sắc cho đến thức, vì như lý quán, vì tư duy sâu, cho đến quán kia chẳng phải có hiển hiện”?

Đáp: Nương tướng tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Kia hiển hiện hư ngục không thật”?

Đáp: Nương sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết lời như vậy: “Cho nên nay nên biết xứ đây: nơi nhãn vĩnh viễn tịch diệt xa lìa tướng sắc, cho đến ý vĩnh viễn tịch diệt xa lìa tướng pháp”?

Đáp: Điều không nương tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Do kia nên ở tất cả xứ khiến trừ tất cả tướng... trời Đế Thích cũng không thể biết vị kia nương xứ nào mà khởi tinh lự”?

Đáp: Điều không nương tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Nơi nhãn nhận biết sắc năng thuận theo xứ hỷ, ưu, xả... cho đến ý nhận biết pháp không thường không thật, không gì không diên đảo, không gì chẳng diên đảo”. Lại thuyết có Thánh đế xuất thế gian?

Đáp: Nương tất cả tánh vô tự tánh, hoặc không nương tánh vô tự tánh thuyết lời như vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương đâu mật ý thuyết: “Người tinh lự, cảnh giới tinh lự, chư Phật, cảnh giới chư Phật đều không thể nghĩ bàn”?

Đáp: Nương tất cả tánh vô tự tánh, hoặc không nương tánh vô tự tánh mà thuyết lời như vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy, duyên nào kiến lập tướng đầu tiên, cho đến kiến lập chánh trí sau cùng?

Đáp: Nếu không ở nơi sự tướng ấy mà thi thiết danh, thì không đúng đạo lý, nên kể đến thi thiết danh đây. Do danh đây nên thi thiết tự tánh, thi thiết sai biệt, cho nên kể đến thi thiết phân biệt đây. Do lúc phân biệt, hoặc phân biệt tướng, hoặc phân biệt danh, hoặc đồng phân biệt tướng và danh. Do ba pháp đầu đây, hiển thứ lớp phẩm tạp nhiễm viên mãn. Từ đây năng tu thứ lớp phẩm thanh tịnh, tức quán sở hữu các pháp tạp nhiễm kia là chân như, cho nên kể đến thi thiết chân như. Do chánh trí, nên năng chân chánh quán sát, năng đắc thanh tịnh, cho nên kể đến thi thiết chánh trí. Do hai chủng cuối đây, hiển thứ lớp phẩm thanh tịnh viên mãn. Cho nên hiển thị thứ

tự của năm chủng như vậy.

Như vậy đã thuyết quyết trạch Sự trong phần *Chân thật nghĩa*. Nếu muốn rõ biết Chân thật nghĩa, lại nên tu quán ở nơi ba tự tánh.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Nêu chung, phân biệt riêng
Duyên, sai biệt, y nương
Cũng vì tế chấp trước
Như danh thấy chấp tánh.*

Sao gọi là **ba chủng tự tánh**? 1. Tự tánh biến kế sở chấp; 2. Tự tánh y tha khởi; 3. Tự tánh viên thành thật.

Tự tánh biến kế sở chấp: theo ngôn thuyết, nương giả danh lời kiến lập tự tánh.

Tự tánh y tha khởi: tự tánh do từ các duyên mà sanh.

Tự tánh viên thành thật: các pháp chân như, sở hành thánh trí, cảnh giới thánh trí, sở duyên thánh trí, cho đến năng khiến chứng đắc thanh tịnh, năng khiến giải thoát tất cả tướng phược và thô trọng phược, cũng khiến dẫn phát tất cả công đức.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp nên biết duyên những gì?

Đáp: Nên biết duyên ở nơi danh tướng phụ thuộc lẫn nhau.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi nên biết duyên những gì?

Đáp: Nên biết duyên chấp tự tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật nên biết duyên những gì?

Đáp: Nên biết duyên tự tánh biến kế sở chấp.

Ở trong tự tánh y tha khởi nên biết rõ ràng không thật. Trong kinh khác, Thế Tôn thuyết: “Duyên chẳng chấp trước tự tánh biến kế sở chấp”. Tánh đây nên biết nương đắc thanh tịnh mà thuyết, chẳng nương tướng thuyết. Nay trong nghĩa đây nên biết nương tướng thuyết.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp có bao nhiêu chủng?

Đáp: Lược có năm chủng: 1. Tự tánh nghĩa biến kế; 2. Tự tánh danh biến kế; 3. Tự tánh tạp nhiễm biến kế; 4. Tự tánh thanh tịnh biến kế; 5. Tự tánh chẳng phải tạp nhiễm thanh tịnh biến kế.

1. Sao gọi là *tự tánh nghĩa biến kế*? Có bốn chủng: *a. Tự tướng biến kế*; *b. Tướng sai biệt biến kế*; *c. Tướng sở thủ biến kế*; *d. Tướng năng thủ biến kế*.

Tự tướng biến kế: biến kế sắc đây là tự tánh sắc cho đến sự đây là tự tánh thức, sự đây là tự tánh nhân cho đến sự đây là tự tánh pháp.

Tướng sai biệt biến kế: biến kế sắc đây là khả ý, sắc đây là không khả ý, sắc đây là chẳng phải khả ý chẳng phải không khả ý; sắc đây là có thể thấy, sắc đây là không thể thấy; sắc đây là có đối ngại, sắc đây là không đối ngại; sắc đây là hữu lậu, sắc đây là vô lậu; sắc đây là hữu vi, sắc đây là vô vi. Hết thấy đạo lý sai biệt như vậy là sở hữu sai biệt của biến kế sắc. Như sắc, thì tất cả xứ khác như uẩn... nên biết cũng vậy.

Tướng sở thủ biến kế: biến kế sắc đây là nhãn sở thủ, cho đến biến kế thọ, tướng, hành, thức đây là nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý sở thủ. Lại biến kế thọ, tướng, hành, thức đây là ý sở thủ Dục giới, đây là ý sở thủ Sắc giới, đây là ý sở thủ Vô sắc giới, đây là ý sở thủ không hệ buộc.

Tướng năng thủ biến kế: biến kế sắc đây là sắc năng thủ; sắc đây là thanh, hương, vị, xúc,

pháp năng thủ. Lại biến kế thọ, tướng, hành, thức đây là sắc năng thủ; đây là thanh, hương, vị, xúc, pháp năng thủ.

2. Sao gọi là *tự tánh danh biến kế*? Có hai chủng: không sai biệt và có sai biệt.

Không sai biệt: biến kế sở hữu danh của tất cả pháp.

Có sai biệt: biến kế danh đây là sắc, danh đây là thọ, danh đây là tướng, danh đây là hành, danh đây là thức. Như vậy thấy loại vô lượng vô số pháp sai biệt, trong đó mỗi pháp có danh riêng sai biệt.

3. Sao gọi là *tự tánh tạp nhiễm biến kế*? Biến kế sắc đây có tham, có sân, có si, chẳng thể xa lìa tham sân si hệ buộc, lại không cùng tương ưng với tất cả thiện pháp như tín... Lại biến kế thọ đây, tướng đây, hành đây, thức đây có tham, có sân, có si, chẳng thể xa lìa tham sân si hệ buộc, lại không tương ưng với tất cả thiện pháp như tín...

4. Sao gọi là *tự tánh thanh tịnh biến kế*? Nên biết trái với tướng trên.

5. Sao gọi là *tự tánh chẳng phải tạp nhiễm thanh tịnh biến kế*? Biến kế sắc đây là sở thủ, đây là năng thủ; thọ, tướng, hành, thức đây là sở thủ,

đây là năng thủ. Lại trong tất cả pháp vô ký, biến kế sở hữu vô ký của các pháp.

Lại nữa, tự tánh biến kế sở chấp có năm chủng:
 1. Tự tánh nương danh biến kế nghĩa; 2. Tự tánh nương nghĩa biến kế danh; 3. Tự tánh nương danh biến kế danh; 4. Tự tánh nương nghĩa biến kế nghĩa; 5. Tự tánh nương danh nghĩa biến kế danh nghĩa.

Sao gọi là *tự tánh nương danh biến kế nghĩa*?
 Biến kế danh sự sắc đây có thật tánh sắc; danh sự thọ, tưởng, hành, thức đây có thật tánh thọ, tưởng, hành, thức.

Sao gọi là *tự tánh nương nghĩa biến kế danh*?
 Biến kế sự đây danh là sắc, hoặc chẳng danh là sắc; sự đây danh là thọ, tưởng, hành, thức, hoặc chẳng danh là thọ, tưởng, hành, thức.

Sao gọi là *tự tánh nương danh biến kế danh*?
 Không liễu rõ sự sắc mà khởi biến kế phân biệt danh sắc. Không liễu rõ sự thọ tưởng hành thức, mà khởi biến kế phân biệt danh thọ tưởng hành thức.

Sao gọi là *tự tánh nương nghĩa biến kế nghĩa*?
 Không liễu rõ danh sắc, do không liễu rõ danh mà

khởi biến kế phân biệt sự sắc. Không liễu rõ danh thọ tướng hành thức, do không liễu rõ danh mà khởi biến kế phân biệt sự thọ tướng hành thức.

Sao gọi là *tự tánh nương danh nghĩa biến kế danh nghĩa*? Biến kế sự đây là tự tánh sắc, danh là sắc; biến kế sự đây là tự tánh thọ tướng hành thức, danh là thọ tướng hành thức.

Lại nữa, chấp tự tánh biến kế sở chấp lược có 2 chủng: 1. Chấp gia hạnh; 2. Chấp danh thi thiết.

Chấp gia hạnh lại có 5 chủng: *a.* Vì tham ái gia hạnh; *b.* Vì sân khuể gia hạnh; *c.* Vì hội hợp gia hạnh; *d.* Vì ly biệt gia hạnh; *e.* Vì xả gia hạnh.

Chấp danh thi thiết lại có 2 chủng: *a.* Chỗ tác phi văn tự; *b.* Chỗ tác văn tự.

Chỗ tác phi văn tự: tức là chấp “Đây là vật gì? Sao gọi là vật đây? Vật đây là thế nào? Vật đây ra sao?”.

Chỗ tác văn tự: tức chấp “Đây là vật đây. Vật đây như vậy, hoặc sắc cho đến hoặc thức, hoặc hữu vi hoặc vô vi, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký... như vậy thủy”.

Lại nữa, chấp trước vi tế có 5 chủng: 1. Ở nơi vô thường chấp thường; 2. Ở nơi khổ chấp lạc; 3. Ở

nơi bất tịnh chấp tịnh; 4. Ở nơi vô ngã chấp ngã; 5. Ở trong các tướng chấp tự tánh biến kế sở chấp.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết ngu phu như danh như lời, ở nơi sự hý luận mà chấp có tự tánh. Vì có sao? Nhân có lời hỏi: Sự đây lấy gì làm tự tánh?. Đáp: Sự đây là tự tánh sắc, chẳng phải danh sắc. Hoặc đáp: Sự đây là tự tánh thọ tướng hành thức, chẳng phải danh thọ tướng hành thức.

Lại nữa, người một mình ở chốn không nhà, tinh siêng quán sát tự tướng, cộng tướng các pháp. Tâm tư sự đây là tướng sắc, chẳng phải danh sắc; hoặc tâm tư sự đây là tướng thọ tướng hành thức, chẳng phải danh thọ tướng hành thức.

Lại nữa, ở nơi sự sắc đây, khi tâm cầu tướng sắc không thể được liền sanh chẳng vui, vì chẳng cầu danh sắc thời không thể được. Hoặc ở sự thọ tướng hành thức đây, khi tâm cầu tướng thọ tướng hành thức không thể được, liền sanh chẳng vui, vì chẳng cầu danh thọ tướng hành thức thời không thể được.

Lại nữa, lời ở nơi danh chuyển, danh ở nơi nghĩa chuyển. Trong đây nếu danh năng hiển nghĩa tự tướng, chẳng phải đây năng hiển nghĩa tướng

sai biệt, chẳng phải đây năng hiển nghĩa tướng sở thủ, chẳng phải đây năng hiển nghĩa tướng năng thủ. Hoặc danh cho đến năng hiển nghĩa năng thủ, chẳng phải đây năng hiển cho đến nghĩa tự tướng. Nếu tức danh kia ở nơi nghĩa tự tướng chuyển, cũng cho đến ở nơi nghĩa tướng năng thủ chuyển, các danh còn lại hành hiểu riêng biệt tùy nghĩa mà chuyển nên không thể được. Đây không đúng lý. Như vậy lại trong chỗ có danh, mỗi danh thì có nghĩa riêng chuyển, nếu danh ở nơi nghĩa tự tướng chuyển, cho đến nếu danh ở nơi nghĩa tướng năng thủ chuyển. Danh đây là ở nơi nghĩa có chuyển ư, hay là ở nơi nghĩa không chuyển ư? Ở nơi nghĩa có mà chuyển lại không đúng lý. Không đúng lý đây như trước đã biện trong “quán năm sự”. Ở nơi nghĩa không mà chuyển, vậy thì danh đây ở nơi nghĩa tướng không chuyển. Lý này chấp nhận được. Nếu ở nơi nghĩa tướng không chuyển, thì nghĩa đây chẳng phải có, chỉ năng hiển thị tự tăng ích. Nếu thủ tăng ích tức là chấp trước. Cho nên như danh, như lời, như sự hý luận, đạo lý chấp trước tự tánh thành tự.

Lại nữa, tất cả ngu phu bị trói buộc ở trong

các tướng, danh lời, nên biết như danh, như lời, ở nơi sự hý luận mà vọng chấp tự tánh.

Hỏi: Duyên cơ nào nên biết bị trói buộc ở trong các tướng danh lời?

Đáp: Do lý và giáo.

Sao gọi là *do lý*? Hoặc lìa danh lời, ở trong các sự chẳng thể được hỷ lạc; hoặc danh lời cùng ở trong các sự hỷ lạc khả đắc, là một đạo lý.

Lại triển chuyển nương nhau mà được sanh khởi. Vì cơ sao? Vì sự nương danh lời mà được sanh. Vì danh lời nương sự mà có thể được sanh. Như người thế gian cần nương sự có thì phân biệt danh lời mới được sanh khởi, chẳng phải ở nơi sự *không* mà khởi phân biệt đây. Như vậy nên biết sự làm chỗ nương tựa mà danh lời được sanh, như người tĩnh lự lúc bên trong tĩnh lự. Như như ý tác ý danh lời, như vậy như vậy vì có ảnh tượng đồng phạm sự sở tri sanh khởi mới liền chuyển vận hiện tại tiền. Như vậy nên biết danh lời vì nương sự mà có thể được sanh.

Lại ở nơi danh lời lúc tu đối trị, nếu an đặt tâm nơi vô tướng giới, tất cả các tướng đều không hiện tiền. Nếu không an đặt tâm ở vô tướng giới,

không tùy theo chỗ muốn, tâm liền bị trôi chuyển theo các tướng. Do đạo lý đây, nên biết ở nơi tướng danh lời mà bị trôi buộc.

Sao gọi là *do giáo*? Như Thế Tôn thuyết:

*Phàm phu nghĩ ngu muội
Trôi buộc nơi tướng lời
Lời buộc, Mâu-Ni thoát
Nơi tướng được tự tại.
Người hành kiến thanh tịnh
An trụ nơi chân trí
Ở tự tánh không đắc
Không thấy chỗ nương kia.
Do chân trí thanh tịnh
Gọi kia là Chân minh
Không tương ưng hai chấp
Nên hiệu là Không hai.*

Lại như dị sanh ở trong các uẩn khéo biết vô ngã, tuy quán trong uẩn chỗ kiến lập ngã chỉ là giả có, nhưng ở nơi chấp ngã kia vẫn bị chuyển theo, vì chưa vĩnh viễn đoạn trừ tùy miên vậy. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.



Quyển 74
Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA
Phần 3

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Nhiếp, vô tánh, biết thấy
Mật ý thấy, sở hành
Thông đạt và tùy nhập
Sai biệt, nương đi sau.*

Hỏi: Ba chủng tự tánh và năm pháp là tướng...
Trong năm pháp, tự tánh ban đầu nhiếp thuộc bao
nhiều pháp?

Đáp: Đều không nhiếp thuộc pháp nào.

Hỏi: Tự tánh thứ hai nhiếp thuộc bao nhiêu
pháp?

Đáp: Nhiếp thuộc bốn pháp.

Hỏi: Tự tánh thứ ba nhiếp thuộc bao nhiêu
pháp?

Đáp: Nhiếp thuộc một pháp.

Hỏi: Nếu tự tánh y tha khởi cũng nhiếp thuộc

chánh trí, cứ sao trước thuyết tự tánh y tha khởi duyên chấp tự tánh biến kế sở chấp nên có thể rõ biết?

Đáp: Ý kia chỉ thuyết tự tánh y tha khởi phần tạp nhiễm, chẳng phải phần thanh tịnh. Nếu phần thanh tịnh, nên biết duyên không chấp tự tánh biến kế sở chấp nên có thể rõ biết.

Lại nữa, tánh của ba chủng tự tánh và ba chủng vô tự tánh, đó là: tướng tánh vô tự tánh, sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Do tướng tánh vô tự tánh, nên tự tánh biến kế sở chấp nói là vô tự tánh. Do sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh, nên tự tánh y tha khởi nói là vô tự tánh. Vì tánh đây chẳng phải tự nhiên có, nên chẳng phải tánh sở duyên thanh tịnh. Chỉ do thắng nghĩa tánh vô tự tánh, nên tự tánh viên thành thật thuyết là vô tự tánh. Vì cứ sao? Do tự tánh đây cũng là thắng nghĩa, cũng là chỗ hiển của tất cả pháp tánh vô tự tánh.

Hỏi: Ba chủng tự tánh, bao nhiêu nên biết khắp?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu nên vĩnh viễn đoạn trừ?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu nên chứng đắc?

Đáp: Một.

Lại nữa, do ba chủng tự tánh đây, tất cả kinh bất liễu nghĩa, các nghĩa ẩn mật đều theo đó quyết liễu. Đó là ngôn ngữ bí mật của chư Như Lai và chỗ có nghĩa trọng yếu, vô lượng giáo ngôn ngữ bí mật của chư Bồ-tát, đều do ba chủng tự tánh đây mà theo đó quyết liễu.

Hỏi: Như trong kinh đã thuyết “Vô sanh pháp nhẫn”, kiến lập thế nào?

Đáp: Do ba tự tánh mà được kiến lập. Tức do tự tánh biến kế sở chấp lập bản tánh Vô sanh nhẫn, do tự tánh y tha khởi lập tự nhiên Vô sanh nhẫn, do tự tánh viên thành thật lập phiền não khổ cấu Vô sanh nhẫn. Nên biết nhẫn đây không có thối chuyển.

Lại nữa, ba chủng giải thoát môn cũng do ba tự tánh đây mà được kiến lập. Tức do tự tánh biến kế sở chấp lập Không giải thoát môn, do tự tánh y tha khởi lập Vô nguyện giải thoát môn, do tự tánh viên thành thật lập Vô tướng giải thoát môn.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp là sở hành của

trí nào, là phàm trí hay thánh trí?

Đáp: Điều chẳng phải sở hành của trí, vì dụng vô tướng vậy.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi là sở hành của trí nào?

Đáp: Là sở hành của hai trí, nhưng chẳng phải sở hành của thánh trí xuất thế.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật sở hành của trí nào?

Đáp: Chỉ là sở hành thánh trí.

Hỏi: Những người quán hành khi thông đạt tự tánh biến kế sở chấp, nên nói hành nơi tướng hay hành nơi vô tướng?

Đáp: Nếu vì dụng thế gian trí, nên khi thông đạt nói là hành nơi tướng. Nếu vì dụng xuất thế gian trí, nên khi thông đạt nói hành nơi vô tướng. Như tự tánh biến kế sở chấp, thì tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật cũng vậy.

Hỏi: Nếu người quán hành khi như thật ngộ nhập tự tánh biến kế sở chấp, nên nói tùy nhập tự tánh nào?

Đáp: Tự tánh viên thành thật.

Hỏi: Nếu người quán hành khi tùy nhập tự tánh

viên thành thật, nên nói trừ khiến tự tánh nào?

Đáp: Tự tánh y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp có bao nhiêu chủng?

Đáp: Tùy ở trong tự tánh y tha khởi mà thi thiết kiến lập sở hữu phần lượng của tự tánh sai biệt, tức như lượng kia thì tự tánh biến kế sở chấp cũng vậy. Do đây nên biết tự tánh biến kế sở chấp có vô lượng sai biệt. Lại ở trong tự tánh y tha khởi có hai chủng chấp tự tánh biến kế sở chấp: 1. Tùy giác; 2. Xuyên suốt tập quen tập khí tùy miên.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nên biết như tướng, có nhiều phẩm loại sai biệt. Lại có hai chủng tự tánh y tha khởi: 1. Chỗ khởi do chấp tự tánh biến kế sở chấp; 2. Chỗ khởi do không chấp tự tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật có bao nhiêu chủng?

Đáp: Vì ở tất cả xứ đều chỉ có một vị, nên tự tánh viên thành thật không an lập phẩm số sai biệt.

Hỏi: Những gì là chỗ nương của tự tánh biến kế sở chấp?

Đáp: Ba sự là tướng, danh và phân biệt làm chỗ nương.

Hỏi: Những gì là chỗ nương của tự tánh y tha khởi?

Đáp: Tức chấp tự tánh biến kế sở chấp và đẳng lưu của chính nó làm chỗ nương.

Hỏi: Những gì là chỗ nương của tự tánh viên thành thật?

Đáp: Không chỗ an trụ, không chỗ nương gá.
Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Nếu không có, tác nghiệp
Vi tế thấy, không “thể”
Sanh, chấp thấy, rõ biết
Nhiễm, khổ, dụ, phân biệt.*

Hỏi: Nếu không có tự tánh biến kế sở chấp sẽ có lỗi gì?

Đáp: Ở trong tự tánh y tha khởi, lẽ không danh lời, chấp không danh lời. Nếu đây không, thì chẳng thể rõ biết tạp nhiễm, thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không có tự tánh y tha khởi sẽ có lỗi gì?

Đáp: Chẳng do dụng công, tất cả tạp nhiễm

đều lẽ chẳng phải có. Nếu đây không, làm sao có thể rõ biết không thanh tịnh?

Hỏi: Nếu không có tự tánh viên thành thật sẽ có lỗi gì?

Đáp: Điều lẽ chẳng thể rõ biết tất cả phẩm thanh tịnh.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp năng tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Năm. Đó là: 1. Năng sanh tự tánh y tha khởi; 2. Túc ở nơi tánh kia, năng khởi ngôn thuyết; 3. Năng sanh chấp bổ-đặc-già-la; 4. Năng sanh chấp pháp; 5. Năng nhiếp thọ tập khí thô trọng của hai chấp kia.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi năng tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm. Đó là: 1. Năng sanh sở hữu pháp tánh tạp nhiễm; 2. Năng làm chỗ nương của tự tánh biến kế sở chấp và tự tánh viên thành thật; 3. Năng làm chỗ nương chấp bổ-đặc-già-la; 4. Năng làm chỗ nương chấp pháp; 5. Năng làm chỗ nương tập khí thô trọng của hai chấp kia.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật năng tạo bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Cũng năm. Do năm nghiệp đây đối trị tánh cảnh giới sở duyên sanh khởi của hai chủng tự tánh kia.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp nên nói vi tế, hay nói thô?

Đáp: Nên nói vi tế. Như vi tế, thì khó thấy, khó nhận biết nên biết cũng vậy.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi nên nói vi tế, hay nói thô?

Đáp: Nên nói là thô, nhưng khó thấy, khó nhận biết.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật nên nói vi tế, hay nói thô?

Đáp: Nên nói cực vi tế. Như cực vi tế, thì cực khó thấy, cực khó nhận biết nên biết cũng vậy.

Hỏi: Ba tự tánh đây bao nhiêu là không *thể* năng chuyển có *thể*?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu là có *thể* năng chuyển có *thể*, không *thể*?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu là có *thể* mà chẳng năng chuyển?

Đáp: Một.

Hỏi: Ba tự tánh đây bao nhiêu là chẳng sanh, năng sanh nơi sanh?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu là sanh, năng sanh nơi sanh, chẳng sanh?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu chẳng phải sanh, chẳng năng sanh nơi sanh và chẳng sanh?

Đáp: Một.

Hỏi: Sao gọi là nên biết tướng chấp, không chấp tự tánh biến kế sở chấp?

Đáp: Đây có hai chủng: 1. Chấp hoặc không chấp giác ngộ kia; 2. Chấp hoặc không chấp tùy miên kia. Nếu do ngôn thuyết giả lập danh tự quyết định tự tánh các pháp biến kế, gọi là chấp giác ngộ kia. Nếu khéo rõ biết chỉ có danh, vì biết chỉ có danh, nên chẳng phải các pháp kia có tánh quyết định, gọi là ở nơi kia không chấp. Nếu tùy miên tập khí kia chưa mỏng nhẹ, cho đến chưa xả tập khí thô trọng, nên biết ở nơi kia có chấp tùy miên. Nếu đã vĩnh viễn đoạn trừ, gọi là không chấp.

Hỏi: Sao gọi là nên biết tướng chấp, không chấp tự tánh y tha khởi?

Đáp: Do chấp giác ngộ tự tánh biến kế sở chấp, lại biến kế kia thành tự tánh, đây gọi là chấp giác ngộ. Hoặc khéo rõ biết chỉ có các tướng, biến kế kia chẳng thành tự tánh, gọi là không chấp giác ngộ. Hoặc nơi tướng phược chưa vĩnh viễn mỏng nhẹ, ở trong các tướng lúc có sở đắc, gọi là chấp tùy miên. Hoặc nơi tướng phược đã vĩnh viễn mỏng nhẹ, vì ở nơi vô tướng giới chánh rõ biết, nên ở nơi tướng không đắc; hoặc thời sau như sở hữu có được mà có sở đắc, nên biết là không chấp tùy miên.

Hỏi: Sao gọi là nên biết tướng chấp, không chấp tự tánh viên thành thật?

Đáp: Đây không có chấp, vì ở giới đây chẳng phải là chỗ an đặt của chấp kia vậy. Nếu người ở trong giới đây chưa đắc chưa xúc chưa tác chứng, mà phát khởi tăng thượng mạn cho là đã đắc đã xúc đã chứng, tức là tăng thượng chấp tự tánh biến kế sở chấp và y tha khởi.

Hỏi: Phải biết tự tánh biến kế sở chấp thế nào?

Đáp: Nên chân chánh rõ biết chỉ có danh, chỉ biến kế chấp. Vô tướng, vô tánh, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải hệ buộc, chẳng phải là hệ buộc, chẳng phải phược, chẳng phải giải thoát, chẳng phải khổ, chẳng phải lạc, chẳng phải không khổ không lạc; duy chỉ một vị ở khắp tất cả xứ đều như hư không. Dụng hết thấy vô lượng hành tướng như vậy, nên biết đã chân chánh rõ biết tự tánh biến kế sở chấp.

Hỏi: Phải biết tự tánh y tha khởi thế nào?

Đáp: Phải chân chánh rõ biết tất cả lý lẽ... đều do sự hữu vi nhiếp lấy. Sao gọi là tất cả sự lý lẽ? Chỗ gọi là sự uẩn, sự giới, sự xứ, sự duyên khởi, sự xứ phi xứ, sự căn, sự nghiệp, sự phiền não, sự tùy phiền não, sự sanh, sự đường ác, sự đường thiện, sự sản sanh, sự sắc loại, sự Tứ đại vương chúng thiên cho đến sự Tha hóa tự tại thiên, sự Phạm chúng thiên cho đến sự Sắc cứu cánh thiên, sự Không vô biên xứ cho đến sự Phi tướng phi phi tướng xứ, sự tùy tín hành, sự tùy pháp hành, sự thiện căn thuận phần quyết trạch, sự kiến đạo, sự

tu đạo, sự quả Dự lưu cho đến sự quả A-la-hán, sự Độc giác, sự Chánh Đẳng Giác, sự diệt thọ tưởng, sự đến bờ kia, sự niệm trụ cho đến sự đạo chi, sự tinh lự vô lượng vô sắc định, sự tu tưởng, sự tu tùy niệm, sự giải thoát, thắng xứ, biến xứ, sự vô sở úy lực, nguyện trí, bất hộ, niệm trụ, đại bi, tập khí vĩnh viễn hại diệt, các tướng tùy hảo, tất cả chủng diệu trí, tất cả pháp Phật bất cộng. Lại phải rõ biết đồng với huyền mộng, bóng sáng, tiếng vang trong hang, bóng trăng trong nước và biến hóa...; giống như đồng bọt nước, giống như bong bóng nước, giống như dương diệm, giống như cây chuối; như say, như cuồng, như oán, như hại, như nước dơ, như con vay mượn, như rương rắn độc; là không, vô nguyện, viễn ly, không thủ, hư ngụy, chẳng bền... Hết thấy vô lượng loại sai biệt như vậy.

Hỏi: Phải biết tự tánh viên thành thật thế nào?

Đáp: Phải chánh rõ biết tướng sai biệt, chỗ gọi là chân như, thật tế, pháp giới, hết thấy vô lượng loại sai biệt như vậy. Lại phải rõ biết các sự sai biệt khác: như không hình sắc, không thể xem thấy, không chỗ nương trụ, không chỗ phan duyên,

chẳng thể hiển hiện, chẳng thể liễu biệt, chẳng thể thi vi, chẳng thể tuyên thuyết, là các hý luận, không thủ không xả... Hết thấy vô lượng loại sai biệt như vậy.

Hỏi: Ba tự tánh đây, bao nhiêu không tự nhiên mà năng khiến tha nhiễm?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu duy chỉ tự nhiễm?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu tự thanh tịnh khiến tha thanh tịnh?

Đáp: Một. Như nhiễm, nên biết khổ cũng vậy.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp lấy gì làm dụ?

Đáp: Dụ như hư không.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi lấy gì làm dụ?

Đáp: Dụ như hại, như oán.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật lấy gì làm dụ?

Đáp: Dụ như đại bảo vô tận ẩn tàng.

Hỏi: Tự tánh biến kế do có gì biến kế?

Đáp: Do tự tánh y tha khởi.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi do có gì y tha?

Đáp: Do nhân duyên.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật do có gì viên thành thật?

Đáp: Do tất cả các khổ phiền não không khiến tạp nhiễm; lại do thường vậy.

Hỏi: Như đã thuyết thì năng thủ tuệ chân thật nghĩa là vô phân biệt. Sao nói nên biết tướng vô phân biệt là do không tác ý, là do siêu vượt kia, là do không chỗ có, là do là tánh kia, là do ở nơi cảnh sở duyên tác gia hạnh? Nếu do không tác ý, tức là kia mà tương ứng với như lý tác ý thì không đúng đạo lý; thì tức do ngu say... nên thành lỗi đây. Nếu do siêu vượt kia, thì sao nói kia không trái với thánh giáo? Như đã thuyết thì sở hữu các tâm tâm sở của ba cõi đều là phân biệt. Nếu do không chỗ có, thì sao nói tuệ đây chẳng thành phi tâm sở? Nếu do là tánh kia, thì sao nói tuệ đây chẳng thành tự tánh sắc và chẳng phải tướng thông đạt? Nếu do ở nơi cảnh sở duyên tác gia hạnh, sao nói không hủy báng tuệ vô phân biệt là tánh gia hạnh? Nếu hết thấy như vậy đều không đúng lý, thì sao gọi là nên biết tuệ vô phân biệt?

Đáp: Vì ở nơi cảnh sở duyên, là gia hạnh. Cảnh sở duyên đây là tướng có, không. Các pháp

chân như, tức đây cũng là lìa các phân biệt. Do thế lực trước dẫn phát, tuy lìa gia hạnh, lúc nắm giữ tướng chân như tương ưng diệu tuệ sanh, ở nơi tướng sở duyên, năng hiện tướng chiếu soi nắm giữ. Cho nên tuệ đây gọi là vô phân biệt.

Như vậy đã thuyết quyết trạch phần *Chân thật nghĩa*. Do năm nhân duyên nên biết sở hữu uy đức của Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Những gì là năm? 1. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát siêu vượt tất cả cảnh tâm tư; 2. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát thí dụ thế gian chẳng thể sánh được; 3. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát do tâm khéo mài giữa sáng sạch; 4. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát tâm một hướng không đồng phân cùng bất định địa; 5. Vì sở hữu uy đức của Bồ-tát tâm một hướng hệ thuộc định địa.

Lại nữa, ở trong Đại thừa có mười pháp hạnh năng khiến Bồ-tát thành thực hữu tình. Những gì là mười? Đối với đại thừa tương ưng tạng Bồ-tát nhiếp pháp Khế kinh... giữ gìn ghi chép, cúng dường, huệ thí đối với người, cung kính lắng nghe nếu người chân chánh thuyết, hoặc tự đọc tụng suy gẫm, hoặc lại lãnh thọ, đã lãnh thọ rồi dùng âm thanh lớn đọc tụng, hoặc lại vì người rộng thuyết

khai thị, hoặc một mình ở chốn không nhân tư duy so lường quán sát, tùy nhập tu tướng.

Hỏi: Mười chủng pháp hạnh như vậy, bao nhiêu năng sanh đạo phước đức rộng lớn?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu là đạo gia hạnh?

Đáp: Một, đó là thứ chín.

Hỏi: Bao nhiêu là đạo thanh tịnh chướng?

Đáp: Một, đó là mười.

Như vậy văn quyết trạch chủng loại còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, như Văn sở thành địa nhiếp trong Đại thừa có thuyết về năm chủng tướng đại Bồ-đề cần phải rõ biết, đó là: 1. Tự tánh; 2. Công năng; 3. Gia hạnh; 4. Chuyển; 5. Hoàn; nhưng chưa phân biệt, nay sẽ giải thích.

1. Sao gọi là *tự tánh Đại Bồ-đề*? Tức là chuyển y thắng vượt hơn Thanh văn, Độc giác. Chuyển y đây lại có 4 chủng tướng: 1. Tướng chuyển sở y do sanh; 2. Tướng chuyển sở y do không sanh; 3. Tướng khéo quán sát quả sở tri; 4. Tướng pháp giới thanh tịnh.

Tướng chuyển sở y do sanh: Phật đạo tương

tục xuất hiện nơi đời, tức là sanh chuyển sở y. Nếu chẳng vậy, không đắc chuyển y đây, đạo đây không sanh lẽ không có chuyển. Nếu xa lìa “không có đạo” kia mà có sự chuyển y đây, lúc chưa chuyển y lẽ trước có đạo đây.

Tướng chuyển sở y do không sanh khởi: Tất cả phiền não và các tập khí không sanh, tức là chuyển sở y. Nếu chẳng vậy, không đắc chuyển y đây, lẽ tất cả các phiền não và các tập khí liền có các duyên hòa hợp. Đã không sanh mà không chuyển y, lẽ ấy không thể có.

Tướng khéo quán sát quả sở tri: Tức chuyển y đây là khéo thông đạt quả sở tri chân thật là sở tri chân như. Nếu chẳng vậy, tự tánh chư Phật lẽ càng quán sát càng có chỗ đoạn, càng có chỗ diệt.

Tướng pháp giới thanh tịnh: Vì đã chuyển y rồi, năng trừ khiến tất cả tướng, nên là chỗ hiển pháp giới thiện thanh tịnh. Nếu chẳng vậy, đây lẽ vô thường, lẽ có thể nghĩ bàn. Nhưng chuyển y đây là tướng thường trụ, không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, không thể nghĩ bàn đây thuyết danh không hai, do năm chủng tướng cần phải rõ biết:

1. Do tự tánh; 2. Do xứ; 3. Do trụ; 4. Do đồng tánh,

khác tánh; 5. Do sở tác thành tựu.

Do tự tánh nên không thể nghĩ bàn: Hoặc tứ sắc, hoặc lìa sắc, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ thọ tướng hành thức, hoặc lìa thọ tướng hành thức, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ địa giới, hoặc lìa địa giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ thủy giới, hỏa giới, phong giới, hoặc lìa thủy giới, hỏa giới, phong giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ nhãn xứ, hoặc lìa nhãn xứ, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tứ nhĩ tử thiết thân ý xứ, hoặc lìa nhĩ tử thiết thân ý xứ, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc có, hoặc chẳng phải có, như vậy không thể nghĩ bàn.

Do xứ nên không thể nghĩ bàn: Hoặc tại Dục giới, hoặc lìa Dục giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tại Sắc giới, Vô sắc giới, hoặc lìa Sắc giới, Vô sắc giới, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tại cõi người, hoặc lìa cõi người, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc tại cõi trời, hoặc lìa cõi trời, như vậy không thể nghĩ bàn. Hoặc ở phương Đông, hoặc lìa phương Đông, cho đến hoặc ở phương Tây Nam Bắc, các phương trên dưới, hoặc lìa phương Tây Nam Bắc, các phương trên dưới, như vậy không

thể nghĩ bàn.

Do trụ nên không thể nghĩ bàn: An trụ như vậy, sắc loại lạc trú như vậy, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ như vậy, sắc loại trụ Xa-ma-tha như vậy, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ nơi trụ hữu tâm, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ nơi trụ vô tâm, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ như vậy, tức sắc loại thánh trụ, như vậy không thể nghĩ bàn. An trụ như vậy, tức sắc loại thiên trụ, phạm trụ, như vậy không thể nghĩ bàn.

Do đồng tánh, khác tánh nên không thể nghĩ bàn: Tất cả Phật đồng an trụ trong một giới vô lậu, đó là đồng tánh, đó là khác tánh, như vậy không thể nghĩ bàn.

Do sở tác thành tựu nên không thể nghĩ bàn: Như Lai như vậy đồng giới đồng trí, thế lực dũng mãnh, trụ vô lậu giới, nương đây chuyển y, năng làm tất cả nghĩa lợi ích hữu tình, như vậy không thể nghĩ bàn. Đây lại có hai nhân duyên nên biết không thể nghĩ bàn: vì nghĩa lìa ngôn thuyết và vượt quá đạo ngôn ngữ, nên không thể nghĩ bàn; lại vì xuất thế gian không thể lấy thế gian để thí dụ, nên không thể nghĩ bàn.

2. Sao gọi là *công năng*? Lược thuyết có 10 tự tại được gọi là công năng, như thọ lượng tự tại... đã thuyết trong phần *Bản địa*.

3. Sao gọi là *gia hạnh*? Nếu lược thuyết có bốn chủng giáo hóa gọi là gia hạnh: 1. Vì hữu tình chưa thành thực khiến thành thực, nên hành Bồ-tát hạnh giáo hóa; 2. Vì hữu tình đã thành thực khiến giải thoát, ở trong tam thiên đại thiên thế giới trăm ngàn muôn ức Thiệm-bộ châu, đồng một thời nhiếp thọ phương tiện giáo hóa của Như Lai; 3. Vì giáo hóa hữu tình kia, làm Thanh văn giáo hóa; 4. Vì giáo hóa hữu tình kia, làm Độc giác giáo hóa. Tất cả chư Phật Thế Tôn ở nơi bốn chủng sự giáo hóa đây, năng lực vô ngại biến khắp mười phương cõi giới.

4. Sao gọi là *chuyển*? Chuyển đây lược có 2 chủng: 1. Quyền thời chuyển; 2. Rốt ráo chuyển.

Quyền thời chuyển: Các hữu tình cho đến chưa thành thực, chưa được giải thoát, chư Phật Thế Tôn triển chuyển giáo hóa khiến biến đổi.

Rốt ráo chuyển: Như chư Phật vô tận không thể nghĩ bàn, tự tánh đại quang minh năng chuyển, như vậy năng làm các việc triển chuyển giáo hóa

tất cả hữu tình.

5. Sao gọi là *hoàn*? Hoàn đây cũng có hai chủng:

1. Quyền thời hoàn; 2. Rốt ráo hoàn.

Quyền thời hoàn: Vì giáo hóa khiến hữu tình đã thành thực, đã giải thoát từ đây không gián đoạn, chư Phật Thế Tôn hiện Bát-niết-bàn, chẳng phải rốt ráo diệt.

Rốt ráo hoàn: Vì phiền não và các tập khí rốt ráo tận diệt, các khổ nường kia cũng tận diệt.

Lại nữa, sao gọi là người năng xưng tán Như Lai được lợi ích? Bởi nường theo sự xưng tán ấy mà hành tự lợi, không thể tâm xưng tán Như Lai mà lại có hành động không như vậy. Vì có sao? Vì hành theo hạnh của chư Như Lai, tức ẩn thiện, rất thiếu dục...

Lại có hai chủng pháp rất hy hữu kỳ lạ khi xưng dương tán thán Như Lai: 1. Khiến người tán thán thuần hành hạnh tự lợi sanh vô lượng phước; 2. Ở nơi hạnh viễn ly, tất cả vì ngưỡng mộ chư Như Lai nên theo đó làm nhiều ích, đó là ở chỗ Như Lai như điều tán thán như vậy như vậy nhiếp thọ tự lợi. Như như nhiếp thọ tự lợi, như vậy như vậy gọi là dùng nhiếp thọ mà cúng dường Như Lai. Do

nhân duyên đây sanh tụ phước rộng lớn vô tận.

Lại chư Như Lai có 2 chủng sự: 1. Sự không khả ý; 2. Sự khả ý.

Lại nữa, do sáu chủng tướng lược nhiếp công đức Như Lai: 1. Viên mãn; 2. Vô cấu; 3. Bất động; 4. Không gì sánh xứng; 5. Năng làm sự nghiệp lợi ích hữu tình; 6. Công năng.

1. Sao gọi là *viên mãn*? Chư Như Lai thành tựu tất cả công đức ba cõi và xuất thế gian. Sở hữu công đức xuất thế gian kia siêu vượt tất cả đường ngôn ngữ, cho nên tất cả chỗ tán thán Như Lai chẳng thể đến được. Do nhân duyên đây càng tán thán Như Lai không cùng tận.

2. Sao gọi là *vô cấu*? Các công đức có 7 chủng cấu: dục, kiến, nghi, mạn, kiêu, tùy miên, keo lẩn. Tất cả điều cấu kia, Như Lai vĩnh viễn không có. Vì có sao? Bởi chư Như Lai sở hữu công đức chẳng cầu người biết, như muốn khiến người biết: “Ta thành tựu công đức như vậy như vậy”. Lại ở đức đây mà không chấp trước kiến. Lại ở đức đây không tự nghi hoặc: “Đây là công đức ư? Đây là lỗi lầm ư?”. Lại không đem sở hữu công đức mình so sánh cùng người khác. Lại không quán thấy sở hữu công

đức của mình mà kiêu say trạo cử, sanh hớn hở, sanh vui mừng. Công đức kia chẳng phải là chỗ tùy miên của các phiền não, mà là vĩnh viễn hại diệt phiền não, kể cả tập khí. Lại ở nơi công đức ấy tâm không keo lẩn, tức là không có tâm nghi như vậy: “Mong sao người đừng chứng đắc như thế”.

3. Sao gọi là *bất động*? Vì các ngoại đạo không thể khuynh động. Vì tất cả ma quân không thể khuynh động. Vì tất cả giặc cướp không thể cướp đoạt. Vì tất cả thân thuộc không thể hoại. Vì tất cả vua quan không thể hoại. Vì nước lửa gió lớn không làm biến đổi. Vì thọ mạng tuy tận cũng không thối chuyển. Do công đức của chư Như Lai vô tận như vậy, cho nên biết được sự bất động kia.

4. Sao gọi là *không gì sánh xứng*? Sở hữu công đức của chư Như Lai vì rất rộng lớn, vì rất tôn thắng, vì rất nhiều chủng, vì uy lực rộng lớn, vì tất cả hữu tình tịnh bất tịnh không ai ngang cùng, cho nên nói là không gì sánh xứng.

5. Sao gọi là *năng làm sự nghiệp lợi ích hữu tình*? Là năng xả sở đắc an lạc rộng lớn vô tội, phương tiện thị hiện gia hạnh lợi tha, cho nên năng làm việc lợi ích hữu tình.

6. Sao gọi là *công năng*? Ở nơi sở tác sự nghiệp lợi ích hữu tình, vì không chờ khởi nguyên mà tự chứng đắc trọn đủ, vì gia hạnh trí kia làm thân thuộc, vì hằng thời chuyên chí như thế không gián đoạn.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết chư thiên không phải là chỗ nên quy y. Những gì là năm? 1. Do hình tướng; 2. Do tự tánh; 3. Do tác nghiệp; 4. Do pháp nhĩ; 5. Do nhân quả.

1. *Do hình tướng* nên chư thiên không phải là chỗ quy y: Do không hiện thấy, không giao tiếp gặp gỡ. Do hình bạo ác, gây sự sợ hãi. Do thói quen phóng dật có tham ái. Do xả lợi tha, không bi mẫn. Do không rõ biết nên làm và không nên làm, không thông đạt chân thật nghĩa.

Do hình tướng nên Như Lai là chỗ quy y chân chánh: Do hiện thấy, có giao tiếp nói năng. Do hình tướng gần gũi bình dị không khiến hãi sợ. Do không phóng dật, lìa tham ái. Do lòng bi mẫn, thường không xả bỏ việc lợi ích hữu tình. Do khéo rõ biết làm và không làm. Do khéo thông đạt chân thật nghĩa.

Lại do năm tướng chỉ có Như Lai là chỗ quy y

chân chánh. Những gì là năm? 1. Vì lợi ích tất cả hữu tình, thủ Bồ-đề; 2. Vì năng khéo chuyển chánh pháp nhãn; 3. Vì đối với hữu tình có ân có oán, không ân không oán, tâm đều làm lợi ích bình đẳng; 4. Vì xả tất cả nhà cửa, quyến thuộc nhiếp thọ tham ái, các căn tịch tĩnh; 5. Vì năng khéo khai mở tất cả nghi hoặc.

2. *Do tự tánh* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Vì chư thiên kia thuận theo các lậu, tánh không điều thiện mà năng điều ngự người thì không đúng đạo lý. Như Lai vì vĩnh viễn là tất cả lậu, tánh điều thiện, nên năng điều ngự tất cả hữu tình.

3. *Do tác nghiệp* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Chư thiên kia lấy an trú thọ dụng các dục làm nghiệp, tổn hại hữu tình, vẫn còn có thể gây tạo ác nghiệp. Như Lai lấy an trụ tĩnh lự vô cấu rộng lớn làm nghiệp, năng lấy việc lợi ích hữu tình làm nghiệp.

4. *Do pháp nhĩ* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Những người thế gian và những người xuất thế gian có được việc tốt lành hưng thịnh, tất cả đều nương công lực chính mình. Nếu là công

lực đây, dù đối với chư thiên kia cúi mình sanh sâu cung kính cũng chẳng thể được. Tuy đối với chư thiên kia không làm những việc trên, chỉ cần tạo tác lực lành thiện sung mãn tất năng được.

5. *Do nhân quả* nên chư thiên chẳng phải là chỗ quy y: Thân chư thiên kia là do năng cảm nghiệp trời mà được, hay do cúng dường chư thiên mà được, hay là không nhân mà được? Nếu do năng cảm nghiệp trời mà được, chỉ nên quy y chỗ nghiệp tạo tác của chính bản thân, chẳng phải chư thiên kia. Nếu không nhân mà được, nên quy y không nhân, chẳng nên quy y chư thiên kia. Nếu do cúng dường chư thiên mà được thân chư thiên đây, là chỉ dùng cúng dường làm nhân, hay là trời, hay cả hai? Nếu chỉ do cúng dường, tùy sự cúng dường mà cảm thân trời, thì trời lẽ là hoang đường. Nếu chỉ do trời, thì cúng dường chỉ nhọc công, không cần cúng dường, trời cũng khiến người kia thành tựu thân trời. Nếu nói do cả hai, tức dùng cúng dường nhiếp hàng chư thiên, tùy theo sở nguyện tư duy đều khiến được quả như ý. Nếu vậy, bảy chủng tử để thành tựu quả như ý không đúng, nên không đúng đạo lý. Đó là: cúng dường duyên nơi

nhiếp thọ; hàng tín giải duyên nơi tín giải; ở nơi sự tín giải; ở nơi năng đạt đến thân trời tối thắng; ở nơi năng được quả như ý vui giàu sang tối thắng; ở nơi năng hoại diệt sở hữu oán địch như A-tu-la...; ở nơi đời chuyển chìm đọa.

Lại nữa, có 4 chủng thanh tịnh: thanh tịnh danh, thanh tịnh ngữ, thanh tịnh tự tánh, thanh tịnh hình tướng.

Lại hình tướng đây có uy đức rộng lớn khiến đoạn các lưới nghi, năng khéo ký biệt, năng khiến giáo hóa người khó giáo hóa, là chỗ quy y của trời người, khéo năng răn nhắc dẫn dắt, năng chứng tánh xuất ly, hàng phục ngoại đạo.

Lại nữa, sao gọi là nên biết tướng sự như sắc... thi thiết sắc... chỉ giả danh có, chẳng phải thật vật có? Tướng huân tập danh lời mà kiến lập thức, duyên tướng sự sắc... kế chấp cho là tánh sắc... Tánh đây chẳng phải thật vật có, chẳng phải thắng nghĩa có. Cho nên, như pháp tướng sắc... đây, hết thấy đều chẳng phải chân thật có, chỉ là tự tánh biến kế sở chấp, nên biết là giả có. Nếu trừ bỏ tướng huân tập danh lời mà kiến lập thức, như duyên tướng sự sắc... ấy, tánh là ngôn thuyết, nên biết

tánh đây là thật vật có, là thắng nghĩa có ư? Trong đây thành lập ngôn luận đạo lý như trong *Bồ-tát địa đã thuyết*. Nếu tướng huân tập danh ngôn mà kiến lập thức, duyên tự tánh biến kế sở chấp làm cảnh, tức thuyết tánh đây chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải giữa hai có chút phần khả đắc; chẳng phải đã sanh, chẳng phải sẽ sanh, chẳng phải đang sanh; chẳng phải đã diệt, chẳng phải sẽ diệt, chẳng phải đang diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Vì có sao? Vì đây chỉ là giả có, chẳng phải thắng nghĩa có. Nếu tự tánh các pháp là danh lời, nên biết tánh đây phạm phu sở sanh tà chấp làm duyên, đã sanh, sẽ sanh, đang sanh, đã diệt, sẽ diệt, đang diệt. Nếu chưa vĩnh viễn đoạn tận, chưa biết khắp, liền thành tạp nhiễm. Nếu đã vĩnh viễn đoạn, đã biết khắp, liền thành thanh tịnh.

Lại nữa, có 4 pháp năng khiến Bồ-tát nhiếp đa văn chân chánh, đó là: trì đa văn, chứng đa văn, quả đa văn và tịnh đa văn. Như thứ tự đây thì tướng Bồ-đề nguyện, việc ban lành, lực tư trạch, trụ chốn không nên biết cũng vậy.

Hỏi: Ý lạc giới của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Chỗ hiển có tánh tin hiểu đối với Phật pháp.

Hỏi: Tăng thượng ý lạc giới của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Chỗ hiển có đức tin hiểu đối với Phật pháp.

Hỏi: Thắng giải giới của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Chỗ hiển tin hiểu đối với Phật pháp khả đắc.

Hỏi: Mẫn của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Đối với các khổ của hữu tình hiện tiền, tùy sanh bi mẫn.

Hỏi: Bi của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Đối với các nhân khổ của hữu tình hiện tiền, tùy sanh thương xót.

Hỏi: Tuệ của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Vì thông đạt tánh như sở hữu nơi cảnh sở tri.

Hỏi: Trí của chư Bồ-tát thế nào?

Đáp: Vì thông đạt tánh tận sở hữu nơi cảnh sở tri.

Lại có 3 chủng tư duy quá hoạn: Tư duy không rõt ráo; Tư duy phi xứ; Tư duy điên đảo.

Lại nữa, nên biết sở hành huệ thí của chư Bồ-tát do 7 chủng tướng mới được thanh tịnh: 1. Thí vật thanh tịnh; 2. Giới thanh tịnh; 3. Kiến thanh tịnh; 4. Tâm thanh tịnh; 5. Ngũ thanh tịnh; 6. Trí thanh tịnh; 7. Cấu thanh tịnh. Mỗi chủng thanh tịnh như vậy đều có 10 tướng.

1. Sao gọi là *mười tướng thí vật thanh tịnh*? 1. Thí rộng lớn, vì nhiều chủng loại sai biệt; 2. Thí bình đẳng, vì không thêm không bớt; 3. Thí đúng thời, vì đúng lúc người vui thích; 4. Thí thượng diệu, vì đầy đủ sắc...; 5. Thí thanh tịnh, vì chẳng phải vật bất tịnh tạp uế; 6. Thí như pháp, vì tương ưng không tội; 7. Thí tùy vui, vì theo chỗ vui thích của người cầu; 8. Thí lợi ích, vì theo chỗ thích hợp của người; 9. Thí hoặc nhanh hoặc chậm, vì quán người cầu kia; 10. Thí không gián đoạn, vì không đoạn dứt.

2. Sao gọi là *mười tướng giới thanh tịnh*? 1. Phát siêng tinh tấn làm ra tài vật, lấy đây hành huệ thí; 2. Tự tay xếp đặt tài vật mà hành huệ thí; 3. Lìa vật dơ bẩn mà hành huệ thí; 4. Như pháp mà thí; 5. Dùng tài vật có được như pháp mà hành huệ thí; 6. Dứt trừ các ác mà hành huệ thí; 7. Điều

phục các căn mà hành huệ thí; 8. Ân trọng cung kính mà hành huệ thí; 9. Tự tay mà thí; 10. Đối với người tội lỗi của mình trước hành ân dưỡng, nhưng sau huệ thí cho người đến cầu.

3. Sao gọi là *mười tướng kiến thanh tịnh*? 1. Không chấp “ta năng hành thí, vật thí là của ta” mà hành huệ thí; 2. Không so sánh với người rằng “ta là hơn, là bằng, là thua” mà hành huệ thí; 3. Không quán “người sẽ có báo đáp” mà hành huệ thí; 4. Không quán “đương lai có được thú vui giàu sang sung túc vi diệu” mà hành huệ thí; 5. Không quán “thí hoàn toàn không có quả” mà hành huệ thí; 6. Không quán “thí chẳng có quả tương tự” mà hành huệ thí; 7. Không quán “thí có quả điên đảo” mà hành huệ thí; 8. Không quán “sát hại là bạn hữu tốt” mà hành huệ thí; 9. Không quán “có được tướng tốt lành kỳ lạ” mà hành huệ thí; 10. Không vì thế gian ca ngợi khen tặng mà hành huệ thí.

4. Sao gọi là *mười tướng tâm thanh tịnh*? 1. Tâm lân mẫn yêu thương mà hành huệ thí, tức là tự tánh nhu nhuyễn đối với hữu tình; 2. Tâm trân trọng quý mến mà hành huệ thí, tức là đối với đối tượng được thí; 3. Tâm bình đẳng mà hành huệ

thí, tức là đối với người oán, thân và không oán thân; 4. Điều phục cấu tâm mà hành huệ thí, tức là cấu xén tiếc và cấu tích chứa. Nếu không thí cho người, gọi là cấu xén tiếc. Nếu không thọ dụng cho bản thân, gọi là cấu tích chứa; 5. Tâm hân lạc mà hành huệ thí, tức là do bảy tướng: Vì đối với người đến cầu ở vị lai, phát tâm hỷ lạc; Vì đối với người đã đến cầu, mới gặp liền sanh tâm tịnh tín; Vì lúc đang thí, sanh tâm reo vui; Vì sanh tâm tĩnh định; Vì sanh tâm không nhàm đủ; Vì sanh tâm ý hướng đến không nào hại; Vì thí rồi, tâm không hối tiếc; 6. Tâm nhẫn nhục mà hành huệ thí, tức là người cầu có tâm chướng ngại chống đối mạnh mẽ, thì năng kham nhẫn và không buồn chán; 7. Dem tâm từ mà hành huệ thí, tức là đối với người có não hại; 8. Dem tâm bi mà hành huệ thí, tức là đối với người có khổ; 9. Dem tâm hỷ mà hành huệ thí, tức là đối với người có công đức; 10. Dem tâm xả mà hành huệ thí, tức là đối với thân bằng quyến thuộc.

5. Sao gọi là *mười tướng ngữ thanh tịnh*? 1. Trước đối với vật thí, thật lòng buông xả cho người đến cầu; 2. Nếu khi kia đến, liền tán thán: “Lành thay đã đến”; 3. Xa lìa nhãn nhó bực bội, mắt nhìn

đối diện về mặt thư thái, tươi cười vui vẻ, mở lời hỏi thăm trước; 4. Dùng lời nhu nhuyễn cùng trò chuyện, khích lệ an ủi người đến cầu xin; 5. Từ đây không gián đoạn, nói lời: “Rất vui mừng được thí cho ông tiền của vật thực vừa ý”; 6. Đang lúc phát thí nói lời: “Tôi nay huệ thí cho ông”; 7. Nếu người kia phát khởi chống đối chướng ngại hiện nơi sắc mặt, chẳng được phát lời thô; 8. Đối với người cầu xin, hoặc trước mặt, hoặc sau lưng không chê hủ, cũng không bàn nói; 9. Nếu không có vật để thí thì khéo léo mở lời từ chối, hứa là nếu có vật sẽ tùy thí cho; 10. Đối với người cầu xin trọn không đối diện quở trách xua đuổi, chế nhạo khinh khi, cũng không khiến họ biến sắc ôm lòng xấu hổ.

6. Sao gọi là *mười tướng trí thanh tịnh*? 1. Trí thanh tịnh do huệ thí; 2. Trí thanh tịnh do người cầu; 3. Trí thanh tịnh do vật thí; 4. Trí thanh tịnh do gia hạnh thí; 5. Trí thanh tịnh do dùng thí để thành thực hữu tình; 6. Trí thanh tịnh do phương tiện thiện xảo; 7. Trí thanh tịnh do thấy quá hoạn của các dục; 8. Trí thanh tịnh do trừ cấu; 9. Trí thanh tịnh do xa lìa và nhiếp thọ đối với bạn hữu; 10. Trí thanh tịnh do ẩn kín sáu phương.

Trí thanh tịnh do huệ thí: Ở nơi tên gọi khác của thí, ở nơi thể tướng thí, ở nơi huấn từ thí, ở nơi sai biệt thí, đều như thật biết mà hành huệ thí.

Trí thanh tịnh do người cầu: Đối với tất cả hữu tình, đều hiểu biết vì phước điền mà hành huệ thí. Đối với các hữu tình hoặc cao, hoặc thấp, hoặc được, hoặc mất, hoặc oán, hoặc ân, đều năng khéo rõ biết. Tùy theo người đến cầu có tâm vui sai khác mà hành huệ thí. Lại trước dùng tất cả tài vật thí khắp các loại hữu tình, ý vui xả thí. Người đến cầu tự nhiên lấy, đều sanh tùy hỷ.

Trí thanh tịnh do vật thí: Hoặc ở nơi tất cả nghiệp công xảo, trí khéo léo nên nhanh chóng thu được tài vật mà hành huệ thí. Hoặc do nhiếp thọ thiện căn đời trước, hiện pháp chiêu cảm có được tài vật mà hành huệ thí. Hoặc phát thần thông, hoặc do pháp thọ nhận, xếp đặt tài vật mà hành huệ thí, hoặc do tích tập tài bảo từ các phương tiện khác mà hành huệ thí, như khuyến khích dẫn dắt người, hoặc đảm nhiệm công việc kia.

Trí thanh tịnh do gia hạnh thí: Ở nơi gia hạnh thí năng khéo rõ biết, không khiến người cầu thân tâm mỗi mạt, tự tâm không nhiễm mà hành huệ

thí. Khéo năng phân bố thí người đến cầu, thí người nghèo thiếu, thí người không nơi nương tựa, thí người ác hành, thí người diệu hành, thí tôi tớ theo mình. Nếu tài vật có nhiều, tài vật trung bình, tài vật có ít, thì tùy theo chỗ thích hợp nên đúng phép tắc hành thí, chẳng được không thuận phép tắc.

Trí thanh tịnh do dùng thí để thành thực hữu tình: Tức là khéo hiểu biết thí năng thành thực các hữu tình mà hành huệ thí. Dùng vật thí cùng các đại chúng khắp cùng hành thí, cũng khiến đại chúng sanh vô lượng phước. Lại đối với người bản cùng nghèo khổ chung vui hành thí, tức là đem tài vật của mình chia sẻ cho kia rồi khiến kia hành thí. Hoặc có người không nghèo túng mà ôm lòng xén tiếc, tuy muốn huệ thí mà chẳng muốn dùng tài vật của mình hành thí, Bồ-tát liền đem tài vật đến cho rồi khiến kia huệ thí. Nếu kia muốn góp phần trong ruộng Phật pháp, hoặc ruộng của Tăng, Bồ-tát liền đem tài vật thí xả cho kia, khiến kia tạo làm. Do nhân duyên đây, ở trong hai cửa đều sanh vô lượng phước.

Trí thanh tịnh do phương tiện thiện xảo: Hoặc

do dạy dẫn khiến hành huệ thí; hoặc do lực cưỡng ép khiến hành huệ thí; hoặc do lãnh ân kia khiến hành huệ thí; hoặc do kế sòng khiến hành huệ thí; hoặc do thần lực khiến hành huệ thí.

Trí thanh tịnh do thấy quá hoạn của các dục: Tức là ở nơi sở hữu quá hoạn của các dục, như thật rõ biết mà hành huệ thí. Đó là ở trong khổ uẩn, rõ biết thời của hai chủng quá hoạn: hiện pháp, hậu pháp. Hoặc rõ biết thời của 5 chủng quá hoạn, đó là năm chủng quá hoạn như kinh đã thuyết. Hoặc rõ biết thời của 6 chủng quá hoạn, đó là tăng ngữ “các dục đây đáng sợ hãi”, hết thấy loại như vậy như kinh đã rộng thuyết. Hoặc rõ biết thời của 7 chủng quá hoạn, đó là biết các dục vô thường hư ngụy cuồng vọng, là pháp có lỗi, giống như huyễn hoặc làm mê loạn ngu phu. Hoặc rõ biết thời của 8 chủng quá hoạn, đó là biết các dục như xương mục như kinh đã thuyết, cho đến như cây có quả chín.

Trí thanh tịnh do trừ cấu: Ở nơi sự khiển trừ 14 cấu nghiệp, như thật rõ biết mà hành huệ thí, như trong *Kinh Thi-Khú-Lạc-Ca* đã thuyết.

Trí thanh tịnh do xa lìa và nhiếp thọ bạn hữu: Tức là khéo xa lìa bốn chủng bạn ác, nhiếp thọ

bốn chủng bạn lành mà hành huệ thí, như trong *Kinh Thi-Khứ-Lạc-Ca* đã thuyết.

Trí thanh tịnh do ẩn kín sáu phương: Tức là ẩn kín sáu phương mà hành huệ thí, như trong *Kinh Thi-Khứ-Lạc-Ca* đã thuyết.

7. Sao gọi là *mười tướng cấu thanh tịnh*?

1. Xa lìa cấu giải đãi mà hành huệ thí, tức là hoặc xa hoặc gần, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thân mỗi mọt, hoặc không mỗi mọt, hoặc thân gây yếu, hoặc không gây yếu, mà thường huệ thí.

2. Xa lìa cấu tham mà hành huệ thí, tức là đối với tài vật.

3. Xa lìa cấu sân mà hành huệ thí, tức là đối với người cầu.

4. Xa lìa cấu si mà hành huệ thí, tức là đối với nhân quả.

5. Xa lìa cấu chướng mà hành huệ thí, tức là bốn chủng chướng: Không thường xuyên huân tập; Thiếu thốn; Say đắm; Quán sát quả.

6. Khéo phân chia khắp mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu chẳng phải đạo lý, đó là: đối với người bần cùng thiếu thốn; đối với người có tiền của bậc trung; đối với người giàu có.

7. Do viên mãn mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu thiếu giảm, bao gồm sự viên mãn và ý lạc viên mãn. Sự viên mãn lại có bảy tướng: 1. Thí tài sản của mình; 2. Thí đất nước; 3. Thí hữu tình; 4. Thí y phục; 5. Thí nhà cửa; 6. Thí chỗ ở; 7. Thí nội thân. Ý lạc viên mãn: đối với nội thân và tài bảo bên ngoài tự tại thu được, ý lạc không đả trước.

8. Do thanh tịnh mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu không thanh tịnh, đó là do mười chủng thanh tịnh như không chấp, không thủ... như trong phần *Bản địa* đã thuyết.

9. Khéo quán sát mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu ác huệ, bao gồm quán sát vật thí, quán sát ý lạc và quán sát ruộng kia.

Quán sát vật thí: quán sát thọ dụng vượt thắng hơn so với tích chứa; quán sát huệ thí vượt thắng hơn so với thọ dụng. Vì cố sao? Hoặc Bồ-tát chỉ tích chứa, không thể tự lợi, không thể lợi tha, không lợi ích ở hiện pháp, không lợi ích ở hậu pháp. Hoặc Bồ-tát chỉ tự thọ dụng, gọi là nhiều ích mình không nhiều ích người, gọi là lợi ích hiện pháp không lợi ích hậu pháp. Hoặc Bồ-tát năng hành huệ thí, liền tự phát sanh hoan hỷ rộng lớn,

gọi là nhiều ích mình, gọi là nhiều ích người, gọi là lợi ích hiện pháp, gọi là lợi ích hậu pháp.

Quán sát ý lạc lược có 4 chủng: 1. Ở trong nhân, ý lạc không điên đảo; 2. Ở trong quả, ý lạc không đắm trước; 3. Đối với hữu tình, ý lạc bi mẫn; 4. Ở nơi nhất thiết trí trí, ý lạc viên mãn. Do hết thấy loại ý lạc như vậy mà hành huệ thí.

Quán sát ruộng lược do 5 tướng: 1. Ở xứ đây có thể khát cầu được; 2. Ở xứ đây khát cầu lại thêm nghèo khổ thiếu thốn; 3. Ở xứ đây đã có thiếu thốn nghèo khổ, lại thêm không chỗ nương ở yên lành; 4. Ở xứ đây không chỗ nương ở yên lành, lại hành ác hạnh cho là ruộng; 5. Ở xứ đây không có tất cả điều như vậy, mà lại tu hành thiện hạnh khả đắc.

Do bảy chủng tướng nên biết chẳng phải ruộng:

1. Người khát cầu nhiều bạo ác, từng là oán hại, quay đầu nương nơi oán hại mà đến cầu xin;
2. Khuyến khích làm việc lành trọn không thể được;
3. Tâm ô nhiễm ô, vì việc nhiễm ô mà cầu xin;
4. Vì tổn não mà có cầu xin;
5. Người khát cầu hoặc tự là quý, hoặc bị quý yếm nên cầu xin phi xứ;
6. Cầu xin cha mẹ, hoặc cầu xin vật không được dùng

để thí; 7. Năng làm vô nghĩa. Do hết thấy tướng đây nên biết gọi là quán sát chẳng phải ruộng.

10. Đây đủ phương tiện đức mà hành huệ thí, tức đây xa lìa cấu lồi lầm do không có phương tiện. Trong đây, phương tiện tức là thường xuyên huân tập thí, không đoái luyến thân mạng, thương xót hữu tình, trí chân thật nghĩa, Vô thượng Bồ-đề, thắng giải dạy dẫn, năng lực mạnh mẽ, nơi giữ gìn báo ân, sanh và thần lực.



Quyển 75

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 4

Lại nữa, nên biết Tỳ-nại-da của Bồ-tát lược có ba tụ. Tụ Tỳ-nại-da luật nghi giới đầu tiên, như Bạc-Già-Phạm vì giáo hóa hữu tình là các Thanh văn nên lược thuyết tướng Tỳ-nại-da đây. Nên biết đó cũng là tụ Tỳ-nại-da.

1. Tụ Tỳ-nại-da nhiếp thiện pháp giới:

Chư Bồ-tát lúc siêng tu tập nhiếp thiện pháp giới, tóm lược phải khéo quán sát ở nơi sáu tâm. Những gì là sáu? 1. Tâm khinh miệt; 2. Tâm đồng hành giải đãi; 3. Tâm bị khuấy lấp; 4. Tâm mỗi nhọc; 5. Tâm tùy hành bệnh; 6. Tâm tùy hành chướng.

Hoặc chư Bồ-tát ở trong thiện pháp sở hữu tâm xem nhẹ, tâm không thẳng giải và tâm lãng miệt, gọi là tâm khinh miệt.

Hoặc tâm bị khuấy nhiễu trói buộc bởi kiêu say, phóng dật, giải đãi, gọi là tâm đồng hành giải đãi.

Hoặc tâm bị quấy nhiễu trôi buộc bởi một trong các cái như tham dục... hoặc bởi các phiền não và tùy phiền não, gọi là tâm bị khuấy lấp.

Hoặc đồng mãnh tinh tấn thái quá, thân mỗi tâm mệt, khiến tâm bị chướng ngăn, gọi là tâm mỗi nhọc.

Hoặc bị các bệnh làm tổn não tâm, không còn sức khỏe, không đủ năng lực kham tu hành, gọi là tâm tùy hành bệnh.

Hoặc tâm đang bị cuốn hút vào vui muốn trò chuyện bàn luận... làm chướng ngại, gọi là tâm tùy hành chướng.

2. Tu Tỳ-nại-da nhiếp luật nghi giới: Bồ-tát ở trong sáu chủng tâm đây, nên chân chánh quán sát: “Trong sáu chủng tâm đây, ta đang hiện tùy hành theo một tâm chẳng, hay không tùy hành chẳng?”. Ở nơi ba tâm trước, Bồ-tát một hướng không nên sanh khởi. Giả sử đã sanh khởi, không nên thọ lâu. Nếu đã thọ lâu mà không xả bỏ, hiện hành khắp tất cả ba tâm đây đều gọi là có tội.

Khi tâm mỗi nhọc hiện tiền, do tâm đây nên phải xả phương tiện thiện. Nếu chỉ tạm thời khiến

thân tâm bớt mỗi nhọc do thực hành quá nhiều thiện pháp, nên biết không tội. Nhưng nếu xả ly vất bỏ hoàn toàn, như khởi tâm: “Ta tinh siêng tu tập thiện pháp như vậy rốt ráo để làm gì, khiến hiện tại ta phải chịu khổ đây”. Nếu Bồ-tát như vậy nên biết có tội.

Khi tâm tùy hành bệnh hiện tiền, Bồ-tát ở thân bệnh không được tự tại, chẳng tùy ý thích mà tu gia hạnh thiện pháp, tuy nhẫn thọ lâu mà không có tội.

Khi tâm tùy hành chướng hiện tiền, hoặc không theo đó bị nhập trong ấy, hoặc quán trong đây có nghĩa lợi lớn tuy lại nhẫn thọ mà không có tội; hoặc theo đó nhập vào trong ấy, hoặc quán trong đây không có nghĩa lợi, hoặc có ít nghĩa lợi mà cố ý nhẫn thọ, nên biết có tội.

Trong sáu tâm đây, ba tâm trước sanh rồi mà nhẫn thọ thì một hướng có tội. Tâm tùy hành bệnh tuy lại nhẫn thọ mà một hướng không tội. Hai tâm còn lại nếu sanh khởi rồi mà nhẫn thọ, hoặc là có tội, hoặc là không tội.

3. Tu Tỳ-nại-da nhiếp nhiều ích hữu tình

giới: Hoặc chư Bồ-tát ở trong việc lợi ích hữu tình giới mà siêng năng tu tập, nên chân chánh quán sát sáu xứ nhiếp hành: tài suy, tài thịnh, pháp suy, pháp thịnh, của mình, của người. Đó gọi là sáu xứ.

Nói tài suy tức là vật thực, y phục... chưa được, chẳng được, được rồi hoại mất. Trái tướng đây là tài thịnh.

Nói pháp suy tức là trái vượt sở học. Đối với pháp cú vi diệu nhiếp thuộc thắng nghĩa mà Như Lai thuyết, trước chưa từng nghe, nay cũng không được nghe. Như ở nơi những điều trước chưa được lắng nghe mà không được nghe, thì ở nơi những điều trước chưa tư duy, không được tư duy cũng vậy. Cho nên có chướng lắng nghe và có chướng tư duy. Giả sử có được lắng nghe, được tư duy, cũng lại quên mất. Ở nơi pháp thiện cần tu tập chứng đắc thành thực mà chưa năng chứng, giả sử chứng được cũng trở lại thối thất. Trái với tướng đây gọi là pháp thịnh.

Trong đây, hoặc chư Bồ-tát tự làm pháp suy, khiến người tài thịnh, thì không được làm. Như tài thịnh, khiến pháp thịnh cũng vậy. Trong đây

tức nghĩa nhiếp thuộc trái vượt sở học và nhiếp thuộc năng thuận theo trái vượt sở học, hoặc nhiếp thuộc ở nơi pháp đã chứng mà thối thất, nên biết pháp suy.

Lại chư Bồ-tát tự làm tài suy, khiến người tài thạnh, hoặc tài thạnh đây chẳng dẫn pháp suy thì được làm, hoặc dẫn pháp suy thì không được làm. Như tài thạnh, khiến pháp thạnh cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát tự làm tài thạnh, khiến người tài thạnh, thì được làm. Như tài thạnh, khiến pháp thạnh cũng vậy.

Lại chư Bồ-tát tự làm pháp thạnh, khiến người tài thạnh, đây được làm. Như tài thạnh, khiến pháp thạnh cũng vậy. Ở nơi việc như vậy mà không tu hành gọi là có tội. Nếu chân chánh tu hành gọi là không tội.

Như vậy đã thuyết sở thọ ba chủng luật nghi tóm lược Tỳ-nại-da của Bồ-tát. Trong đây Bồ-tát luôn phải tác ý tư duy tu học. Hoặc ở trong ba chủng sở thọ Bồ-tát giới mà tùy có chỗ khuyết phạm, nên biết chẳng phải phòng hộ, nên nói chẳng phòng hộ luật nghi Bồ-tát, không được gọi là phòng hộ.

Ba chủng giới đây do sự thâm nhiếp giữ gìn của luật nghi giới khiến được hòa hợp. Nếu năng ở trong đây tinh siêng thủ hộ một giới, cũng năng tinh siêng thủ hộ hai giới còn lại. Hoặc ở trong đây không năng thủ hộ một giới, cũng không năng thủ hộ hai giới còn lại. Cho nên nếu Bồ-tát hủy phạm luật nghi giới, cũng gọi là hủy phạm tất cả luật nghi Bồ-tát.

Hoặc có người vì khiến người khác biết, vì tùy thuận người, được người khuyến khích dẫn dắt mà thọ Bồ-tát giới. Chẳng phải người kia tự khởi ý lạc tăng thượng tùy quán sát tự sanh tịnh tín. Chẳng phải đối với hữu tình, người kia trụ tâm lân mẫn, vui thích thiện pháp mà thọ Bồ-tát giới. Cho nên nói người như vậy chẳng phải chân thật phòng hộ, cũng không tu tập thiện pháp hoàn mãn, cũng chẳng thể đắc quả lợi ích thù thắng của việc thọ giới kia. Trái với tướng đây, nên biết gọi là chân thật phòng hộ, cũng năng thành tựu quả lợi ích thù thắng của việc kia.

Lại nữa, có người không xả luật nghi như vậy, nên biết sanh đời khác cũng tự nhiên được tùy chuyển. Người xả luật nghi thì không như vậy.

Lại nhân duyên xả bỏ lược có 4 chủng: 1. Tâm quyết định phát khởi thọ, mà tâm không đồng phân; 2. Hoặc trước từng có nhận thức đúng đắn về việc thọ giới luật nghi Bồ-tát, nay cố ý khởi lời nói xả bỏ; 3. Hủy phạm chung, hủy phạm riêng đối với bốn chủng pháp *vượt hơn người*; 4. Nếu biểu hiện phẩm triền tăng thượng, hủy phạm chung, hủy phạm riêng thuận theo bốn chủng pháp *vượt hơn người*, do nhân duyên đây nên biết xả bỏ luật nghi Bồ-tát. Hoặc có người tâm trở lại thanh tịnh, thì được phép thọ trở lại.

Lại nữa, hoặc có Bồ-tát xuất gia, trừ sở hữu ba y bên ngoài là vật được Phật cho phép giữ lại để thân thọ dụng, thuận cho việc đi đứng được an vui. Hoặc tư trạch thí người đến cầu, nên biết không tội. Hoặc nghĩ đến phẩm thiện, không do chướng keo tham mà không thí người, cũng không có tội.

Hoặc trên giấy, lá đã viết chánh pháp, có chúng sanh huệ nông cạn đến xin mà thí cho kia, nên biết có tội. Hoặc khuyên người thí cũng gọi là có tội. Trừ tác tâm đây: “Ta nay muốn huệ thí cho kia, vì muốn rõ biết người kia ở nơi pháp thâm sâu kham thọ trì chẳng, hay không kham tin hiểu

chăng?”. Như vậy không tội.

Hoặc dùng giấy lá viết tương tự chánh pháp và luận ngoại đạo, hoặc đã biên chép từ trước, trao tay cho chúng sanh khiến kia tin hiểu, lại khuyến khích người cho, nên biết có tội. Bồ-tát chỉ nên khuyên người xả bỏ dị luận chép tay kia, hoặc khiến kia biên chép thánh giáo chư Phật. Nếu tự biết người kia không thật tin sâu, thì không được khai thị.

Hoặc có giấy lá chưa biên chép, có người đến cầu xin, Bồ-tát nên hỏi kia rằng: “Ông dùng vật này làm gì?”. Người kia đáp rằng: “Tôi bán để đổi lấy vật cần dùng”. Nếu giấy đây dùng ghi chép chánh pháp thì chẳng được thí, hoặc có vật khác tốt đẹp hơn thì nên thí. Nếu không có vật tốt đẹp, đều không thí cả hai, cũng không tội. Người kia đáp rằng: “Tôi xin vật đây để viết chánh pháp”, tức liền thí cho kia, rồi bảo: “Tùy ý thọ dụng”. Nếu kia muốn ghi chép điều hạ liệt, chẳng thí không tội. Như ghi chép điều hạ liệt, thì hết thấy điều khác cũng vậy. Nếu kia muốn ghi chép kinh điển thù thắng, nên biết không thí thì có tội.

Hoặc chư Bồ-tát đối với các hữu tình đã có ân,

theo đó phát khởi tướng ân tương tục và ý vui thân thiện, đem tâm có nhiệm phương tiện nhiếp thọ muốn làm bằng hữu, nên biết có tội. Hoặc đối với các hữu tình có oán, theo đó phát khởi tướng oán tương tục, ý muốn trả báo, có tâm uế trước, nên biết có tội. Hoặc đối với hữu tình không ân oán, phát khởi tương tục ý vui trung dung, ý vui xả bỏ, nên biết có tội.

Hoặc hiện tiền có người muốn cầu xuất gia, chư Bồ-tát theo đó quán sát thấy có quá hoạn, có kiếp quá hoạn, chẳng độ xuất gia nên biết không tội. Hoặc vì an trụ tâm lân mẫn đối với kia, tuy độ xuất gia mà không tội. Như thuyết xuất gia, thì thọ Cụ túc giới, làm chỗ cho kia y chỉ, nhiếp làm đồ chúng nên biết cũng vậy. Do hết thấy sở hữu hành tướng đây, nên biết ba chủng giới uẩn luật nghi của Bồ-tát đều được viên mãn.

Lại nữa, trước đã rộng thuyết về thí... nay sẽ thuyết lược.

Sở hữu bố thí của chư Bồ-tát lược do tương ưng 5 chủng công đức được nhập trong số Bố thí Ba-la-mật-đa. Những gì là năm? 1. Không đăm trước; 2.

Không luyến tiếc; 3. Không tội; 4. Không phân biệt; 5. Hồi hương. Như thí, thì giới... cũng vậy.

Không đấm trước: ở trong tất cả pháp chương chủng thí... không bị ngăn ngại.

Không luyến tiếc: ở trong có nhiệm và quả của kia, tâm không buộc đấm.

Không tội: xa lìa tùy phiền não của tất cả chủng thí...

Không phân biệt: ở nơi thí... không quán tự tánh biến kế sở chấp.

Hồi hương: đem tất cả các hành thí... nguyện đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bồ-tát như vậy do 5 đức đây nhiếp thọ tất cả Ba-la-mật-đa, gọi là thí của Bồ-tát cho đến gọi là tuệ của Bồ-tát; gọi là tất cả thí, cho đến gọi là tất cả tuệ; gọi là khó thí, cho đến gọi là khó tuệ. Nói rộng cho đến tất cả tụng Ót-Đà-Nam đều theo đó quyết liễu, tất cả đều như phần *Bản địa* đã thuyết.

Lại nữa, ở nơi *Bố thí Ba-la-mật-đa*, do nội và ngoại có 10 tùy phiền não, vì đối trị kia nên đắc 10 chủng thanh tịnh của *Bố thí Ba-la-mật-đa*, như trong *Bồ-tát địa* đã thuyết.

Nương ngoại môn có 5 tùy phiền não: 1. Tánh

niêm não khắp; 2. Tánh xả bỏ; 3. Tánh không nắm giữ khả lạc; 4. Tánh ý hư vọng không viên mãn; 5. Tánh không thành thực.

Nương nội môn có 5 tùy phiền não: 1. Tánh không ra khỏi xa lia; 2. Tánh tạp nhiễm não; 3. Tánh yếu kém thấp hèn; 4. Tánh hiện tiền bị dọa; 5. Tánh pháp tận diệt.

Lại nữa, *Trì giới Ba-la-mật-đa* có 10 chủng thanh tịnh, chủng ban đầu là ý lạc thanh tịnh, chín chủng còn lại là gia hạnh thanh tịnh.

Ở trong gia hạnh lại có 5 chủng: 1. Gia hạnh không gián đoạn khuyết hở; 2. Gia hạnh tu sửa trị khắp; 3. Gia hạnh hồi hướng; 4. Gia hạnh trợ bạn; 5. Gia hạnh phòng hộ giữ gìn.

Chủng thứ hai, thứ ba là gia hạnh ban đầu. Chủng thứ tư là gia hạnh thứ hai. Chủng thứ năm là gia hạnh thứ ba. Chủng thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín là gia hạnh thứ tư. Chủng thứ mười là gia hạnh thứ năm.

Lại nữa, *An nhẫn Ba-la-mật-đa* có 10 thanh tịnh, lược có 2 chủng thanh tịnh. Chín chủng trước gọi là lược tư trạch thanh tịnh. Chủng thứ mười gọi là lược tu tập thanh tịnh.

Lục tư trạch thanh tịnh lại có 4 chủng: 1. Xa lìa tội sanh thanh tịnh; 2. Không hiện hành kia thanh tịnh; 3. Không sanh tội thanh tịnh; 4. Xa lìa nhân duyên kia thanh tịnh. Chủng thứ nhất, chủng thứ hai, chủng thứ ba... đều tùy theo thứ lớp trên.

Nhân duyên không nhân cũng có 3 chủng: 1. Không tà; 2. Không quý; 3. Tánh không ai mãi.

Lại nữa, *Tinh tấn Ba-la-mật-đa* có 10 thanh tịnh: 1. An xứ thanh tịnh; 2. Thuần thực thanh tịnh; 3. Sách tấn thanh tịnh; 4. Phương tiện thanh tịnh; 5. Chẳng để thời gian trôi qua uổng phí thanh tịnh; 6. An trụ không khó khăn thanh tịnh; 7. Xuất ly thanh tịnh; 8. Nhiếp thọ trợ bạn thanh tịnh; 9. Thần thông nhanh chóng thanh tịnh; 10. Tánh không cùng tận thanh tịnh.

Lại nữa, *Tinh lự Ba-la-mật-đa* có 10 thanh tịnh: 1. Thanh tịnh thanh tịnh; 2. Vô lậu thanh tịnh; 3. Phương tiện căn bản thanh tịnh; 4. Chứng đắc căn bản thanh tịnh; 5. Phương tiện tự tại thanh tịnh; 6. Trụ tự tại thanh tịnh; 7. Dẫn phát thần thông tự tại thanh tịnh; 8. Thuần thực hữu tình tự tại thanh tịnh; 9. Hàng phục ngoại đạo tự tại thanh tịnh; 10. Lìa hệ buộc, vô thượng thanh tịnh.

Lại nữa, *Trí tuệ Ba-la-mật-đa* có 5 thanh tịnh:
 1. Thông đạt các tướng thanh tịnh; 2. Thông đạt duyên khởi thanh tịnh; 3. Thông đạt dạy dẫn thanh tịnh; 4. Thông đạt dụng sĩ phu thanh tịnh; 5. Thông đạt chứng đắc thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là Bồ-tát ở nơi thân trụ quán tuần thân? Ở nơi thân, quán tuần hoàn các tướng của thân là chân như. Như ở nơi thân, thì ở nơi thọ, tâm, pháp tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Sao gọi là Bồ-tát vì khiến các pháp ác bất thiện chưa sanh chẳng sanh, cho đến nói rộng...? Ở nơi cảnh chân như buộc tâm khiến an trụ, vì khiến tất cả tướng và thô trọng chưa hiện tiền bên trong chưa sanh vì chẳng sanh, nên sanh vui muốn, cho đến nói rộng. Như vì khiến chưa sanh được chẳng sanh, thì đã sanh đã được hiện tiền, bên trong sanh vì khiến đoạn, nên ở nơi sở hữu thiện pháp năng đối trị chưa sanh khiến sanh, đã sanh khiến trụ, cho đến nói rộng. Nên biết trong đây, ở nơi vị niệm trụ, buộc tâm đầu tiên an đặt cảnh sở duyên. Kế đến ở nơi sở duyên, khiến tâm an trụ siêng tu chánh đoạn. Kế đến đã đắc định rồi, vì khiến định

đây khéo viên mãn, nên ở trong thân tức siêng tu gia hạnh. Đã viên mãn định rồi, vì khiến lìa trôi buộc của tất cả tướng và thô trọng, nên nương tín căn... tu đạo gia hạnh. Trong đạo gia hạnh, căn là phẩm hạ, lực là phẩm thượng. Như vậy chánh tu đạo gia hạnh rồi, kế đến đắc giác chi thông đạt thật tế. Đạt thật tế rồi, kế đến tu đạo chi. Lần hồi cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ở nơi tất cả chương đều được giải thoát.

Lại nữa, tướng thô trọng phược có 14 chủng sai biệt: 1. Căn phược; 2. Cảnh phược; 3. Hữu tình triển chuyển ái lẫn nhau phược; 4. Kiến lập phược, tức là sở hữu các căn nương khí thể gian mà chuyển, nên gọi là kiến lập; 5. Ở nơi cảnh sở tri, vô trí phược; 6. Ở nơi trí năng tri, vô trí phược; 7. Ái hậu hữu phược; 8. Ái vô hữu phược; 9. Chấp trước nhân không bình đẳng và không nhân phược; 10. Chứng đắc tăng thượng mạn phược; 11. Chấp trước tự tánh biến kế sở chấp phược; 12. Chấp trước tự tánh bổ-đặc-già-la phược; 13. Biết khắp bổ-đặc-già-la tăng thượng mạn phược; 14. Biết khắp pháp tăng thượng mạn phược.

Lại nữa, Bồ-tát siêng tu niệm trụ nương Không,

khiến tâm nhanh chóng được giải thoát khỏi 6 chủng vọng tưởng phược. Sao gọi là 6 chủng tưởng phược? Phát khởi nội tưởng đối với thân cho đến đối với pháp, gọi là tưởng phược thứ nhất. Liên ở trong ấy phát khởi ngoại tưởng là tưởng phược thứ hai. Liên ở trong ấy phát khởi nội ngoại tưởng là tưởng phược thứ ba. Hoặc đối với các hữu tình giới ở mười phương vô lượng vô số cõi, nguyện khiến giải thoát nên tu tập các niệm trụ, ở trong số các tưởng đây là tưởng phược thứ tư. Hoặc do đây ở nơi thân cảnh... mà trụ quán tuần thân... ở trong số các tưởng đây là tưởng phược thứ năm. Liên ở nơi thân... trụ quán tuần thân... ở trong số các tưởng đây là tưởng phược thứ sáu, tức ở trong đây là quán tuần hoàn.

Lại về sau có 11 tưởng phược theo sau. Sao gọi là về sau có mười một tưởng phược theo sau? Tức là ở nơi thân... trụ quán tuần thân...; ở nơi các đế tạp nhiễm thanh tịnh, phát khởi tưởng đệ nhất nghĩa là phược ban đầu. Liên ở trong tạp nhiễm đệ nhất nghĩa, phát khởi tưởng tạo tác là phược thứ hai. Ở trong thanh tịnh đệ nhất nghĩa, phát khởi tưởng không tạo tác là phược thứ ba. Tức ở trong không

tạo tác đệ nhất nghĩa, phát khởi tướng thường là phược thứ tư. Tức ở trong tạp nhiễm tạo tác, phát khởi tướng lưu chuyển là phược thứ năm. Tức ở trong thường, phát khởi tướng không biến đổi là phược thứ sáu. Tức ở trong lưu chuyển, do có khổ, có biến đổi, phát khởi tướng tánh khổ là phược thứ bảy. Tức ở trong đây, do tự tướng sanh diệt trụ dị, do tự tướng có biến đổi, phát khởi tướng tự tướng kia là phược thứ tám. Tức ở trong không biến đổi cùng có biến đổi đệ nhất nghĩa, phát khởi tướng năng nhiếp tất cả pháp nhiễm ô thanh tịnh là phược thứ chín. Tức ở trong tất cả pháp tạp nhiễm thanh tịnh, sở hữu tướng ngã không nhiễm tịnh là phược thứ mười. Tức ở các pháp tạp nhiễm thanh tịnh, phát khởi tướng tướng vô tự tánh là phược thứ mười một. Do chư Bồ-tát ở nơi các hành tướng phược theo sau, chân chánh quán sát cảnh giới sở tri, nên năng nương nơi Không khéo tu niệm trụ khiến tâm giải thoát. Vì ở nơi tướng phược đây được giải thoát, nên tất cả tướng phược đều được giải thoát.

Lại nữa, ở trong Đại thừa có một loại người ác chấp thủ “không”, nói lời như vậy: Do thế tục nên

tất cả đều có, do thắng nghĩa nên tất cả đều không.

Nên bảo kia rằng: Trưởng lão! Gì là thế tục? Gì là thắng nghĩa?

Hỏi rồi, nếu kia đáp rằng: Hoặc tất cả pháp đều vô tự tánh chính là thắng nghĩa. Hoặc ở trong các pháp vô tự tánh, tự tánh khả đắc, gọi là thế tục. Vì cố sao? Trong vô sở hữu kiến lập thế tục, vì giả thiết danh lời mà khởi thuyết vậy.

Nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, danh lời thế tục là từ nhân mà có tự tánh khả đắc, hay chỉ ở nơi danh lời thế tục mà nói có? Nếu danh lời thế tục từ nhân mà có, thì danh lời thế tục từ nhân mà sanh, mà chẳng phải là có thì không đúng đạo lý. Nếu chỉ ở nơi danh lời thế tục mà nói có, tức danh lời thế tục không sự mà có, thì không đúng đạo lý.

Lại nên bảo rằng: Trưởng lão! Duyên nào các ông cho là đây vô tự tánh khả đắc?

Hỏi rồi, người kia đáp rằng: Vì sự diên đảo.

Lại nên bảo rằng: Ông muốn thế nào, sự diên đảo đây là có hay là không? Nếu nói có, thì thuyết tất cả pháp do thắng nghĩa nên đều vô tự tánh, thì không đúng đạo lý. Nếu nói không, thì do sự diên

đảo mà các ông cho là đây vô tự tánh khả đắc, thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, nên biết do năm tướng trong *Kinh Tu Trạch Đại Thừa* thuyết về nhân duyên khởi thuyết, đó là: vì sanh cung kính đối với người thuyết, khởi thuyết thứ nhất; vì nhiếp chúng, khởi thuyết thứ hai; vì sanh tôn trọng đối với chánh pháp, khởi thuyết thứ ba; vì tự sự, khởi thuyết thứ tư; vì muốn tuyên thuyết chân thật nghĩa và vì nhiều sở tác, khởi thuyết thứ năm.

Lại nữa, vì nương quán tự tướng, cộng tướng của mười hai xứ có 10 chủng đạo không điên đảo, năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng. Nên biết trong đây có 6 chủng quán tự tướng, 4 chủng quán cộng tướng.

Tức là ở trong mười hai xứ như nhãn... giả lập tướng danh lời, năng liễu tri khắp kia chỉ có tướng danh lời. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ nhất năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng nhiếp thọ phân biệt hư vọng chủng chủng sanh. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ hai năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng nương nhân chuyển. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ ba, năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng hoại lẫn nhau, chuyển lẫn nhau. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ tư năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng thanh tịnh chuyển. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ năm năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng. Trong đây nên biết nương hai chủng nghiệp có hai thanh tịnh: 1. Sanh khởi thanh tịnh; 2. Tịch diệt thanh tịnh.

Ở nơi mười hai xứ, năng rõ biết khắp tướng sở hữu danh lời được đặt để. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ sáu năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Như đây gọi là sáu chủng quán sát tự tướng.

Tức là ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tự tánh cộng tướng. Đây gọi là đạo không diên đảo thứ bảy năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Tức ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tướng cộng tướng sở hành vô phân biệt. Đây

gọi là đạo không điên đảo thứ tám năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Tức ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tướng cộng tướng sở hành pháp xuất thế. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ chín, năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Tức ở trong mười hai xứ như vậy, năng rõ biết khắp tướng cộng tướng nhân thanh tịnh. Đây gọi là đạo không điên đảo thứ mười năng chứng sở hữu pháp Phật bất cộng.

Như đây là bốn chủng quán sát cộng tướng.

Lại nữa, nên biết có 8 thù thắng mà càng về sau các trụ địa triển chuyển càng thù thắng hơn: 1. Ý lạc thù thắng; 2. Tâm thanh tịnh thù thắng; 3. Bi thù thắng; 4. Ba-la-mật-đa thù thắng; 5. Thành thực hữu tình thù thắng; 6. Được gặp chư Phật, đi đến thừa sự cúng dường thù thắng; 7. Sanh thù thắng; 8. Thần lực thù thắng.

Lại nữa, thắng nghĩa để có 5 chủng tướng: 1. Tướng lìa danh lời; 2. Tướng không hai; 3. Tướng vượt quá sở hành tâm tư; 4. Tướng vượt quá các pháp tánh một, tánh khác; 5. Tướng ở khắp tất cả một vị.

Lại nữa, nay thuyết **tướng là danh lời và tướng không hai của thắng nghĩa đế**.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Như Lý Thỉnh Vấn Bồ-tát hỏi Giải Thâm Thâm Nghĩa Mật Ý Bồ-tát rằng: Tối Thắng Tử! Nói tất cả pháp không hai, thì tất cả pháp không hai ấy những gì là tất cả pháp? Sao nói là không hai?

Giải Thâm Thâm Nghĩa Mật Ý Bồ-tát bảo Như Lý Thỉnh Vấn Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Tất cả pháp lược có hai chủng: một là hữu vi, hai là vô vi. Trong đây, hữu vi phi hữu vi phi vô vi, vô vi cũng phi vô vi phi hữu vi.

Tối Thắng Tử! Như sao là hữu vi phi hữu vi phi vô vi, vô vi cũng phi vô vi phi hữu vi?

Thiện nam tử! Nói hữu vi ấy tức là Đức Bổn Sư giả thi thiết cú. Nếu là Đức Bổn Sư giả thi thiết cú, tức là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói. Nếu là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói, tức là chủng chủng chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói rất ráo chẳng thành thật, nên chẳng phải là hữu vi.

Thiện nam tử! Nói vô vi ấy cũng là rơi trong ngôn từ. Giả sử là hữu vi mà có chút phần sở

thuyết về vô vi, tướng ấy cũng vậy. Nhưng chẳng phải không sự mà có sở thuyết. Những gì là sự? Đó là các thánh giả dùng thánh trí thánh kiến, vì lìa danh lời mà hiện Chánh đẳng giác. Tức nơi pháp tánh lìa lời như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác nên giả lập danh tướng đó là hữu vi.

Thiện nam tử! Nói vô vi ấy cũng là Bản Sư giả thi thiết cú. Nếu là Bản Sư giả thi thiết cú tức là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói. Nếu là chỗ tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói, tức là chủng chủng tích tập biến kế dụng ngôn từ để nói rất ráo chẳng thành thật, nên chẳng phải là vô vi.

Thiện nam tử! Nói hữu vi ấy cũng rơi trong ngôn từ. Giả sử lìa vô vi có chút phần sở thuyết về hữu vi, tướng ấy cũng vậy. Nhưng chẳng phải không sự mà có sở thuyết. Những gì là sự? Đó là các thánh giả dùng thánh trí thánh kiến, vì lìa danh lời mà hiện Chánh đẳng giác. Tức nơi pháp tánh lìa lời như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác nên giả lập danh tướng vô vi.

Tối Thắng Tử! Việc ấy thế nào? Các thánh giả kia dùng thánh trí thánh kiến lìa danh lời mà hiện Chánh đẳng giác. Tức ở nơi pháp tánh lìa lời

như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác nên giả lập danh tướng, hoặc nói là hữu vi, hoặc nói là vô vi ư?

Thiện nam tử! Như thầy huyễn giỏi, hoặc dẽ tử của kia, ở ngã tư đường góp nhặt ngói đá vụn, cỏ lá cây... hiện làm chũng chũng sự việc huyễn hóa, chỗ gọi hoặc thân ngựa, thân voi, thân xe, thân bộ, hoặc ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, chũng chũng kho tàng tài bảo. Hoặc có các chũng sanh chũng loại ngu si, ngoan độn, ác huệ, không hiểu biết; ở nơi ngói đá vụn, cỏ lá cây... các sự huyễn kể trên, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy: “Như chỗ đã thấy đây thật có thân voi, thân ngựa, thân xe, thân bộ, thật có ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, chũng chũng kho tàng tài bảo”. Như chỗ thấy đây, như chỗ nghe đây chấp trước kiên cố. Theo đó khởi nói năng chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều ngu si hư vọng. Những kẻ kia ở thời sau càng thêm quán sát.

Hoặc có chũng sanh chẳng phải ngu, chẳng phải độn, thuộc chũng loại thiện huệ, có sự hiểu biết; ở nơi ngói đá vụn, cỏ lá cây... các sự huyễn hóa kể trên, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy:

“Như chỗ đã thấy đây không thật thân voi, thân ngựa, thân xe, thân bộ, không thật có ma-ni, trân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô chủng chủng kho tàng tài bảo. Nhưng có sự việc hình trạng huyền mê hoặc mắt, nên ở trong ấy phát khởi tưởng thân voi lớn, hoặc khác với thân voi lớn, cho đến phát khởi chủng chủng tưởng kho tàng tài bảo, hoặc tưởng chủng loại sai khác”. Ở chỗ thấy chẳng như thật đây, nghe chẳng như thật đây mà kiên cố chấp trước. Theo đó khởi nói năng chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều ngu si hư vọng. Vì muốn tỏ rõ nghĩa như vậy, nên cũng ở trong ấy mà tùy khởi nói năng. Những kẻ kia ở thời sau không tu tập quán sát.

Như vậy, hoặc có chúng sanh là loại ngu phu, là loại dị sanh, chưa đắc các thánh tuệ xuất thế gian, chẳng thể rõ biết ở nơi tất cả pháp, pháp tánh là lời. Kẻ kia ở nơi tất cả hữu vi vô vi, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy: “Như chỗ được đây quyết định thật có hữu vi vô vi”. Như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe chấp trước kiên cố, theo đó khởi nói năng, chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều là ngu si hư vọng. Những kẻ kia ở thời sau càng

thêm quán sát.

Hoặc có chúng sanh chẳng phải loại ngu si, đã kiến thánh đế, đã đắc các thánh tuệ xuất thế gian, như thật rõ biết tất cả pháp, pháp tánh lìa lời. Người kia ở nơi tất cả hữu vi vô vi, thấy rồi nghe rồi tác nghĩ như vậy: “Chỗ đã được đây quyết định không thật hữu vi vô vi”. Nhưng chỗ khởi hành tướng có phân biệt, giống như sự huyền mê hoặc huệ hiểu biết, bên trong phát khởi tướng cho là vô vi, hoặc tướng cho là khác với vô vi. Ở nơi thấy chẳng như thật, nghe chẳng như thật đây mà chấp đắm kiên cố. Theo đó khởi nói năng chỉ cho đây là chân thật, còn lại đều là ngu si hư vọng. Vì muốn tỏ rõ nghĩa như vậy, cũng ở trong đây mà khởi nói năng. Những kẻ kia ở thời sau không tu tập quán sát.

Như vậy, thiện nam tử! Các thánh giả kia ở trong sự đây dùng thánh trí thánh kiến lìa danh lời, hiện Chánh đẳng giác. Tức nơi pháp tánh lìa lời như vậy, vì muốn khiến người hiện đẳng giác mà giả lập danh tướng đó là hữu vi, đó là vô vi.

Bấy giờ, Giải Thâm Thâm Nghĩa Mật Ý Bồ-tát muốn trùng tuyên nghĩa đây mà tụng kệ rằng:

*Phật thuyết nghĩa lìa lời không hai
 Thắm sâu, chẳng phải kẻ ngu hành,
 Ngu phu đối đày bị si hoặc,
 Nương say đắm hý luận nói hai,
 Kia hoặc bất định hoặc tà định,
 Lưu chuyển lâu dài sanh tử khổ.
 Trái ngược chánh trí luận như vậy,
 Sẽ sanh trong loài trâu dê thảy.*

Lại nữa, nay thuyết ***tướng thắng nghĩa để vượt quá sở hành tâm tư.***

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Pháp Dũng Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Từ đây qua phương Đông quá bảy mươi hai hàng hà sa thủy thế giới, có thế giới tên là Cự Đại Danh Xung. Như Lai cõi ấy hiệu là Quảng Đại Danh Xung. Tôi ở ngày trước từ nước Phật kia phát nguyện đến đây. Tôi ở nước Phật kia từng thấy có bảy vạn bảy ngàn thầy đứng đầu ngoại đạo cùng ngồi một hội, cùng ở một nơi, cùng vì tư duy về tướng thắng nghĩa để của các pháp. Những vị kia cùng nghĩ bàn, xứng lượng, quán sát, tầm cầu khắp tướng thắng nghĩa để các pháp, rất ráo trợn chẳng thể

được. Chỉ toàn vô số ý hiểu, ý hiểu riêng khác, ý hiểu biến đổi. Do đây họ chống đối lẫn nhau, cùng nhau tranh luận, cho đến dùng lời chỉ trích lẫn nhau, rồi buồn bã chia lìa.

Bạch Thế Tôn! Tôi khi bấy giờ thâm nghĩ thế này: Như Lai xuất thế thật là hy hữu. Bởi xuất thế, nên ở nơi tướng thắng nghĩa để vượt quá tất cả sở hành tâm tư như vậy cũng đã thông đạt tác chứng khả đắc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Pháp Dũng Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Như vậy, như vậy, như ông đã nói. Ta ở nơi tướng thắng nghĩa để vượt quá tất cả cảnh tâm tư, hiện Chánh đẳng giác. Hiện Chánh đẳng giác rồi vì người tuyên thuyết, hiển hiện khai giải, thi thiết soi tỏ. Vì cố sao? Ta nói tướng thắng nghĩa ấy, là các bậc thánh bên trong tự sở chứng. Còn theo sở hành tâm tư ấy, là các dị sanh triển chuyển sở chứng. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa để vượt quá cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói tướng thắng nghĩa sở hành vô tướng; tâm tư chỉ hành cảnh giới có tướng. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói thắng nghĩa chẳng thể ngôn thuyết; tâm tư chỉ hành cảnh giới ngôn thuyết. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tương thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói thắng nghĩa tuyệt dứt các biểu thị; tâm tư chỉ hành cảnh giới biểu thị. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tương thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng! Ta nói thắng nghĩa tuyệt dứt các tranh luận; tâm tư chỉ hành cảnh giới tranh luận. Cho nên Pháp Dũng, do đạo lý đây nên biết tương thắng nghĩa vượt quá tất cả cảnh tâm tư.

Pháp Dũng nên biết, thí như có người tận hết thọ mạng chỉ tiếp xúc toàn vị khổ cay đắng, nên đối với vị mật ngọt thượng mỹ diệu chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu. Hoặc trong đêm dài do thắng giải tham dục nên bị lửa các dục thiêu đốt, nếu đem sánh với bên trong đều trừ diệt tất cả sắc thanh hương vị xúc... cho đến lạc do xa lìa diệu dục kia, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu. Hoặc trong đêm dài do thắng giải ngôn thuyết mà vui đắm luận bàn văn hoa thế gian, nếu đem sánh với bên trong

vui tịch tĩnh mặc nhiên của bậc thánh, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu. Hoặc trong đêm dài do thắng giải thấy nghe hiểu biết biểu thị mà vui đắm các biểu thị thế gian, nếu đem sánh với vĩnh viễn đoạn trừ tất cả biểu thị, thân diệt cứu cánh Niết-bàn, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu.

Pháp Dũng nên biết, thí như có người ở trong đêm dài do có thắng giải chủng chủng ngã sở, nhiếp thọ, tranh luận, vui đắm các tranh luận thế gian, nếu đem sánh với người Bắc-câu-lô châu không ngã sở, không nhiếp thọ, lìa tranh luận, thì chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu.

Như vậy Pháp Dũng, các tâm tư đem sánh với tương thắng nghĩa để vượt quá tất cả cảnh sở hành tâm tư, là chẳng thể tâm tư, chẳng thể so sánh, chẳng thể tin hiểu.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*Nội chứng sở hành kia vô tướng
 Chẳng thể nói bàn, dứt biểu thị,
 Dứt các tranh luận, thắng nghĩa để*

Vượt quá tất cả tướng tâm tu.

Lại nữa, nay thuyết **tướng thắng nghĩa để vượt quá các pháp tánh một, tánh khác.**

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Thiện Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát bạch Phật rằng: Thế Tôn thật lạ kỳ, cho đến Thế Tôn khéo thuyết. Như Thế Tôn thuyết tướng thắng nghĩa để thăm sâu vi tế, vượt quá các pháp tánh một, tánh khác, khó thể thông đạt.

Bạch Thế Tôn! Tôi đã từng thấy ở một nơi có hết thấy chúng Bồ-tát chân chánh tu hành Thắng giải hành địa, đồng câu hội một chỗ, đều cùng nghĩ bàn tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành, tánh tướng một, tánh tướng khác. Ở trong hội đây, một số Bồ-tát tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác”. Một số Bồ-tát lại tác lời: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành chẳng phải đều không có khác. Nhưng tướng thắng nghĩa để khác tướng các hành”. Có Bồ-tát khác nghi hoặc do dự, lại tác lời rằng: “Các Bồ-tát đây ai nói chân thật? Ai nói hư vọng? Ai như lý hành? Ai không như lý?”. Hoặc xướng lời

này: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác”. Hoặc xướng lời này: “Tướng thắng nghĩa để khác tướng các hành”.

Bạch Thế Tôn! Tôi thấy các vị kia rồi, thâm tác nghĩ này: Các thiện nam tử kia ngu si ngoan độn, không sáng không thiện, không như lý hành, chẳng thể hiểu rõ nơi thắng nghĩa để thăm sâu vi tế vượt quá tướng các hành tánh một, tánh khác.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thiện Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Như vậy, như vậy, như ông đã nói. Các thiện nam tử kia ngu si ngoan độn, không sáng không thiện, không như lý hành, chẳng thể hiểu rõ nơi tướng thắng nghĩa để thăm sâu vi tế vượt quá tướng các hành, tánh một, tánh khác. Vì có sao? Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Chẳng phải khi hành nơi các hành như vậy mà gọi là năng thông đạt tướng thắng nghĩa để, hoặc gọi là đắc tác chứng ở nơi thắng nghĩa để. Vì có sao? Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không khác, vậy lẽ thời nay tất cả dị sanh đều đã kiến đế, vậy lẽ các dị sanh đều đã đắc vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, hoặc lẽ đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu tướng

thắng nghĩa để cùng tướng các hành một hướng khác, vậy lẽ người đã kiến đế chẳng cần khiển trừ tướng các hành. Nếu chẳng khiển trừ tướng các hành, thì lẽ ở nơi tướng phược chẳng được giải thoát. Người kiến đế đây nơi các tướng phược vì chẳng được giải thoát, thì ở thô trọng phược cũng chẳng được giải thoát. Nếu ở nơi hai phược chẳng được giải thoát, người kiến đế kia lẽ không thể đắc vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, hoặc chẳng nên chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay chẳng phải các dị sanh đều đã kiến đế, chẳng phải các dị sanh đã năng thành tựu vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, cũng chẳng phải đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành, tướng đều không khác là không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không khác”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay chẳng phải người kiến đế chẳng thể khiển trừ tướng các hành, nhưng năng trừ khiển. Chẳng phải người

kiến để chẳng thể giải thoát các tướng phược, mà năng giải thoát. Chẳng phải người kiến để chẳng thể giải thoát thô trọng phược, mà năng giải thoát. Lấy năng giải thoát khỏi hai chướng, cũng năng thành tựu vô thượng phương tiện an ẩn Niết-bàn, cũng năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành một hướng khác, là không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành một hướng khác”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không khác, lúc ấy như tướng các hành rơi trong tướng tạp nhiễm, thì tướng thắng nghĩa đây lẽ cũng như vậy, tức rơi trong tướng tạp nhiễm. Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành một hướng khác nhau, lẽ chẳng phải cộng tướng của tướng tất cả hành gọi là tướng thắng nghĩa để?

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay tướng thắng nghĩa để chẳng phải rơi trong tướng tạp nhiễm, các hành cộng tướng gọi là tướng thắng

nghĩa đế, cho nên tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành, tướng đều không khác thì không đúng đạo lý. Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành, tướng một hướng khác thì không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành đều không có khác”, hoặc “Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác nhau”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Nếu tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành đều không khác, thì như tướng thắng nghĩa đế ở nơi tướng các hành không có sai khác ấy, tất cả tướng hành cũng lẽ như vậy không có sai khác. Vậy thì người tu quán hành ở trong các hành, như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe, như chỗ đã hiểu, như chỗ đã biết, chẳng lẽ thời sau lại cầu thắng nghĩa? Nếu tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành một hướng khác, lẽ các hành chẳng phải duy tánh vô ngã, chẳng phải duy chỗ hiển hiện của vô tự tánh gọi là tướng thắng nghĩa. Lại lẽ đồng thời hai tướng khác nhau được thành lập, đó là tướng tạp nhiễm và tướng thanh tịnh.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Do ở thời nay tướng

tất cả hành đều có sai biệt, chẳng phải không sai biệt, người tu quán hành ở trong các hành, như chỗ đã thấy, như chỗ đã nghe, như chỗ đã hiểu, như chỗ đã biết, chẳng lẽ thời sau lại cầu thắng nghĩa? Lại tức các hành chỉ là tánh vô ngã, chỗ hiển hiện của vô tự tánh gọi là tướng thắng nghĩa. Lại chẳng phải đồng thời hai tướng nhiễm tịnh khác nhau cùng thành lập. Cho nên tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác, hoặc một hướng khác, đều không đúng đạo lý. Nếu ở trong đây tác lời như vậy: “Tướng thắng nghĩa để cùng tướng các hành đều không có khác, hoặc một hướng khác”, do đạo lý đây nên biết tất cả chẳng như lý hành, chẳng như chánh lý.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Như tánh sắc trắng của vỏ ốc, chẳng dễ thi thiết cho vỏ ốc cùng sắc trắng kia là một tướng hay khác tướng. Như tánh sắc trắng của vỏ ốc, thì sắc vàng của vàng cũng vậy. Như tánh âm thanh uyển chuyển mỹ diệu của đàn không hầu, chẳng dễ thi thiết âm thanh cùng đàn không hầu kia là một tướng hay khác tướng. Như tánh diệu hương của hắc trầm, chẳng dễ thi thiết cho hắc trầm cùng diệu hương kia một tướng

hay khác tướng. Như tánh cay của hồ tiêu, chẳng dễ thi thiết cho hồ tiêu cùng tánh cay kia một tướng hay khác tướng. Như tánh cay của hồ tiêu, tánh nhạt của trái táo cũng vậy. Như tánh mềm nhuyễn của bông tơ tằm, chẳng dễ thi thiết cho bông tơ tằm cùng mềm nhuyễn kia là một tướng hay khác tướng. Như vị đề hồ ở trong thực tô, chẳng dễ thi thiết cho thực tô cùng đề hồ kia một tướng hay khác tướng. Lại như tất cả hành của tánh vô thường, tất cả pháp hữu lậu của tánh khổ, tất cả pháp bổ-đặc-già-la của tánh vô ngã, chẳng dễ thi thiết cho hành cùng kia thấy là một tướng hay khác tướng. Lại như tướng tham bậc thượng không tịch tĩnh và tướng tạp nhiễm, chẳng dễ thi thiết cho tham cùng kia là một tướng hay khác tướng. Như tham bậc thượng, thì sân si bậc thượng nên biết cũng vậy.

Như vậy, Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Tướng thắng nghĩa đế cùng tướng các hành chẳng khả thi thiết là một tướng hay khác tướng.

Thiện Thanh Tịnh Tuệ! Ta ở nơi tướng thắng nghĩa đế vượt quá tướng các pháp tánh một, tánh khác, vi tế cực vi tế, thẳm sâu cực thẳm sâu, khó

thông đạt cực khó thông đạt như vậy mà hiện Chánh đẳng giác. Hiện đẳng giác rồi vì người tuyên thuyết, hiển thị khai giải, thi thiết soi tỏ.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa đây mà thuyết tụng rằng:

*Tướng thắng nghĩa hành giới
Lìa tánh tướng một, khác
Nếu phân biệt một, khác
Kia chẳng như lý hành.
Chúng sanh bị tướng phược
Cùng bị thô trọng phược
Cần siêng tu chỉ quán
Mới khéo được giải thoát.*

Lại nữa, nay thuyết ***tướng thắng nghĩa để khắp tất cả một vị.***

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Thế Tôn bảo trưởng lão Thiện Hiện rằng: Thiện Hiện! Ông có biết ở trong hữu tình giới có bao nhiêu hữu tình ôm lòng tăng thượng mạn, vì chấp giữ tăng thượng mạn mà ký biệt chỗ hiểu? Ông có biết trong hữu tình giới có bao nhiêu hữu tình lìa tăng thượng mạn ký biệt chỗ hiểu?

Trưởng lão Thiện Hiện bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi biết trong hữu tình giới phần ít hữu tình là tăng thượng mạn ký biệt chỗ hiểu. Bạch Thế Tôn! Tôi biết trong hữu tình giới có vô lượng vô số chẳng thể tính kể hữu tình ôm lòng tăng thượng mạn, vì chấp giữ tăng thượng mạn nên ký biệt chỗ hiểu.

Bạch Thế Tôn! Tôi có lúc đã từng trụ nơi a-lan-nhã, trong rừng đại thụ. Lúc ấy trong rừng đây cũng có nhiều Bí-sô sống gần nơi tôi ở. Tôi thấy các Bí-sô kia sau phần ban ngày triển chuyển tụ tập, nương vào sở đắc hiện quán, mỗi mỗi riêng nói chùng chùng pháp tướng ký biệt chỗ hiểu. Trong đó có một loại vì đắc uẩn, vì đắc tướng uẩn, vì đắc khởi uẩn, vì đắc tận uẩn, vì đắc diệt uẩn, vì đắc tác chúng diệt uẩn, nên ký biệt chỗ hiểu tướng uẩn đã đắc. Như có một loại vì đắc uẩn, thì có một loại vì đắc xứ, có một loại vì đắc duyên khởi cũng vậy. Lại có một loại vì đắc thực, vì đắc tướng thực, vì đắc khởi thực, vì đắc tận thực, vì đắc diệt thực, vì đắc tác chúng diệt thực, nên ký biệt chỗ hiểu. Lại có một loại vì đắc đế, vì đắc tướng đế, vì đắc biến tri đế, vì đắc vĩnh viễn đoạn đế, vì đắc tác chúng đế,

vì đặc tu tập đế, nên ký biệt chỗ hiểu. Lại có một loại vì đặc giới, vì đặc tướng giới, vì đặc chủng chủng tánh giới, vì đặc chẳng phải một tánh giới, vì đặc diệt giới, vì đặc tác chứng diệt giới, nên ký biệt chỗ hiểu. Lại có một loại vì đặc niệm trụ, vì đặc tướng niệm trụ, vì đặc năng trị sở trị niệm trụ, vì đặc tu niệm trụ, vì đặc chưa sanh khiến sanh niệm trụ, vì đặc đã sanh khiến trụ kiên cố chẳng mất niệm trụ, vì tu tập tăng trưởng niệm trụ, nên ký biệt chỗ hiểu. Như có một loại vì đặc niệm trụ, thì có một loại vì đặc chánh đoạn, vì đặc thần túc, vì đặc các căn, vì đặc các lực, vì đặc giác chi nên biết cũng vậy. Lại có một loại vì đặc tám Thánh đạo chi, vì đặc tướng tám Thánh đạo chi, vì đặc năng trị sở trị tám Thánh đạo chi, vì đặc tu tám Thánh đạo chi, vì đặc chưa sanh khiến sanh tám Thánh đạo chi, vì đặc đã sanh khiến trụ chẳng quên mất tám Thánh đạo chi, vì tu tăng trưởng thêm tám Thánh đạo chi, nên ký biệt chỗ hiểu.

Bạch Thế Tôn! Tôi thấy kia rồi thâm nghĩ thế này: Các trưởng lão đây nương sở đặc hiện quán, mỗi mỗi riêng nói chủng chủng pháp tướng ký biệt chỗ hiểu. Nên biết các trưởng lão kia tất cả đều ôm

lòng tăng thượng mạn. Vì chấp giữ tăng thượng mạn, nên đối với tướng thắng nghĩa đế khắp tất cả chỉ có một vị, chẳng thể hiểu rõ. Cho nên Thế Tôn thật lạ kỳ, cho đến Thế Tôn khéo thuyết. Như Thế Tôn nói tướng thắng nghĩa đế khắp tất cả chỉ có một vị, vi tế cực vi tế, thăm sâu cực thăm sâu, khó thông đạt cực khó thông đạt.

Bạch Thế Tôn! Bí sô tu hành trong thánh giáo đây, ở nơi tướng thắng nghĩa đế chỉ có một vị khắp tất cả còn khó thông đạt, huống các ngoại đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo trưởng lão Thiện Hiện rằng: Thiện Hiện! Như vậy, như vậy. Ta ở nơi tướng thắng nghĩa đế khắp tất cả chỉ có một vị, vi tế cực vi tế, thăm sâu cực thăm sâu, khó thông đạt cực khó thông đạt mà hiện Chánh đẳng giác. Hiện đẳng giác rồi vì người tuyên thuyết, hiển thị khai giải, thi thiết soi tỏ. Vì cố sao? Thiện Hiện! Ta đã hiển thị sở duyên thanh tịnh ở trong tất cả uẩn là thắng nghĩa đế. Ta đã hiển thị sở duyên thanh tịnh ở trong tất cả xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi là thắng nghĩa đế. Sở duyên thanh tịnh

đây ở trong các uẩn là tướng một vị, tướng không riêng khác. Như ở trong các uẩn, thì ở trong tất cả xứ cho đến ở trong tất cả đạo chi là tướng một vị, không tướng riêng khác. Cho nên Thiện Hiện, do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa đế ở khắp tất cả là một vị.

Thiện Hiện! Bí số tu quán hành thông đạt thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã của một uẩn rồi, lại không tầm cầu mỗi mỗi các xứ uẩn khác. Chỉ thông đạt thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã của xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi... như vậy. Tức tùy theo thắng nghĩa chân như đây, vì trí không hai làm chỗ nương, ở nơi tướng thắng nghĩa đế ở khắp tất cả chỉ một vị, quán sát thẳm sâu, đi đến chứng đắc. Cho nên Thiện Hiện! Do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa đế ở khắp tất cả chỉ có một vị.

Thiện Hiện! Như các uẩn kia triển chuyển tướng khác, thì các xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi... kia cũng triển chuyển tướng khác. Nếu tất cả pháp thắng nghĩa chân như pháp tánh vô

ngã cũng tương triển chuyển khác, vậy thì thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã lẽ cũng có nhân, từ nhân mà sanh. Nếu từ nhân sanh, lẽ là hữu vi. Nếu là hữu vi, lẽ chẳng phải thắng nghĩa. Nếu chẳng phải thắng nghĩa, lẽ phải tầm cầu thắng nghĩa để khác.

Thiện Hiện! Do đây thắng nghĩa chân như pháp tánh vô ngã chẳng gọi là có nhân, chẳng phải nhân sanh ra, cũng chẳng phải hữu vi, là thắng nghĩa để. Đắc thắng nghĩa đây, lại chẳng tầm cầu thắng nghĩa để khác. Duy chỉ hằng hằng thời, thường thường thời, Như Lai xuất thế hoặc không xuất thế, các pháp pháp tánh an lập, pháp giới an trụ. Do đạo lý đây nên biết tướng thắng nghĩa để ở khắp tất cả là một vị.

Thiện Hiện! Thí như có chủng chủng phẩm loại chẳng phải một, trong đó sắc có tướng khác nhau; tướng hư không kia vô tướng, vô phân biệt, không biến đổi, một vị ở khắp tất cả. Như vậy trong tất cả pháp, tánh khác tướng khác, tướng thắng nghĩa để ở khắp tất cả một vị nên biết lẽ ấy cũng vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa

đây mà thuyết tụng rằng:

*Tướng một vị đây khắp tất cả
Chư Phật thuyết thẳng nghĩa không khác
Nếu đối trong ấy phân biệt khác
Nhất định kia ngu si, thượng mạn.*



Quyển 76
Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA
Phần 5

Lại nữa, nay thuyết *tương tâm ý thức*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Quảng Tuệ Bồ-tát thỉnh hỏi Phật: Như Thế Tôn thuyết Bồ-tát khéo léo nơi tâm ý thức bí mật, ngang đâu gọi là Bồ-tát khéo léo nơi tâm ý thức bí mật? Ngang đâu Như Lai thi thiết kia là Bồ-tát khéo léo nơi tâm ý thức bí mật?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Quảng Tuệ Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, Quảng Tuệ! Ông nay khéo hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy. Ông nay vì muốn lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian cùng tất cả trời, người, a-tu-la thấy, vì muốn khiến kia thành tựu nghĩa lợi ích an lạc nên phát lời hỏi kia. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông thuyết nghĩa tâm ý thức bí mật.

Quảng Tuệ nên biết, hữu tình kia sanh tử lưu chuyển trong sáu đường, đọa trong các loài hữu

tình khác nhau, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc hóa sanh, hoặc thấp sanh mà sanh khởi thân phần. Ở trong tối sơ, tất cả chủng tử tâm ý thức thành thực, triển chuyển hòa hợp, tăng trưởng rộng lớn nương hai chấp thọ: một là chấp thọ các căn hữu sắc và sở y; hai là chấp thọ tập khí tướng danh phân biệt ngôn thuyết hý luận. Trong Hữu sắc giới đủ cả hai chấp thọ. Trong Vô sắc giới không đủ hai chủng.

Quảng Tuệ! Thức đây cũng gọi là A-đà-na thức. Vì có sao? Do thức đây đuổi theo chấp giữ nơi thân. Cũng gọi là A-lại-da thức. Vì có sao? Do thức đây ở nơi thân nhiếp thọ ẩn tàng, đồng chung nghĩa an ổn, nguy hại. Cũng gọi là tâm. Vì có sao? Do thức đây mà sắc, thanh, hương, vị, xúc... tích tập nuôi dưỡng phát triển.

Quảng Tuệ! A-đà-na thức làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập khiến sáu thức thân chuyển, đó là nhãn thức và nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Trong đây có thức, nhãn và sắc làm duyên sanh nhãn thức; đồng tùy hành, đồng thời, đồng cảnh với nhãn thức có ý thức phân biệt chuyển. Có thức, nhĩ tỷ thiệt thân và thanh hương vị xúc làm duyên

sanh nhĩ tử thiệt thân thức; đồng tùy hành, đồng thời, đồng cảnh với nhĩ tử thiệt thân thức có ý thức phân biệt chuyển.

Quảng Tuệ! Nếu bấy giờ một nhãn thức chuyển, tức lúc ấy chỉ có một ý thức phân biệt đồng hành chuyển cùng nhãn thức. Nếu lúc bấy giờ hai, ba, bốn, năm các thức thân chuyển, tức lúc ấy chỉ có một ý thức phân biệt đồng hành chuyển cùng năm thức thân.

Quảng Tuệ! Như nước lớn chảy mạnh, nếu hiện tiền duyên sanh một sóng, tức chỉ một sóng chuyển. Nếu hiện tiền duyên sanh hai hoặc nhiều sóng, tức nhiều sóng chuyển. Nhưng bản chất nước lớn luôn chảy không dứt không tận. Lại như mặt gương sáng sạch, nếu hiện tiền duyên sanh một ảnh, tức chỉ có một ảnh hiện. Nếu hiện tại duyên sanh hai hoặc nhiều ảnh, tức có hai hay nhiều ảnh hiện. Chẳng phải mặt gương đây chuyển biến làm thành nhiều ảnh, cũng không thọ dụng việc diệt tận khá có thể được.

Như vậy, Quảng Tuệ! Do A-đa-na thức như dòng nước chảy làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, nếu lúc bấy giờ hiện tiền duyên sanh một nhãn

thức, tức lúc ấy có một nhãn thức chuyển. Nếu lúc bấy giờ hiện tiền duyên sanh năm thức thân, tức lúc ấy có năm thức thân chuyển.

Quảng Tuệ! Như vậy Bồ-tát do trụ pháp trí làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, cho nên được khéo léo nơi tâm ý thức bí mật. Nhưng chư Như Lai ngang đây chưa thi thiết Bồ-tát kia là khéo léo nơi tất cả tâm ý thức bí mật.

Quảng Tuệ! Nếu chư Bồ-tát bèn trong mỗi mỗi riêng khác như vậy, như thật chẳng thấy A-đà-na, chẳng thấy A-đà-na thức, chẳng thấy A-lại-da, chẳng thấy A-lại-da thức, chẳng thấy tích tập, chẳng thấy tâm, chẳng thấy nhãn, sắc cùng nhãn thức, chẳng thấy nhĩ, thanh cùng nhĩ thức, chẳng thấy tỷ, hương cùng tỷ thức, chẳng thấy thiệt, vị cùng thiệt thức, chẳng thấy thân, xúc cùng thân thức, chẳng thấy ý, pháp cùng ý thức. Đây gọi là thắng nghĩa Bồ-tát khéo léo, Như Lai thi thiết kia là thắng nghĩa Bồ-tát khéo léo.

Quảng Tuệ! Ngang đây gọi là Bồ-tát khéo léo nơi tất cả tâm ý thức bí mật. Như Lai ngang đây thi thiết Bồ-tát kia khéo léo nơi tất cả tâm ý thức bí mật.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

*A-đà-na thức sâu tinh tế
Tất cả chúng tử như dòng lũ
Ta đối ngu phu chẳng khai diễn
Sợ kia phân biệt chấp làm ngã.*

Lại nữa, nay thuyết **tướng tất cả pháp**.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Đức Bổn Bồ-tát thỉnh hỏi Phật: Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết Bồ-tát khéo léo nơi tướng các pháp, ngang đâu gọi là Bồ-tát khéo léo nơi tướng các pháp? Như Lai ngang đâu thi thiết Bồ-tát kia khéo léo nơi tướng các pháp?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Đức Bổn Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, Đức Bổn! Ông nay năng hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy. Ông nay vì muốn lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian cùng trời, người, a-tu-la... vì khiến kia thành tựu nghĩa lợi ích an lạc, nên phát lời hỏi kia. Ông hãy lắng nghe kỹ, Ta sẽ vì ông thuyết tướng các pháp.

Tướng các pháp lược có ba chủng. Những gì là

ba? Một là tướng biến kế sở chấp; hai là tướng y tha khởi; ba là tướng viên thành thật.

Sao gọi là tướng các pháp biến kế sở chấp? Tức là giả an lập tự tánh sai biệt của tất cả pháp, cho đến theo đó tùy khởi ngôn thuyết.

Sao gọi là tướng các pháp y tha khởi? Tức là tự tánh tất cả pháp duyên sanh. Vì đây có cho nên kia có, vì đây sanh cho nên kia sanh. Đó là vô minh duyên hành, cho đến chiêu tập thuận đại khổ uẩn.

Sao gọi là tướng các pháp viên thành thật? Tức là tất cả pháp chân như bình đẳng. Ở nơi chân như đây, chúng chư Bồ-tát vì tinh tấn đồng mãnh làm nhân duyên, như lý tác ý, tư duy không điên đảo, vì lấy đó làm nhân duyên bền năng thông đạt. Đã thông đạt như vậy, dần dần tu tập cho đến Vô thượng Bồ-đề mới chứng đắc viên mãn.

Đức Bốn! Như người đau mắt bị bệnh hoa mắt, trong tình trạng quá hoạn hoa mắt ấy, thì tướng biến kế sở chấp nên biết cũng vậy. Như người đau mắt có các tướng mắt hoa, hoặc thấy tóc lông chuyển động, hoặc thấy ong ruồi lớn hơn, hoặc lại tướng xanh vàng đỏ trắng... hiện tiền sai khác, thì tướng

y tha khởi nên biết cũng vậy. Như người mắt trong sạch không bệnh, xa lìa tình trạng quá hoạn hoa mắt, tức bản tánh mắt sạch tịnh, cảnh giới sở hành không loạn, thì tướng viên thành thật nên biết cũng vậy.

Đức Bổn! Thí như báu phả-chi-ca trong sáng tùy màu, nếu để cùng và bị nhiễm bởi sắc xanh, thì giống như báu ma-ni xanh, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho đấy là thật báu ma-ni xanh. Nếu để cùng và bị nhiễm bởi sắc đỏ, thì giống như báu ma-ni hổ phách, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho là thật báu ma-ni hổ phách. Nếu để cùng và bị nhiễm bởi tạp sắc, thì giống như báu ma-ni mặt-la-yết-đa, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho đấy là thật ma-ni mặt-la-yết-đa. Nếu để cùng và bị nhiễm bởi sắc vàng, thì giống như sắc vàng của báu chân kim, hữu tình bị hoặc loạn bởi tà chấp thủ cho đấy là thật báu chân kim. Như vậy, Đức Bổn! Như báu phả-chi-ca trong sáng trên chỗ có nhiễm sắc tương ưng, thì tướng y tha khởi trên tương biến kế sở chấp ngôn thuyết tập khí nên biết cũng vậy. Như báu phả-chi-ca trong sạch trên chỗ có tà chấp xanh, hổ phách, mặt-la-yết-đa,

chân kim kia... thì tướng y tha khởi trên chỗ chấp tướng biến kế sở chấp cũng vậy. Như báu phả-chi-ca trong sạch, tướng y tha khởi nên biết cũng vậy. Như phả-chi-ca trong sạch trên chỗ có tướng xanh, hổ phách, mặt-la-yết-đa, chân kim... ở hằng hằng thời, ở thường thường thời tánh vô tự tánh không có chân thật, tức tướng y tha khởi trên do tướng biến kế sở chấp... ở hằng hằng thời, ở thường thường thời, tánh vô tự tánh không có chân thật. Tướng viên thành thật nên biết cũng vậy.

Đức Bổn! Vì tướng tương ưng danh lấy làm duyên, mà năng rõ biết tướng biến kế sở chấp. Vì tướng y tha khởi trên chỗ chấp tướng biến kế sở chấp lấy làm duyên, mà năng rõ biết tướng y tha khởi. Tướng y tha khởi trên chỗ không chấp tướng biến kế sở chấp lấy làm duyên, mà năng rõ biết tướng viên thành thật.

Đức Bổn! Nếu chư Bồ-tát năng ở nơi tướng các pháp y tha khởi trên, như thật rõ biết tướng biến kế sở chấp, tức năng như thật rõ biết tất cả pháp vô tướng. Nếu chư Bồ-tát như thật rõ biết tướng y tha khởi, tức năng như thật rõ biết tướng tất cả pháp tạp nhiễm. Nếu chư Bồ-tát như thật rõ biết

tướng viên thành thật, tức năng như thật rõ biết tướng tất cả pháp thanh tịnh.

Đức Bốn! Nếu chư Bồ-tát năng ở nơi tướng y tha khởi trên, như thật rõ biết pháp vô tướng, tức năng đoạn diệt pháp tướng tạp nhiễm. Nếu năng đoạn diệt pháp tướng tạp nhiễm, tức năng chứng được pháp tướng thanh tịnh.

Như vậy, Đức Bốn! Do chư Bồ-tát như thật rõ biết tướng biến kế sở chấp, tướng y tha khởi và tướng viên thành thật, nên như thật rõ biết các pháp vô tướng, pháp tướng tạp nhiễm, pháp tướng thanh tịnh. Như thật rõ biết pháp vô tướng, tức năng đoạn diệt tất cả pháp tướng tạp nhiễm. Vì năng đoạn diệt pháp tướng tạp nhiễm, nên chứng đắc tất cả pháp tướng thanh tịnh. Ngang đây gọi là Bồ-tát khéo léo ở nơi tướng các pháp. Như Lai ngang đây thi thiết Bồ-tát kia là khéo léo nơi tướng các pháp.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

Nếu không rõ biết pháp vô tướng

Chẳng năng đoạn pháp tướng tạp nhiễm

Vì chẳng đoạn pháp tướng tạp nhiễm
 Hoại chứng pháp tướng tịnh vi diệu
 Chẳng quán các hành chúng quá thất
 Lỗi lầm phóng dật hại chúng sanh
 Giải đãi trong pháp trụ pháp động
 Chẳng biết mất hoại, đáng thương xót!

Lại nữa, nay thuyết **tướng các pháp vô tự tánh**.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi từng ở riêng tĩnh xứ, tâm sanh tâm tư như vậy: Thế Tôn dùng vô lượng môn từng thuyết các uẩn sở hữu tự tướng, tướng sanh, tướng diệt, vĩnh viễn đoạn biến tri. Như thuyết về các uẩn, thì các xứ, duyên khởi, các thực cũng vậy. Dùng vô lượng môn từng thuyết các đế sở hữu tự tướng, vĩnh viễn đoạn biến tri, tu tập tác chứng. Dùng vô lượng môn từng thuyết các giới sở hữu tự tướng, chẳng phải một giới tánh mà chủng chủng giới tánh, vĩnh viễn đoạn biến tri. Dùng vô lượng môn từng thuyết niệm trụ sở hữu tự tướng, năng trị, sở trị cùng với tu tập chưa sanh khiến sanh, đã sanh

khiến trụ kiên cố, càng thêm tu tập tăng trưởng rộng lớn, chẳng cho quên mất. Như thuyết về niệm trụ, thì thuyết về chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi cũng lại như thế. Dùng vô lượng môn từng thuyết tám Thánh đạo chi sở hữu tự tướng, năng trị sở trị cùng với đã tu tập chưa sanh khiến sanh, đã sanh trụ kiên cố chẳng quên mất, càng thêm tu tập tăng trưởng rộng lớn. Thế Tôn lại thuyết tất cả các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Thế Tôn nương đâu mật ý tác thuyết chi tiết “tất cả các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn” như thế? Tôi nay thỉnh hỏi Như Lai nghĩa ấy, duy nguyện Như Lai ai miễn giải thích chỗ có mật ý thuyết “tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, Thắng Nghĩa Sanh! Ông như lý tầm tư rất sâu. Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Ông nay năng thỉnh hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy. Ông nay vì muốn lợi ích an lạc vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian trời, người, a-tu-la thấy, vì muốn kia thu được nghĩa lợi

ích an lạc nên phát lời hỏi đây. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông giải thích chỗ mật ý thuyết “tất cả các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Thắng Nghĩa Sanh! Nên biết ta nương ba chủng tánh vô tự tánh mà mật ý thuyết rằng: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”. Đó là tướng tánh vô tự tánh, sanh tánh vô tự tánh và thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Thiện nam tử! Sao gọi là tướng các pháp tánh vô tự tánh? Chỗ gọi là tướng các pháp biến kế sở chấp. Vì cố sao? Đây do giả danh mà an lập là tướng, chẳng phải do tự tướng mà an lập là tướng; cho nên thuyết là tướng tánh vô tự tánh. Sao gọi là sanh các pháp tánh vô tự tánh? Chỗ gọi là tướng các pháp y tha khởi. Vì cố sao? Đây do nương lực của duyên khác nên có, chẳng phải tự nhiên có; cho nên thuyết là sanh tánh vô tự tánh. Sao gọi là thắng nghĩa các pháp tánh vô tự tánh? Chỗ gọi là các pháp do sanh tánh vô tự tánh mà thuyết thắng nghĩa tánh vô tự tánh, tức pháp duyên sanh cũng gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Vì cố sao? Ở trong các pháp nếu là sở duyên cảnh giới thanh

tịnh, Ta hiển thị kia lấy dây dùng làm thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Tướng y tha khởi chẳng phải là sở duyên cảnh giới thanh tịnh, cho nên cũng thuyết là thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Lại có tướng các pháp viên thành thật cũng gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Vì cơ sao? Tất cả pháp, tánh pháp vô ngã gọi là thắng nghĩa, cũng được gọi là tánh vô tự tánh. Lấy đây là thắng nghĩa để các pháp, chỗ hiển của tánh vô tự tánh. Do nhân duyên đây gọi là thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Thiện nam tử! Thí như tướng hoa đóm giữa hư không, tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Như tượng huyền, sanh tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Thí như hư không chỉ là chỗ hiển sắc tánh Không khắp tất cả xứ, một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh nên biết cũng vậy. Cho nên cũng là chỗ hiển của pháp tánh vô ngã khắp tất cả xứ.

Thiện nam tử! Ta nương ba chủng tánh vô tự tánh như vậy, mật ý thuyết lời: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”.

Thắng Nghĩa Sanh! Nên biết Ta nương tướng

tánh vô tự tánh mật ý thuyết lời: “Tất cả các pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”. Vì có sao? Nếu tự tướng pháp đều vô sở hữu thì không có sanh, nếu không có sanh thì không có diệt, nếu không sanh không diệt thì bản lai tịch tĩnh, nếu bản lai tịch tĩnh thì tự tánh Niết-bàn. Ở trong đều không có chút phần sở hữu nào khác khiến kia Bát-niết-bàn. Cho nên Ta nương tướng tánh vô tự tánh mật ý thuyết lời: “Tất cả pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Thiện nam tử! Ta cũng nương pháp tánh vô ngã, chỗ hiển thắng nghĩa tánh vô tự tánh, mật ý thuyết lời: “Tất cả các pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”. Vì có sao? Pháp tánh vô ngã, chỗ hiển thắng nghĩa tánh vô tự tánh, tức ở hằng hằng thời, ở thường thường thời, pháp tánh các pháp an trụ vô vi, chẳng tương ưng cùng tất cả tạp nhiễm; ở hằng hằng thời, ở thường thường thời, pháp tánh các pháp an trụ nên vô vi, do vô vi nên vô sanh vô diệt, chẳng tương ưng cùng tất cả tạp nhiễm, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Cho nên Ta nương pháp tánh vô ngã chỗ hiển thắng nghĩa tánh vô tự tánh, mật ý thuyết lời:

“Tất cả các pháp vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”.

Thắng Nghĩa Sanh! Chẳng phải do trong các loại hữu tình của hữu tình giới riêng quán tự tánh biến kế sở chấp cho là tự tánh; cũng chẳng phải do trong kia riêng quán tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật cho là tự tánh mà Ta lập ba chủng tánh vô tự tánh. Nhưng bởi hữu tình kia ở nơi tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật mà lại tăng ích cho tự tánh biến kế sở chấp, nên Ta lập ba chủng tánh vô tự tánh. Do tướng tự tánh biến kế sở chấp, các hữu tình kia ở trong tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật như như tùy khởi ngôn thuyết, như vậy như vậy tùy khởi ngôn thuyết. Do ngôn thuyết huân tập tâm, hoặc do ngôn thuyết tùy giác, hoặc do ngôn thuyết tùy miên, do ở trong tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật chấp trước tướng tự tánh biến kế sở chấp. Như như chấp trước, như vậy như vậy ở nơi tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật trên sự chấp trước tự tánh biến kế sở chấp. Do nhân duyên đây, đời đương lai tự tánh y tha khởi sanh. Do nhân duyên đây, hoặc là bị nhiễm bởi phiền não tạp nhiễm, hoặc là bị

nhiệm bởi nghiệp tạp nhiễm, hoặc là bị nhiễm bởi sanh tạp nhiễm, trường thời ở trong sanh tử, trường thời lưu chuyển tán tốc không tạm dừng, hoặc ở địa ngục, hoặc ở bàng sanh, hoặc ở ngã quý, hoặc ở trên trời, hoặc ở a-tu-la, hoặc ở trong người thọ các khổ não.

Thắng Nghĩa Sanh! Nếu các hữu tình từ xưa đến nay chưa trông thiện căn, chưa thanh tịnh chướng, chưa thành thực tương tục, chưa nhiều tu thắng giải, chưa năng tích tập hai chủng tư lương phước đức và trí tuệ, Ta vì kia nên nương sanh tánh vô tự tánh mà tuyên thuyết các pháp. Kẻ kia nghe đây rồi, khéo ở trong tất cả duyên sanh hành, theo đó hiểu rõ không thường không hằng là pháp biến hoại không an ổn. Ở tất cả hành, tâm sanh hãi sợ, khởi sâu yểm hoại, do đây ngăn phòng dừng dứt các ác. Ở các pháp ác chẳng năng tạo tác, ở các pháp thiện siêng năng tu tập. Vì huân tập nhân thiện, chưa trông thiện căn thì năng trông, chưa thanh tịnh chướng năng khiến thanh tịnh, chưa thành thực tương tục năng khiến thành thực. Do nhân duyên đây tu nhiều thắng giải, cũng nhiều tích tập hai chủng tư lương phước đức và trí tuệ.

Hữu tình kia tuy trông các thiện căn cho đến tích tập hai chủng tư lương phước đức trí tuệ như vậy, nhưng ở trong sanh tánh vô tự tánh chưa năng rõ biết như thật hai chủng là tướng tánh vô tự tánh và tướng nghĩa tánh vô tự tánh. Ở nơi các hành chưa năng chánh nhàm chán, chưa chánh ly dục, chưa chánh giải thoát, chưa giải thoát khắp phiền não tạp nhiễm, chưa giải thoát khắp các nghiệp tạp nhiễm, chưa giải thoát khắp các sanh tạp nhiễm. Như Lai lại vì kia thuyết pháp yếu, đó là tướng tánh vô tự tánh và tướng nghĩa tánh vô tự tánh. Vì muốn khiến kia ở nơi tất cả hành năng chánh nhàm chán, vì muốn khiến kia chánh ly dục, vì muốn khiến kia chánh giải thoát, vì muốn khiến kia chánh vượt qua tất cả phiền não tạp nhiễm, vì muốn khiến kia vượt qua tất cả nghiệp tạp nhiễm, vì muốn khiến kia vượt qua tất cả sanh tạp nhiễm. Hữu tình kia nghe thuyết pháp như vậy rồi, ở trong sanh tánh vô tự tánh năng chánh tin hiểu tướng tánh vô tự tánh và tướng nghĩa tánh vô tự tánh, tư duy chọn lựa như thật thông đạt, trong tự tánh y tha khởi chẳng năng chấp trước tướng tự tánh biến kế sở chấp. Vì trí chẳng do ngôn thuyết huân

tập, vì trí chẳng do ngôn thuyết tùy giác và vì trí là ngôn thuyết tùy miên, nên năng diệt tướng y tha khởi. Ở trong hiện pháp do lực giữ gìn nhậm vận của trí đây, năng vĩnh viễn đoạn diệt nhân đời vị lai. Do nhân duyên đây, ở tất cả hành năng chánh yểm hoạn, năng chánh ly dục, năng chánh giải thoát, năng giải thoát khắp ba chủng tạp nhiễm là phiền não, nghiệp và sanh.

Thắng Nghĩa Sanh! Các hữu tình chủng tánh Thanh văn thừa cũng do đạo lý đây, dấu tích hành đây, nên chứng đắc vô thượng an ẩn Niết-bàn. Các hữu tình chủng tánh Độc giác thừa, các hữu tình chủng tánh Như Lai thừa cũng do đạo lý dấu tích hành đây, nên chứng đắc vô thượng an ẩn Niết-bàn. Tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đều cùng một đạo vi diệu thanh tịnh đây, đều cùng một cứu cánh thanh tịnh đây, lại không có điều thứ hai. Ta nương đây nên mật ý thuyết “duy chỉ nhất thừa”, chẳng phải ở trong tất cả hữu tình giới không có chủng tánh hữu tình chủng chủng sai biệt, hoặc tánh độn căn, hoặc tánh trung căn, hoặc tánh lợi căn.

Thiện nam tử! Nếu bổ-đặc-già-la chủng tánh

Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh, tuy mong chư Phật phương tiện giáo hóa dẫn dắt, thi thiết chủng chủng gia hạnh dũng mãnh, trọn không thể khiến sẽ ngồi đạo tràng, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Vì cơ sao? Vì kia bản lai chỉ có chủng tánh hạ liệt, vì một hướng từ bi mỏng yếu, vì một hướng hãi sợ các khổ. Do kia một hướng từ bi mỏng yếu, nên một hướng trái bỏ việc lợi ích chúng sanh. Do kia một hướng hãi sợ các khổ, nên một hướng trái bỏ phát khởi tạo tác các hành. Ta trọn chẳng thuyết kể một hướng trái bỏ việc lợi ích chúng sanh, kể một hướng trái bỏ phát khởi tạo tác các hành sẽ ngồi đạo tràng, năng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho nên nói kia danh là Thanh văn một hướng hướng đến tịch tĩnh.

Nếu bổ-đặc-già-la chủng tánh Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, Ta cũng nói dị môn kia là Bồ-tát. Vì cơ sao? Vì kia đã tự giải thoát khỏi phiền não chướng, nếu mong chư Phật... lúc giác ngộ, tâm sẽ giải thoát khỏi sở tri chướng, việc đây khá có thể được. Do kia ban đầu vì tự lợi ích mà tu hành gia hạnh giải thoát phiền não chướng, cho nên Như Lai thi thiết kia là chủng tánh Thanh văn.

Thắng Nghĩa Sanh! Như vậy ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, ở trong sở thuyết giáo pháp thiện với ý lạc tối cực thanh tịnh mà Ta đã chế lập, có các loại hữu tình với chủng chủng ý hiểu sai biệt khả đặc.

Thiện nam tử! Như Lai chỉ nương ba chủng tánh vô tự tánh như vậy, do mật ý sâu xa đối với chỗ tuyên thuyết kinh bất liễu nghĩa, dùng tướng ẩn mật thuyết các pháp yếu. Tức là tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn. Đối trong kinh đây, nếu các hữu tình đã trông thiện căn phẩm thượng, đã thanh tịnh các chướng, đã thành thực tương tục, đã nhiều tu thắng giải, đã năng tích tập tư lương phước đức trí tuệ phẩm thượng, kia lắng nghe pháp như vậy rồi, ở nơi ngôn thuyết mật ý thậm thâm của Ta như thật hiểu rõ, ở nơi pháp như vậy thâm sanh tin hiểu, ở nơi nghĩa như vậy dùng tuệ như thật thông đạt không điên đảo. Vì nương thông đạt đây, nên khéo tu tập, nhanh chóng năng chứng tối cực cứu cánh; cũng ở chỗ Ta thâm sanh tịnh tín, tự biết Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện Chánh đẳng giác nơi tất cả pháp.

Nếu các hữu tình đã trông thiện căn phẩm thượng, đã thanh tịnh các chướng, đã thành thực tương tục, đã nhiều tu thắng giải, nhưng chưa thể tích tập tư lương phước đức trí tuệ phẩm thượng, mà tánh người kia chất trực, thuộc loại chất trực, tuy không có năng lực tư trạch trong việc phế bỏ hay an lập, mà chẳng an trụ trong tự kiến thủ. Nếu kia lắng nghe pháp như vậy rồi, đối với ngôn thuyết thậm thâm bí mật của Ta, tuy không đủ năng lực như thật hiểu rõ, nhưng đối với pháp đây năng sanh thắng giải phát sanh tịnh tín, tin kinh điển này thật do Như Lai thuyết, thật là kỳ lạ thẳm sâu, hiển hiện thẳm sâu, tương ưng tánh Không, khó thấy khó ngộ, chẳng thể tầm tư, chẳng phải sở hành cảnh giới vi tế của người hành tầm tư, cũng chẳng phải chỗ hiểu biết thông tường sâu sắc của kẻ trí thông minh. Ở nơi nghĩa thuyết trong kinh điển đây, tự khinh mình mà tác lời như vậy: “Chư Phật Bồ-đề thật là thẳm sâu. Pháp tánh các pháp cũng rất thẳm sâu. Chỉ có Phật Như Lai khéo năng liễu đạt, chẳng phải chỗ chúng ta năng hiểu biết”. Chư Phật Như Lai vì hữu tình kia chuyển dạy chúng chúng thắng giải chánh pháp. Người kia lại tác

nghe: “Chư Phật Như Lai trí kiến vô biên. Trí kiến chúng ta giống như dấu chân trâu”. Đối với kinh điển đây, tuy năng cung kính vì người tuyên thuyết, biên chép hộ trì, tụng đọc lưu bố, ân trọng cúng dường, thọ tụng tập học, nhưng do chưa thể dụng tướng tu đó phát khởi gia hạnh, cho nên đối với ngôn từ sở thuyết mật ý thâm sâu của Ta chẳng thể thông đạt. Các hữu tình kia do nhân duyên đây, cũng năng tăng trưởng hai chủng tư lương phước đức trí tuệ. Tương tục về sau, người chưa thành thực cũng năng thành thực.

Nếu các hữu tình nói rộng cho đến chưa thể tích tập tư lương phước đức trí tuệ phẩm thượng, tánh chẳng phải chất trực, thuộc loại không chất trực, tuy có năng lực tư trạch trong việc phế bỏ hay an lập, nhưng lại an trụ trong kiến thủ của mình. Kẻ kia nếu lắng nghe pháp như vậy rồi, đối với ngôn thuyết mật ý thâm sâu của Ta không đủ năng lực như thật hiểu rõ. Tuy sanh tin hiểu ở nơi pháp như vậy, nhưng tùy theo lời mà chấp trước nghĩa, đó là “tất cả pháp quyết định đều vô tự tánh, quyết định vô sanh vô diệt, quyết định bản lai tịch tịnh, quyết định tự tánh Niết-bàn”. Do nhân duyên đây,

kia ở nơi tất cả pháp thu được kiến không và kiến vô tướng. Bởi rơi vào kiến không, kiến vô tướng, nên phé bỏ tất cả tướng đều là vô tướng, phỉ báng các pháp tướng biến kế sở chấp, tướng y tha khởi và tướng viên thành thật. Vì có tướng y tha khởi và tướng viên thành thật mà tướng biến kế sở chấp mới khá có thể thi thiết. Nếu ở nơi tướng y tha khởi và tướng viên thành thật mà kiến là vô tướng, tức kia cũng phé bỏ tướng biến kế sở chấp. Cho nên nói kia phỉ báng, bác bỏ cả ba tướng. Tuy nơi ngã pháp khởi tướng pháp, mà trong phi nghĩa khởi tướng nghĩa. Do nơi ngã pháp khởi tướng pháp và do trong phi nghĩa khởi tướng nghĩa, nên trong phi pháp chấp giữ cho là pháp, và trong phi nghĩa chấp giữ cho là nghĩa. Tuy kia đối với pháp khởi tin hiểu, tăng trưởng phước đức, nhưng ở nơi phi nghĩa khởi chấp trước, nên thối mất trí tuệ. Thối mất trí tuệ nên thối mất vô lượng thiện pháp rộng lớn.

Lại có hữu tình lắng nghe theo kia, tức là ở nơi pháp cho là pháp, ở nơi phi nghĩa cho là nghĩa. Kể kia nếu theo kiến như vậy, liền ở nơi pháp khởi tướng pháp, ở trong phi nghĩa khởi tướng nghĩa,

chấp pháp cho là pháp, phi nghĩa cho là nghĩa. Do nhân duyên đây, nên biết đồng như kia thối mất thiện pháp.

Nếu có hữu tình không thuận theo kiến như vậy, nhưng kia được nghe “tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn”, liền sanh hãi sợ. Đã sanh hãi sợ rồi, tác lời như vậy: “Đây chẳng phải lời Phật thuyết, chỉ là ma nói”. Khởi hiểu đây rồi, đối với kinh điển đây phỉ báng hủy chê. Do nhân duyên đây, gặt hái đại nghiệp chướng, thu đại suy tổn. Nhân đây Ta thuyết: Nếu có người ở nơi tất cả tướng khởi kiến vô tướng, ở trong phi nghĩa tuyên nói là nghĩa, đó chính là phương tiện khởi nghiệp chướng rộng lớn. Do kia khiến vô lượng chúng sanh đọa vào lầm lẫn, nên kia gặt hái đại nghiệp chướng.

Thiện nam tử! Nếu các hữu tình chưa trông thiện căn, chưa thanh tịnh chướng, chưa thành thực tương tục, không nhiều thắng giải, chưa tích tập tư lương phước đức trí tuệ, tánh chẳng phải chất trực, thuộc loại chẳng chất trực, tuy có năng lực tư trạch trong việc phế bỏ và an lập, mà thường an trụ trong kiến thủ của mình. Hữu tình kia nếu

lắng nghe pháp như vậy rồi, chẳng thể như thật hiểu ngôn thuyết mật ý thâm sâu của Ta, nên chẳng sanh tin hiểu pháp đây; ở trong pháp đây khởi tưởng phi pháp, ở trong nghĩa đây khởi tưởng phi nghĩa; ở trong pháp đây chấp là phi pháp, ở trong nghĩa đây chấp là phi nghĩa, xướng lời như vậy: “Đây chẳng phải lời Phật, mà là lời ma”. Tác hiểu đây rồi, đối với kinh điển đây phỉ báng hủy chê, bác bỏ cho là hư ngụy, dùng vô lượng môn hủy diệt, bẻ gãy kinh điển như vậy. Đối với người tin hiểu kinh điển đây khởi tưởng oan gia. Kẻ kia trước bị các nghiệp chướng làm chướng ngại, do nhân duyên đây lại tiếp tục bị chướng ngại của nghiệp chướng như vậy. Nghiệp chướng như vậy ban đầu dễ thi thiết, cho đến trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp không ngày ra khỏi.

Thiện nam tử! Như vậy ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, ở trong sở thuyết giáo pháp thiện ý lạc tối cực thanh tịnh mà Ta đã chế lập, có các loại hữu tình với chủng chủng ý hiểu sai biệt khả đắc.

Bấy giờ Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa đây mà thuyết kệ rằng:

Tất cả các pháp đều vô tánh,
 Vô sanh vô diệt, bản lai tịch
 Các pháp tự tánh hằng Niết-bàn
 Ai có trí nói không mật ý.
 Tướng, sanh, thắng nghĩa vô tự tánh
 Như thế Ta đều đã hiển thị,
 Nếu chẳng biết mật ý Phật đây
 Hoại mất chánh đạo chẳng thể đến.
 Người thanh tịnh nương các tịnh đạo
 Chỉ nương một đây, không thứ hai
 Nên ở trong ấy lập nhất thừa
 Phi hữu tình tánh không sai biệt.
 Trong chúng sanh giới, sanh vô lượng
 Chỉ trải một thân đến tịch diệt
 Đại bi dũng mãnh chứng Niết-bàn
 Chúng sanh chẳng xả rất khó đắc.
 Vô lậu giới vi diệu khó nghĩ
 Ở trong giải thoát không sai khác
 Thành tất cả nghĩa là khổ hoặc
 Hai chủng dị thuyết, ấy thường lạc.

Bảy giờ, Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát lại bạch
 Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai mật
 ý lời rằng: Thật là hy hữu.. cho đến vi diệu tối cực

vi diệu, thăm sâu tối cực thăm sâu, khó thông đạt rất khó thông đạt. Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, mà giả danh an lập lấy là sắc uẩn, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai biệt; giả danh an lập cho là sắc uẩn sanh, cho là sắc uẩn diệt, cũng là sắc uẩn vĩnh viễn đoạn biến tri, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai khác, đây gọi là tướng biến kế sở chấp. Thế Tôn nương đây thi thiết tướng các pháp tánh vô tự tánh. Nếu tức phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, đây gọi là tướng y tha khởi. Thế Tôn nương đây thi thiết sanh các pháp tánh vô tự tánh, cùng một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu liền ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, do tướng biến kế sở chấp chẳng thành thật tức tự tánh đây pháp tánh vô tự tánh, sở duyên vô ngã chân như thanh tịnh, đây gọi là tướng viên thành thật. Thế Tôn nương đây thi thiết một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như ở nơi sắc uẩn như vậy, nên rộng thuyết ở nơi mỗi uẩn còn lại. Như ở nơi các uẩn như vậy, thì ở nơi mười hai xứ, trong mỗi một xứ đều nên rộng thuyết cũng vậy; ở nơi mười hai hữu chi, trong mỗi một hữu chi đều nên rộng thuyết cũng vậy; ở nơi bốn chủng thực, trong mỗi một chủng thực đều nên rộng thuyết cũng vậy; ở nơi sáu xứ, mười tám giới, trong mỗi một giới đều nên rộng thuyết cũng vậy.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, giả danh an lập cho là khổ đế, biết khắp khổ đế, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai biệt, đây gọi là tướng biến kế sở chấp. Thế Tôn nương đây thi thiết tướng các pháp tánh vô tự tánh. Nếu tức phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, đây gọi là tướng y tha khởi. Thế Tôn nương đây thi thiết sanh các pháp tánh vô tự tánh và một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu tức ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, do tướng biến kế sở chấp không thành thật, tức

tự tánh đây pháp tánh vô tự tánh, sở duyên vô ngã chân như thanh tịnh, đây gọi là tướng viên thành thật. Thế Tôn nương đây thi thiết một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh. Như ở nơi khổ đế, thì ở nơi các đế khác đều nên rộng thuyết cũng vậy. Như nơi thánh đế, thì ở trong các niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, mỗi mỗi đều nên rộng thuyết cũng vậy.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, giả danh an lập cho là chánh định, cũng là chánh định năng trị sở trị; nếu tu chánh định chưa sanh khiến sanh, đã sanh khiến trụ kiên cố không quên mất, càng thêm tu tập khiến tăng trưởng rộng lớn, hoặc tướng tự tánh, hoặc tướng sai biệt, đây gọi là tướng biến kế sở chấp. Thế Tôn nương đây thi thiết tướng các pháp tánh vô tự tánh. Nếu tức phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, đây gọi là tướng y tha khởi. Thế Tôn nương đây thi thiết sanh các pháp tánh vô tự tánh và một phần thắng nghĩa tánh vô tự tánh.

Như vậy tôi nay lãnh thọ thông hiểu nghĩa

Thế Tôn sở thuyết như sau: Nếu tức ở trong phân biệt tướng biến kế sở chấp sở hành, tướng hành sở y, do tướng biến kế sở chấp không thành thật tức tự tánh đây pháp vô tự tánh, sở duyên vô ngã chân như thanh tịnh, đây gọi là tướng viên thành thật. Thế Tôn nương đây thi thiết một phần thắng nghĩa các pháp tánh vô tự tánh.

Bạch Thế Tôn! Thí như thuốc tỳ-thấp-phược, tất cả thuốc bột, thuốc khác... đều phải gia thuốc ấy vào. Như vậy Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh đây, nói rộng cho đến liễu nghĩa lời dạy tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh. Ở khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa đều phải an đặt giáo đây.

Bạch Thế Tôn! Như tô màu của đất, ở khắp tất cả quá trình tô màu đều tô đồng một vị, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc trắng; lại năng hiển phát quá trình tô vẽ. Như vậy, Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh đây, rộng thuyết cho đến liễu nghĩa lời dạy, tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh. Ở khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa đều đồng một vị; lại năng hiển phát chỗ chưa rõ nghĩa trong kinh.

Bạch Thế Tôn! Thí như các thứ thức ăn, bánh

ngọt vốn đã thơm ngon, lại lấy thực tô gia thêm vào khiến vị của nó càng thêm tinh diệu. Như vậy, Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh đây, rộng thuyết cho đến liễu nghĩa lời dạy tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh, lấy đây an đặt trong khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa khiến càng phát sanh hoan hỷ thù thắng.

Bạch Thế Tôn! Thí như hư không khắp tất cả nơi đều đồng một vị, không chướng ngại tất cả sự nghiệp tạo tác. Như vậy, Thế Tôn nương các pháp đều vô tự tánh đây, rộng thuyết cho đến liễu nghĩa lời dạy tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh, ở khắp tất cả kinh bất liễu nghĩa đều đồng một vị, không chướng ngại sự nghiệp tu tập của tất cả Thanh văn, Độc giác cùng các bậc Đại thừa.

Bấy giờ Thế Tôn khen ngợi Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Ông nay năng khéo hiểu nghĩa lời dạy mật ý thâm sâu của Như Lai thuyết. Lại ở nơi nghĩa đây khéo thí dụ, chỗ gọi là thuốc tỳ-thấp-phược thế gian, dùng nhiều màu tô đất, thực tô, hư không. Thắng Nghĩa Sanh! Như thế, như thế, lại không có điều khác. Như thế như thế, ông nên thọ trì.

Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ở thời gian đầu, chỗ tiên nhân bị dọa trong rừng nai, chỉ vì người phát khởi hướng đến Thanh văn thừa, dùng tướng Tứ đế chuyển Chánh pháp luân; tuy là rất kỳ lạ, rất hy hữu, tất cả thế gian trời người... trước không thể như pháp chuyển như vậy, nhưng ở thời đó chỗ chuyển pháp luân còn có điều vượt trên, còn có giới hạn, là chưa liễu nghĩa, vẫn còn là chỗ cho sự bàn luận tranh cãi.

Ở thời thứ hai, xưa kia Thế Tôn chỉ vì người phát khởi hướng đến tu tập Đại thừa, nương tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn, dùng tướng ẩn mật chuyển Chánh pháp luân; tuy lại rất kỳ lạ, rất hy hữu, nhưng ở thời đó chỗ chuyển pháp luân còn có điều vượt trên, còn có giới hạn, vẫn còn chưa liễu nghĩa, vẫn còn là chỗ cho sự bàn luận tranh cãi.

Nay ở thời thứ ba, Thế Tôn khắp vì người phát khởi hướng đến tất cả thừa, nương tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh, dùng tướng hiển rõ chuyển Chánh pháp luân thật là đệ nhất sâu xa, hy hữu tột cùng! Thời nay chỗ chuyển pháp

luân của Thế Tôn không gì vượt trên, không có giới hạn, là chân liễu nghĩa, chẳng phải chỗ cho sự bàn luận tranh cãi.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nương ngôn giáo liễu nghĩa thật thắm sâu của chư Như Lai đây: “Tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sanh vô diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn tánh vô tự tánh”, nghe rồi tin hiểu biên chép hộ trì, cúng dường lưu bố, thọ tụng ôn tập, như lý tư duy, phát khởi gia hạnh tu tướng đây sanh bao nhiêu phước?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Thắng Nghĩa Sanh! Thiện nam tử, thiện nữ nhân đây chỗ sanh phước nhiều vô lượng vô số khó thể dụ biết. Ta nay vì ông lược thuyết ít phần. Thí như đất nơi móng tay sánh với đất đại địa, trăm phần chẳng kịp một, ngàn phần chẳng kịp một, trăm ngàn phần chẳng kịp một, toán số dụ ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng kịp một. Hoặc như nước vết chân trâu sánh với nước trong đại hải, trăm phần chẳng kịp một, nói rộng cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng kịp một. Như vậy chỗ thu được công đức do nghe rồi tin hiểu, nói rộng cho

đến phát khởi gia hạnh tu tướng đây ở nơi các kinh bất liễu nghĩa, sánh với công đức của sự tu tập do nghe rồi tin hiểu, nói rộng cho đến phát khởi gia hạnh tu tướng đây ở nơi sở thuyết kinh giáo liễu nghĩa, trăm phần chẳng kịp một, nói rộng cho đến ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng chẳng kịp một.

Nghe lời ấy rồi, Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây nên gọi là gì? Tôi nên phụng trì thế nào?

Phật bảo Thắng Nghĩa Sanh Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Đây gọi là giáo liễu nghĩa thắng nghĩa. Ở nơi giáo liễu nghĩa thắng nghĩa đây, ông phải phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa thắng nghĩa đây, trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn xa trần lìa cấu, ở trong các pháp đặc pháp nhãn tịnh; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn vĩnh viễn tận các lậu, tâm đặc giải thoát; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát đắc Vô sanh pháp nhẫn.



Quyển 77

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 6

Lại nữa, nay thuyết *nương giả an lập pháp phân biệt giải thoát Du-già nhiếp đạo Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na*.

Nên biết như trong *Kinh Giải Thâm Mật*, Từ Thị Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ở trong Đại thừa nương vào đâu, trụ ở đâu mà tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na?

Phật bảo Từ Thị Bồ-tát rằng: Thiện nam tử! Nên biết Bồ-tát lấy giả an lập pháp và lấy nguyện không xả Vô thượng Chánh đẳng giác làm chỗ nương, làm chỗ an trụ mà ở trong Đại thừa tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết về bốn chủng sự cảnh sở duyên: một là sự cảnh sở duyên ảnh tượng có phân biệt; hai là sự cảnh sở duyên ảnh tượng không phân biệt; ba là sự cảnh sở duyên tánh biên tế của sự; bốn là sự cảnh sở duyên việc

làm thành xong. Trong bốn chủng đây, bao nhiêu là sự cảnh sở duyên Xa-ma-tha, bao nhiêu là sự cảnh sở duyên Tỳ-bát-xá-na, bao nhiêu là sự cảnh sở duyên của cả hai pháp?

Thiện nam tử! Một là sự cảnh sở duyên Xa-ma-tha, đó là ảnh tượng không phân biệt. Một là sự cảnh sở duyên Tỳ-bát-xá-na, đó là ảnh tượng có phân biệt. Hai là sự cảnh sở duyên của cả hai pháp, đó là sự cảnh sở duyên biên tế của sự và việc làm thành xong.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát nương bốn chủng sự cảnh sở duyên Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đây, năng cầu Xa-ma-tha, năng khéo Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Như Ta vì chư Bồ-tát mà sở thuyết giả an lập pháp, chỗ gọi là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sanh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị. Đối với đây, Bồ-tát khéo lắng nghe, khéo thọ trì, lời khéo thông lợi, ý khéo tầm tư, kiến khéo thông đạt. Tức đối với như pháp khéo tư duy, một mình ở chốn không nhân tác ý tư duy; lại đối với đây tâm năng tư duy, tâm bên trong tương

tục tác ý tư duy. Bồ-tát chánh hành như vậy, nhiều an trụ như vậy, khởi thân khinh an và tâm khinh an; đây gọi là Xa-ma-tha. Bồ-tát năng cầu Xa-ma-tha như vậy, vì đã thu được thân tâm khinh an làm chỗ nương, nên đối với như pháp khéo tư duy, bên trong ảnh tượng sở hành tam-ma-địa, lại quán sát thắng giải xả lìa tướng tâm. Tức ở trong nghĩa sở tri ảnh tượng tam-ma-địa như vậy, năng chánh chọn lựa, tối cực chọn lựa, tầm tư khắp cả, quán sát xem xét khắp cả, hoặc nhãn, hoặc lạc, hoặc tuệ, hoặc kiến, hoặc quán; đây gọi là Tỳ-bát-xá-na. Bồ-tát như vậy là năng khéo Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát duyên tâm làm cảnh, bên trong tư duy tâm cho đến thân tâm chưa được khinh an, thì sở hữu tác ý nên gọi là gì?

Thiện nam tử! Chẳng phải tác ý Xa-ma-tha, chỉ là tác ý tương ưng thắng giải thuận theo Xa-ma-tha.

Bạch Thế Tôn! Nếu chư Bồ-tát cho đến thân tâm chưa được khinh an, ở nơi sở hữu các pháp như đã tư duy, bên trong sở duyên ảnh tượng tam-ma-địa, tác ý tư duy. Tác ý như vậy nên gọi là gì?

Thiện nam tử! Chẳng phải tác ý Tỳ-bát-xá-

na, chỉ là tác ý tương ưng thắng giải thuận theo Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Đạo Xa-ma-tha và đạo Tỳ-bát-xá-na nên nói là có khác, nên nói là không khác?

Thiện nam tử! Nên nói là chẳng phải có khác, chẳng phải không khác. Cớ sao chẳng phải có khác? Vì lấy tâm sở duyên cảnh Tỳ-bát-xá-na làm sở duyên. Cớ sao chẳng phải không khác? Vì chẳng phải sở duyên ảnh tượng có phân biệt vậy.

Bạch Thế Tôn! Ảnh tượng sở hành tam-ma-địa của các Tỳ-bát-xá-na, thì kia cùng tâm đây nên nói là có khác, hay nên nói là không khác?

Thiện nam tử! Nên nói là không khác. Vì cớ sao? Vì ảnh tượng kia chỉ là thức. Thiện nam tử! Ta nói sở duyên thức chỉ là chỗ hiển hiện của thức.

Bạch Thế Tôn! Nếu ảnh tượng sở hành kia tức cùng tâm đây không có khác, vậy thì tâm đây trở lại thấy tâm đây chẳng?

Thiện nam tử! Trong đây không có chút pháp năng thấy chút pháp. Nhưng tức tâm đây lúc như vậy sanh, tức có ảnh tượng như vậy hiển hiện.

Thiện nam tử! Như nương mặt gương đã được

lau chùi sáng sạch, lấy chất làm duyên trở lại thấy được bản chất, mà cho là ta nay thấy ở nơi ảnh tượng và cho là lìa chất riêng có ảnh tượng sở hành hiển hiện. Như vậy khi tâm đây sanh, thì ảnh tượng sở hành tam-ma-địa hiển hiện giống như có khác.

Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình trụ tự tánh, ảnh tượng sở hành tâm duyên sắc... thì kia cùng tâm đây cũng không khác chăng?

Thiện nam tử! Cũng không có khác. Nhưng các ngu phu do hiểu biết điên đảo, nên ở nơi các ảnh tượng chẳng năng như thật biết chỉ là thức mà sanh hiểu điên đảo.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu nên nói là Bồ-tát một hướng tu Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Nếu tương tục tác ý chỉ tư duy tướng tâm.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu nên nói là Bồ-tát một hướng tu Xa-ma-tha?

Thiện nam tử! Nếu tương tục tác ý chỉ tư duy tâm không gián đoạn.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu nên nói là Bồ-tát hòa hợp đồng chuyển Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Nếu chánh tư duy tâm tánh nhất cảnh.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng tâm?

Thiện nam tử! Đó là ảnh tượng có phân biệt sở hành tam-ma-địa, sở duyên Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tâm không gián đoạn?

Thiện nam tử! Đó là tâm duyên ảnh tượng kia, sở duyên Xa-ma-tha.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tâm tánh nhất cảnh?

Thiện nam tử! Đó là thông đạt ảnh tượng sở hành tam-ma-địa chỉ là thức. Nếu thông đạt đây rồi, lại tư duy tánh chân như.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-bát-xá-na có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Lược có ba chủng: một là có tướng Tỳ-bát-xá-na; hai là tầm cầu Tỳ-bát-xá-na; ba là quán xét Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là có tướng Tỳ-bát-xá-na? Tức là thuần tư duy ảnh tượng có phân biệt sở hành tam-ma-địa Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là tầm cầu Tỳ-bát-xá-na? Tức là do tuệ, khắp ở trong tất cả pháp kia chưa khéo hiểu

rõ, vì khéo hiểu rõ nên tác ý tư duy Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là quán xét Tỳ-bát-xá-na? Tức là do tuệ, khắp ở trong tất cả pháp đã khéo hiểu rõ, vì khéo chứng đắc cực giải thoát nên tác ý tư duy Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha đây có bao nhiêu chủng?

Thiện nam tử! Do theo tâm không gián đoạn kia, nên biết trong đây cũng có ba chủng. Lại có tám chủng, tức là từ Sơ tinh lự cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, mỗi một xứ có một chủng Xa-ma-tha. Lại có bốn chủng, tức là trong bốn vô lượng từ, bi, hỷ, xả, riêng mỗi một chủng vô lượng có một chủng Xa-ma-tha.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết nương pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, lại thuyết chẳng nương pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Sao gọi là nương pháp? Sao gọi là chẳng nương pháp?

Thiện nam tử! Hoặc tùy theo sở hữu pháp tướng đã tư duy, đã thọ trì, mà ở nơi ấy đắc nghĩa Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, thì gọi là nương pháp. Hoặc không chờ đợi sự thọ trì, sự tư duy pháp tướng, chỉ y chỉ dạy răn dạy trao của người, mà ở

nơi ấy đặc nghĩa Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, như quán xanh bầm và quán máu mủ thối rữa... hoặc tất cả hành đều là vô thường, hoặc các hành khổ, hoặc tất cả pháp đều không có ngã, hoặc Niết-bàn rốt ráo tịch tĩnh. Hết thấy loại Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na như vậy gọi là chẳng nương pháp. Do nương pháp đặc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, nên Ta thi thiết Bồ-tát tùy pháp hành là tánh lợi căn. Do chẳng nương pháp mà đặc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, nên Ta thi thiết Bồ-tát tùy tín hành là tánh độn căn.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết có duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại thuyết có duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Sao gọi là duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Hoặc chư Bồ-tát duyên từng pháp riêng của Khế kinh... ở nơi pháp đã thọ trì đã tư duy mà tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đây gọi là duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc chư Bồ-tát duyên tất cả pháp của Khế kinh... gom lại thành một đoàn, một nhóm, một phần, một tụ, rồi tác ý tư duy: “Tất cả pháp đây

thuận theo chân như, hướng đến chân như, nhập vào chân như; thuận theo Bồ-đề, thuận theo Niết-bàn, thuận theo chuyển y; hướng đến Bồ-đề, hướng đến Niết-bàn, hướng đến chuyển y; nhập vào Bồ-đề, nhập vào Niết-bàn, nhập vào chuyển y. Tất cả pháp đây tuyên thuyết vô số vô lượng thiện pháp”. Như vậy tư duy tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đây gọi là duyên chung pháp Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Như đã thuyết thì có duyên chung ít phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại thuyết có duyên chung nhiều phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Lại thuyết có duyên chung vô lượng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là duyên chung ít phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là duyên chung nhiều phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là duyên chung vô lượng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Hoặc duyên riêng Khế kinh cho đến duyên riêng Luận nghị... gom lại thành một đoàn... rồi tác ý tư duy. Nên biết đây gọi là duyên chung ít phần pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc duyên cho đến các pháp Khế kinh... đã tư duy đã thọ trì, gom lại thành một đoàn... rồi tác ý tư duy chẳng phải duyên riêng từng pháp. Nên biết đây gọi là duyên chung nhiều pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc duyên vô lượng giáo pháp Như Lai, vô lượng pháp cú văn tự, vô lượng tuệ chiếu soi rõ ràng về sau... gom thành một đoàn... rồi tác ý tư duy; chẳng do duyên cho đến chỗ tư duy chỗ thọ trì. Nên biết đây gọi là duyên chung vô lượng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Bạch Thế Tôn! Ngang đầu Bồ-tát gọi là đắc duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na?

Thiện nam tử! Do năm duyên nên biết được gọi đắc: một là lúc tư duy, sát-na sát-na tiêu dung tất cả sở y thô trọng; hai là lìa chủng chủng tướng, được vui pháp lạc; ba là hiểu rõ vô lượng ánh sáng pháp chiếu soi mười phương tướng không sai biệt; bốn là sở tác thành tựu viên mãn, tướng vô phân biệt tương ưng phần thanh tịnh hằng hiện tại tiền; năm là vì khiến pháp thân được thành tựu viên mãn, nhiếp thọ nhân chuyển thắng diệu về sau.

Bạch Thế Tôn! Duyên chung pháp Xa-ma-tha,

Tỳ-bát-xá-na đây, nên biết từ đâu gọi là thông đạt, từ đâu gọi là đắc?

Thiện nam tử! Từ Cục hỷ địa đầu tiên gọi là thông đạt. Từ Phát quang địa thứ ba mới gọi là đắc.

Thiện nam tử! Bồ-tát sơ nghiệp cũng ở trong ấy mà tùy học tác ý, tuy chưa được xưng khen, nhưng cũng chẳng nên vì đó mà nhàm mỗi phế bỏ.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đây sao có danh là Có tâm có tứ tam-ma-địa; sao có danh là Không tâm chỉ tứ tam-ma-địa; sao có danh là Không tâm không tứ tam-ma-địa?

Thiện nam tử! Ở nơi như chỗ nắm lấy pháp tướng đã tâm tứ, hoặc có thô hiển lãnh thọ quán sát các Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Có tâm có tứ tam-ma-địa. Hoặc ở tướng kia tuy không thô hiển lãnh thọ quán sát, mà có niệm sáng suốt vi tế lãnh thọ quán sát các Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm chỉ tứ tam-ma-địa. Hoặc tức nơi tất cả tướng pháp kia đều không tác ý khiến lãnh thọ quán sát các Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm không tứ tam-ma-địa.

Lại nữa, thiện nam tử! Hoặc có tâm cầu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Có tâm có tứ tam-ma-địa. Hoặc quán xét Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm duy chỉ tứ tam-ma-địa. Hoặc duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đây gọi là Không tâm không tứ tam-ma-địa.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng Chỉ? Sao gọi là tướng Cử? Sao gọi là tướng Xả?

Thiện nam tử! Hoặc tâm trạo cử, hoặc khi sợ trạo cử, khi ấy tác ý các pháp đáng nhàm chán và tác ý tâm không gián đoạn; đây gọi là tướng Chỉ. Hoặc tâm trì trệ, hoặc khi sợ trì trệ, khi ấy tác ý các pháp đáng vui thích và tác ý tướng tâm của kia không gián đoạn; đây gọi là tướng Cử. Hoặc ở nơi một hướng đạo Xa-ma-tha, hoặc ở nơi một hướng đạo Tỳ-bát-xá-na, hoặc ở nơi cả hai đạo song vận chuyển, lúc bị sự nhiễm ô của hai tùy phiền não, khi ấy không dụng công tác ý và chỗ có tác ý trong tâm nhậm vận chuyển; đây gọi là tướng Xả.

Bạch Thế Tôn! Các chúng Bồ-tát tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na rõ biết pháp, rõ biết nghĩa. Sao gọi là rõ biết pháp? Sao gọi là rõ biết nghĩa?

Thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia do năm chủng

tướng mà rõ biết pháp: một là biết danh; hai là biết cú; ba là biết văn; bốn là biết riêng; năm là biết chung.

Sao gọi là biết danh? Tức là ở trong tất cả pháp nhiệm tịnh mà thi thiết giả tướng kiến lập tự tánh.

Sao gọi là biết cú? Tức là ở trong tập hợp danh kia, năng theo đó mà tuyên thuyết nghĩa nương tựa, giữ gìn, kiến lập của các tạp nhiệm thanh tịnh.

Sao gọi là biết văn? Tức là chữ nương theo hai loại là danh và cú kia.

Sao gọi là ở nơi kia biết riêng? Tức là do tác ý sở duyên mỗi loại riêng biệt.

Sao gọi là ở nơi kia biết chung? Tức là do tác ý sở duyên gom chung.

Như vậy tất cả hợp chung làm một, gọi là rõ biết pháp. Như vậy gọi là Bồ-tát biết pháp.

Thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia do mười chủng tướng mà rõ biết nghĩa: một là biết tánh tận sở hữu; hai là biết tánh như sở hữu; ba là biết nghĩa năng thủ; bốn là biết nghĩa sở thủ; năm là biết nghĩa kiến lập; sáu là biết nghĩa thọ dụng; bảy là

biết nghĩa điên đảo; tám là biết nghĩa không điên đảo; chín là biết nghĩa tạp nhiễm; mười là biết nghĩa thanh tịnh.

Thiện nam tử! Tánh tận sở hữu tức là đối với các pháp tạp nhiễm, thanh tịnh, biết ngăn mé khác nhau của mỗi mỗi phẩm loại riêng biệt, trong đây được danh là tánh tận sở hữu. Như vậy số năm uẩn, số sáu nội xứ, số sáu ngoại xứ... tất cả đều biết tánh tận sở hữu của chúng.

Tánh như sở hữu tức là trong tất cả pháp nhiễm tịnh sở hữu chân như, trong đây được danh là tánh như sở hữu. Đây lại có bảy chủng: một là lưu chuyển chân như, đó là tánh tất cả hành không có trước sau; hai là tướng chân như, đó là tất cả pháp, bổ-đặc-già-la tánh vô ngã và pháp tánh vô ngã; ba là liễu biệt chân như, đó là tánh của tất cả hành chỉ là thức; bốn là an lập chân như, đó là các Khổ thánh đế như Ta đã thuyết; năm là tà hạnh chân như, đó là các Tập thánh đế như Ta đã thuyết; sáu là thanh tịnh chân như, đó là các Diệt thánh đế như Ta đã thuyết; bảy là chánh hạnh chân như, đó là các Đạo thánh đế như Ta đã thuyết. Nên biết trong đây do lưu chuyển chân như, tà hạnh chân

như, an lập chân như mà biết tất cả hữu tình đều như nhau. Do tướng chân như và liễu biệt chân như mà biết tất cả pháp đều như nhau. Do thanh tịnh chân như mà biết tất cả Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề và Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đều như nhau. Do chánh hạnh chân như mà biết việc lắng nghe chánh pháp, tuệ do sự nhiếp thọ của duyên chung cảnh giới thù thắng Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đều như nhau.

Nghĩa năng thủ là năm nội sắc xứ, hoặc tâm ý thức và các tâm pháp.

Nghĩa sở thủ là sáu ngoại xứ. Lại nghĩa năng thủ cũng là nghĩa sở thủ.

Nghĩa kiến lập là khí thể giới, trong đó kiến lập tất cả các hữu tình giới khả đắc. Đó là ruộng một thôn, hoặc ruộng trăm thôn, hoặc ruộng ngàn thôn, hoặc ruộng trăm ngàn thôn; hoặc một đại địa cho đến ngàn mé biển, hoặc trăm đại địa cho đến ngàn mé biển, hoặc ngàn đại địa cho đến ngàn mé biển, hoặc trăm ngàn đại địa cho đến ngàn mé biển; hoặc một Thiệm-bộ châu, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Thiệm-bộ châu; hoặc một Bốn đại châu, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm

ngàn Bốn đại châu; hoặc một Tiểu thiên thế giới, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Tiểu thiên thế giới; hoặc một Trung thiên thế giới, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Trung thiên thế giới; hoặc một Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc trăm hoặc ngàn hoặc trăm ngàn Tam thiên đại thiên thế giới; hoặc một muôn ức Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc trăm muôn ức hoặc ngàn muôn ức hoặc trăm ngàn muôn ức Tam thiên đại thiên thế giới; hoặc vô số Tam thiên đại thiên thế giới, hoặc trăm vô số, hoặc ngàn vô số, hoặc trăm ngàn vô số Tam thiên đại thiên thế giới; hoặc vô số Tam thiên đại thiên thế giới có trăm ngàn lượng vi trần thủy... Ở khắp mười phương có vô lượng vô số các khí thế giới.

Nghĩa thọ dụng, đó là các loại hữu tình vì thọ dụng nên nhiếp thọ vật dụng như trước Ta đã thuyết.

Nghĩa diên đảo tức là ở nơi nghĩa năng thủ kia... hoặc vô thường cho là thường, tướng diên đảo, tâm diên đảo, kiến diên đảo; hoặc khổ cho là vui; hoặc bất tịnh cho là tịnh; hoặc vô ngã cho là ngã... tướng diên đảo, tâm diên đảo, kiến diên đảo.

Nghĩa không diên đảo nên biết trái với nghĩa diên đảo. Tướng đây năng đối trị tướng kia.

Nghĩa tạp nhiễm là ba chủng tạp nhiễm của tam giới: một là phiền não tạp nhiễm; hai là nghiệp tạp nhiễm; ba là sanh tạp nhiễm.

Nghĩa thanh tịnh là chỗ lìa hệ buộc của ba chủng tạp nhiễm nêu trên, sở hữu các pháp Bồ-đề phần.

Thiện nam tử! Mười chủng như vậy nên biết nhiếp khắp tất cả các nghĩa.

Lại nữa, thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia do năng rõ biết năm chủng nghĩa mà gọi là rõ biết nghĩa. Những gì là năm nghĩa? Một là biết khắp sự; hai là biết khắp nghĩa; ba là biết khắp nhân; bốn là biết khắp quả đạt được; năm là ở nơi đây hiểu rõ.

Thiện nam tử! Biết khắp sự nên biết tức là tất cả sở tri, hoặc các uẩn, hoặc các nội xứ, hoặc các ngoại xứ... tất cả như vậy.

Biết khắp nghĩa tức là biết tất cả cho đến sở hữu phẩm loại cảnh sở tri sai biệt, hoặc vì thế tục, hoặc vì thắng nghĩa, hoặc vì công đức, hoặc vì lỗi lầm, vì duyên, vì đời, hoặc vì tướng sanh, hoặc vì trụ, hoặc vì hoại, hoặc vì như bệnh... hoặc vì khổ,

tập... hoặc vì chân như, thật tế, pháp giới, hoặc vì lược rộng, hoặc vì một hướng ký, hoặc vì phân biệt ký, hoặc vì phản vấn ký, hoặc vì sắp xếp riêng, hoặc vì ẩn mật, hoặc vì hiển rõ... Hết thấy loại như vậy nên biết tất cả gọi là biết khắp nghĩa.

Biết khắp nhân tức là năng nắm giữ hai phần trước pháp Bồ-đề, đó là các niệm trụ, hoặc chánh đoạn.

Biết khắp quả đạt được tức là Tỳ-nại-da đoạn trừ tham khuể si và các quả Sa-môn vĩnh viễn đoạn trừ tất cả tham khuể si... và sở hữu công đức cộng, bất cộng, thế gian, xuất thế gian mà Ta đã thuyết, ở nơi kia tác chứng.

Ở nơi đây hiểu rõ tức là ở trong pháp đây tác chứng các trí giải thoát, rộng vì người tuyên thuyết, khai thị, tán thán.

Thiện nam tử! Năm nghĩa như vậy nhiếp khắp tất cả các nghĩa.

Lại nữa, thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia vì năng rõ biết bốn chủng nghĩa, gọi là biết nghĩa. Những gì là bốn nghĩa? Một là nghĩa tâm chấp thọ; hai là nghĩa lãnh nạp; ba là nghĩa liễu biệt; bốn là nghĩa tạp nhiễm thanh tịnh. Thiện nam tử! Bốn nghĩa

như vậy nên biết nhiếp khắp tất cả các nghĩa.

Lại nữa, thiện nam tử! Chư Bồ-tát kia vì năng rõ biết ba chủng nghĩa, gọi là biết nghĩa. Những gì là ba? Một là nghĩa văn; hai là nghĩa nghĩa; ba là nghĩa giới.

Thiện nam tử! Nghĩa văn tức là danh thân... Nghĩa nghĩa lại có mười chủng: một là tướng chân thật; hai là tướng biết khắp; ba là tướng vĩnh viễn đoạn; bốn là tướng tác chúng; năm là tướng tu tập; sáu là tướng chân thật kia có tướng phẩm sai biệt; bảy là tướng năng y, sở y phụ thuộc lẫn nhau; tám là tức biết khắp hết thấy các pháp chướng làm chướng ngại; chín là tức thuận theo tướng pháp kia; mười là không biết khắp thấy và biết khắp hết thấy tướng công đức, quá hoạn. Nghĩa giới bao gồm năm chủng giới: một là khí thế giới; hai là hữu tình giới; ba là pháp giới; bốn là sở điều phục giới; năm là gia hạnh điều phục giới.

Thiện nam tử! Ba nghĩa như vậy nên biết nhiếp khắp tất cả nghĩa.

Bạch Thế Tôn! Hoạch rõ biết nghĩa tuệ do nghe mà thành tựu; hoặc rõ biết nghĩa tuệ do tư mà thành tựu; hoặc rõ biết nghĩa tuệ do tu mà thành

tự Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đây có sai khác gì?

Thiện nam tử! Hoặc chư Bồ-tát có tuệ do nghe thành tựu thì nương văn như những điều đã thuyết, ý tiến đến chưa khéo, chưa hiện tại tiền, tùy thuận giải thoát, chưa năng lãnh thọ thành tựu nghĩa giải thoát.

Hoặc chư Bồ-tát có tuệ do tư mà thành tựu, cũng chỉ nương văn chẳng phải chỉ như thuyết, ý tiến đến cũng đã khéo léo, chưa hiện tại tiền, chuyển thuận giải thoát, chưa năng lãnh thọ thành tựu nghĩa giải thoát.

Hoặc chư Bồ-tát có tuệ do tu mà thành tựu, cũng nương văn, cũng chẳng nương văn; cũng như thuyết ấy, cũng chẳng như thuyết ấy; ý tiến đến năng khéo léo ở nơi sự sở tri, ảnh tượng đồng phạm sở hành tam-ma-địa hiện tiền, cực thuận giải thoát, đã năng lãnh thọ thành tựu nghĩa giải thoát.

Thiện nam tử! Đây gọi là ba chủng biết nghĩa sai biệt.

Bạch Thế Tôn! Chúng chư Bồ-tát tu Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na biết pháp biết nghĩa, sao gọi là trí, sao gọi là kiến?

Thiện nam tử! Ta tuyên nói hai chủng trí và

kiến có vô lượng môn sai biệt. Nay Ta sẽ vì ông lược thuyết tướng kia. Nếu sở hữu diệu tuệ do tu tập duyên chung pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na mà thành, đây gọi là trí. Nếu sở hữu diệu tuệ do tu tập duyên riêng pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na mà thành, đây gọi là kiến.

Bạch Thế Tôn! Chúng chư Bồ-tát tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na do tác ý nào? Trừ khiển các tướng gì? Trừ khiển thế nào?

Thiện nam tử! Do tác ý chân như mà khiển trừ tướng pháp và tướng nghĩa. Nếu lúc ở nơi danh đây và tự tánh danh ấy đã được vô sở đắc, cũng chẳng quán tướng của kia nương, như vậy trừ khiển. Như ở nơi danh, thì ở nơi cú, ở nơi văn, ở nơi tất cả nghĩa nên biết cũng vậy. Cho đến lúc ở nơi cõi giới và tự tánh cõi giới đã được vô sở đắc, cũng không quán tướng của kia nương, như vậy trừ khiển.

Bạch Thế Tôn! Các sự rõ biết tướng nghĩa chân như, tướng chân như đây khá có thể trừ khiển không?

Thiện nam tử! Ở trong sự rõ biết nghĩa chân như đều không có tướng, cũng không chỗ đắc, vậy trừ khiển cái gì?

Thiện nam tử! Ta thuyết lúc rõ biết nghĩa chân như, năng hàng phục tướng của tất cả pháp, nghĩa. Chẳng phải liễu đạt đây là năng hàng phục điều gì khác.

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết thì khí nước vẫn đục đục bất tịnh, gương dụ cho soi bị khuấy, ao dụ cho không kham nhiệm quán sát tướng ảnh hiện ở bề mặt nước. Nếu năng kham nhiệm, thì trái với tướng trên. Như vậy nếu có người không khéo tu tâm, thì chẳng thể kham nhiệm quán sát như thật sở hữu chân như. Nếu khéo tu tâm, thì kham nhiệm quán sát. Đây nói những gì năng quán sát tâm? Nương chân như nào mà tác thuyết ấy?

Thiện nam tử! Đây nói ba chủng năng quán sát tâm: tức là năng quán sát tâm do nghe thành tựu; hoặc năng quán sát tâm do tư thành tựu; hoặc năng quán sát tâm do tu thành tựu. Nương liễu biệt chân như mà tác thuyết như vậy.

Bạch Thế Tôn! Như vậy khi Bồ-tát rõ biết pháp, nghĩa, vì trừ khiến các tướng nên siêng tu gia hạnh, có bao nhiêu chủng tướng khó thể trừ khiến? Dụng cái gì năng trừ khiến?

Thiện nam tử! Có mười chủng tướng *không*

năng trừ khiển. Những gì là mười?

Một là vì rõ biết pháp nghĩa, nên có tướng chủng tướng văn tự. Đây dùng *tất cả pháp không* năng chánh trừ khiển.

Hai là vì rõ biết nghĩa an lập chân như, nên có tướng của tánh sanh trụ dị diệt tương tục tùy chuyển. Đây dụng *tướng không* và *trước sau không* năng chánh trừ khiển.

Ba là rõ biết nghĩa năng thủ, nên có tướng luyện tiếc thân và ngã mạn. Đây dùng *nội không* và *vô sở đắc không* năng chánh trừ khiển.

Bốn là rõ biết nghĩa sở thủ, nên có tướng luyện tiếc tài bảo. Đây dùng *ngoại không* năng chánh trừ khiển.

Năm là rõ biết nghĩa thọ dụng tương ứng nam nữ, thừa sự, vật dụng, nên có tướng vui thích bên trong, có tướng tịnh diệu bên ngoài. Đây dùng *nội ngoại không* và *bốn tánh không* năng chánh trừ khiển.

Sáu là rõ biết nghĩa kiến lập, nên có tướng vô lượng. Đây dùng *đại không* năng chánh trừ khiển.

Bảy là rõ biết nghĩa vô sắc, nên có tướng tịch tĩnh giải thoát bên trong. Đây dùng *hữu vi không*

năng chánh trừ khiển.

Tám là rõ biết nghĩa tướng chân như, nên có tướng bổ-đặc-già-la vô ngã và tướng pháp vô ngã, hoặc tướng thức và tướng thắng nghĩa. Đây dùng *sẽ rất ráo không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không và thắng nghĩa không* năng chánh trừ khiển.

Chín là rõ biết nghĩa chân như thanh tịnh, nên có tướng vô vi, tướng không biến đổi. Đây dùng *vô vi không, vô biến dị không* năng chánh trừ khiển.

Mười là tức ở nơi tướng kia đối trị tánh Không, tác ý tư duy, nên có tướng tánh Không. Đây dùng *không không* năng chánh trừ khiển.

Bạch Thế Tôn! Khi mười chủng tướng được trừ khiển như vậy, những gì được trừ khiển? Từ những tướng nào mà được giải thoát?

Thiện nam tử! Trừ khiển tướng ảnh tượng sở hành tam-ma-địa. Từ tướng tạp nhiễm phược mà được giải thoát. Kia cũng được trừ khiển.

Thiện nam tử! Để khiến trừ tướng, phải nói lấy *không* để đối trị nên biết thù thắng hơn cả. Nhưng chẳng phải mỗi một *không* mà có thể đối trị tất cả tướng. Thí như vô minh chẳng phải chẳng

năng sanh các pháp tạp nhiễm như sanh cho đến lão tử... nhưng thù thắng hơn chỉ thuyết năng sanh ở nơi hành, vì các hành đây là duyên rất dễ gần gũi. Trong đạo lý đây nên biết cũng vậy.

Bạch Thế Tôn! Trong đây những *không* gì là tướng chung của tánh Không? Nếu chư Bồ-tát rõ biết đây rồi, ở nơi tướng tánh Không không bị hoại mất, lìa tăng thượng mạn?

Bấy giờ Thế Tôn khen ngợi Từ Thị Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Như ông mới năng thỉnh hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy, khiến chư Bồ-tát ở nơi tướng tánh Không không bị hoại mất. Vì cố sao? Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát ở nơi tướng tánh Không bị hoại mất, bèn là hoại mất tất cả Đại thừa. Cho nên ông phải lắng nghe kỹ, lắng nghe kỹ, Ta sẽ vì ông thuyết chung tướng tánh Không.

Thiện nam tử! Nếu ở trong tướng y tha khởi và tướng viên thành thật, rốt ráo xa lìa tánh của tất cả phẩm loại tạp nhiễm thanh tịnh tướng biến kế sở chấp và đối trong đây đều vô sở đắc, như vậy gọi là tướng chung của tánh Không ở trong Đại thừa.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây năng nhiếp bao nhiêu chủng thắng tam-ma-địa?

Thiện nam tử! Như Ta đã thuyết vô lượng Thanh văn, Bồ-tát, Như Lai có vô lượng chủng thắng tam-ma-địa. Nên biết Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đều năng nhiếp tất cả đây.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây lấy gì làm nhân?

Thiện nam tử! Thanh tịnh giới và thanh tịnh văn-tư thành tựu chánh kiến lấy làm nhân của đây.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây lấy gì làm quả?

Thiện nam tử! Tâm thiện thanh tịnh và tuệ thiện thanh tịnh lấy làm quả đây.

Lại nữa, thiện nam tử! Sở hữu tất cả thiện pháp thế gian và xuất thế gian của Thanh văn, chư Như Lai thấy, nên biết đều là quả sở đắc của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na đây.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây năng làm nghiệp gì?

Thiện nam tử! Thứ tự năng khiến giải thoát hai phược làm nghiệp, đó là tướng phược và thô

trọng phước.

Bạch Thế Tôn! Như Phật sở thuyết thì trong năm chủng hệ buộc, bao nhiêu là chương Xa-ma-tha, bao nhiêu là chương Tỳ-bát-xá-na, bao nhiêu là chương cả hai?

Thiện nam tử! Luyến tiếc thân mạng, tài bảo là chương Xa-ma-tha. Ở nơi các thánh giáo không được tự tại tùy dục là chương Tỳ-bát-xá-na. Tướng vui tập trụ, vui không biết đủ là chương cả hai. Do chương thứ nhất khiến không thể phát khởi tu tập. Do chương thứ hai khiến sự tu tập gia hạnh không đến rốt ráo.

Bạch Thế Tôn! Trong năm cái đây, bao nhiêu chương Xa-ma-tha, bao nhiêu chương Tỳ-bát-xá-na, bao nhiêu chương cả hai?

Thiện nam tử! Trạo cử ác tác là chương Xa-ma-tha. Hôn trầm thụ miên, nghi là chương Tỳ-bát-xá-na. Tham dục, sân khúể nên biết chương cả hai.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu gọi là đắc đạo Xa-ma-tha thanh tịnh viên mãn?

Thiện nam tử! Khéo chân chánh trừ khiển cho đến sở hữu hôn trầm thụ miên, ngang đây gọi

là đắc đạo Xa-ma-tha thanh tịnh viên mãn.

Bạch Thế Tôn! Ngang đâu gọi là đắc đạo Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh viên mãn?

Thiện nam tử! Khéo chân chánh trừ khiến cho đến sở hữu trạo cử ác tác, ngang đây gọi là đắc đạo Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh viên mãn.

Bạch Thế Tôn! Nếu lúc chư Bồ-tát tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na hiện tại tiền, có bao nhiêu chủng pháp tán động nơi tâm?

Thiện nam tử! Nên biết có năm chủng: một là tác ý tán động; hai là ngoại tâm tán động; ba là nội tâm tán động; bốn là tướng tán động; năm là thô trọng tán động.

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát xả tác ý tương ưng Đại thừa, rơi trong các tác ý tương ưng Thanh văn, Độc giác, đây là tác ý tán động. Hoặc đối với năm diệu dục bên ngoài, các tướng tạp loạn mà có tâm tư tùy phiền não; đối với cảnh sở duyên bên ngoài, tâm buông thả lưu tán, đây là ngoại tâm tán động. Hoặc do hôn trầm cùng với thụy miên, hoặc do chìm đắm, hoặc do ái vị Tam-ma-bát-đề, hoặc do thuận theo sự nhiễm ô của một trong số các tùy phiền não của Tam-ma-bát-đề, đây gọi là nội tâm

tán động. Hoặc nương tướng bên ngoài, bên trong tác ý tư duy các tướng sở hành đẳng trì, gọi là tướng tán động. Hoặc bên trong tác ý làm duyên sanh khởi sở hữu các thọ, do thân thô trọng kế chấp ngã khởi mạn, gọi là thô trọng tán động.

Bạch Thế Tôn! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây, từ Bồ-tát địa đầu tiên cho đến Như Lai địa, năng đối trị chướng nào?

Thiện nam tử! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây, ở trong địa thứ nhất đối trị chướng phiền não tạp nhiễm, sanh tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm của đường ác. Ở địa thứ hai đối trị chướng lầm phạm vi tế hiện hành. Ở địa thứ ba đối trị chướng dục tham. Ở địa thứ tư đối trị chướng ái định và ái pháp. Ở địa thứ năm đối trị chướng một hướng hướng đến Niết-bàn, một hướng trái bỏ sanh tử. Ở địa thứ sáu đối trị chướng ở nơi tướng nhiều hiện hành. Ở địa thứ bảy đối trị chướng ở nơi tướng hiện hành vi tế. Ở địa thứ tám đối trị chướng ở nơi vô tướng tác dụng công, ở nơi hữu tướng chẳng được tự tại. Ở địa thứ chín đối trị chướng không được tự tại trong tất cả chủng ngôn từ thiện xảo. Ở địa thứ mười đối trị chướng không được chứng đắc

Pháp thân viên mãn.

Thiện nam tử! Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na đây, ở Như Lai địa đối trị phiền não chướng và sở tri chướng cực vi tế, tối cực vi tế. Do năng vĩnh viễn hại diệt chướng như vậy, nên chúng đắc rốt ráo tất cả trí kiến không đả trước, không ngăn ngại; nương nơi sở duyên việc làm thành tựu viên mãn, kiến lập Pháp thân tối cực thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát vì nương Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na siêng tu hành, chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề?

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát đã đắc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, nương bảy chân như, ở trong pháp như đã lắng nghe đã tư duy, do tâm định thù thắng nên ở trong khéo định sâu, ở trong khéo tư duy xứng lượng, ở trong khéo an lập, ở trong chân chánh tư duy tánh chân như. Vị kia ở trong chân chánh tư duy chân như như vậy, nên đối với tất cả tướng vi tế hiện hành, tâm hãy còn xả bỏ, hà huống tướng thô.

Thiện nam tử! Nói đến tướng tế tức là tướng tâm chấp thọ, hoặc tướng lãnh nạp, hoặc tướng liễu biệt, hoặc tướng tạp nhiễm, thanh tịnh, hoặc

tướng trong, hoặc tướng ngoài, hoặc tướng trong ngoài, hoặc tướng “Ta phải tu hành lợi tất cả hữu tình”, hoặc tướng chánh trí, hoặc tướng chân như, hoặc tướng khổ tập diệt đạo, hoặc tướng vô vi, hoặc tướng hữu vi, hoặc tướng thường, hoặc tướng vô thường, hoặc tướng khổ có tánh biến đổi, hoặc tướng khổ có tánh không biến đổi, hoặc tướng khác với tướng hữu vi, hoặc tướng đồng với tướng hữu vi, hoặc tướng biết tất cả là tất cả, đã có tất cả, hoặc tướng bổ-đặc-già-la vô ngã, hoặc tướng pháp vô ngã. Nếu lúc tâm kia hiện hành tướng như vậy, tức liền xả bỏ. Vị kia đã nhiều an trụ hành trì như vậy ở từng giai đoạn, từ tất cả hệ buộc, cái, tán động... khéo tu trị tâm. Từ đây về sau, nơi bảy chân như, tự bên trong chứng đắc từng chân như một, thông đạt trí sanh khởi, gọi là kiến đạo. Do đắc đây nên gọi là nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh, sanh nhà Như Lai, chứng đắc địa đầu tiên. Lại năng thọ dụng uy đức thù thắng của địa đây. Do ở thời trước đã từng đắc Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, đã đắc hai chủng sở duyên là sở duyên ảnh tượng có phân biệt và sở duyên ảnh tượng không phân biệt. Ở thời nay lại đắc kiến đạo, liền chứng đắc sở

duyên biên tế của sự. Càng về sau, càng thắng tiến tu đạo ở trong tất cả địa, tức cũng tác ý tư duy ba chủng sở duyên như vậy. Thí như có người lấy chi tiết để trừ khiển chi tiết thô, như vậy Bồ-tát nương đây phương tiện dùng chi tiết ra khỏi chi tiết để trừ khiển tướng bên trong, do đây tất cả tướng phân thuận theo tạp nhiễm thấy đều được trừ khiển. Vì tướng đã trừ khiển, nên thô trọng cũng diệt sạch. Vì vĩnh viễn hại diệt tất cả tướng thô trọng, lần hồi ở nơi các địa về sau, tâm được điều luyện như phương pháp luyện vàng, cho đến chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Lại đắc sở duyên việc làm thành tựu viên mãn.

Thiện nam tử! Bồ-tát như vậy bên trong chánh tu hành Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tu hành dẫn phát uy đức rộng lớn của Bồ-tát?

Thiện nam tử! Nếu chư Bồ-tát khéo biết sáu xứ, liền năng dẫn phát sở hữu uy đức rộng lớn của Bồ-tát: một là khéo biết tâm sanh; hai là khéo biết tâm trụ; ba là khéo biết tâm xuất; bốn là khéo biết tâm tăng; năm là khéo biết tâm giảm; sáu là

khéo biết phương tiện.

Sao là khéo biết tâm sanh? Như thật biết mười sáu hành tâm sanh khởi sai biệt. Đây gọi là khéo biết tâm sanh. Mười sáu hành của tâm sanh khởi sai biệt: Một là thức sanh do không thể nhận biết, kiên cố trụ khí, đó là A-đà-na thức. Hai là thức sanh do sở duyên chủng chủng tướng hành, như ngay lúc nắm giữ cảnh giới tất cả sắc... có thức sanh do ý phân biệt hiện khởi; hoặc ngay lúc nắm giữ cảnh giới trong ngoài, có hiểu biết cảm thọ; hoặc ngay ở nơi một niệm, hơi thở, nháy mắt, hiện nhập nhiều định, thấy nhiều cõi nước Phật, nhiều chư Như Lai, có thức sanh do ý phân biệt hiện khởi. Ba là thức sanh do sở duyên tướng ít, đó là thức hệ buộc Dục giới. Bốn là thức sanh do sở duyên tướng nhiều, đó là thức hệ buộc Sắc giới. Năm là thức sanh do sở duyên tướng vô lượng, đó là thức hệ buộc Không vô biên xứ và thức hệ buộc Thức vô biên xứ. Sáu là thức sanh do sở duyên tướng vi tế, đó là thức hệ buộc Vô sở hữu xứ. Bảy là thức sanh do sở duyên tướng ngàn mé, đó là thức hệ buộc Phi tướng phi phi tướng xứ. Tám là thức sanh do vô tướng, đó là thức xuất thế và thức

duyên diệt. Chín là thức sanh do đồng hành khổ, đó là thức địa ngục. Mười là thức sanh do đồng hành với nhiều thứ thọ, đó là thức dục hành. Mười một là thức sanh do đồng hành hỷ, đó là thức Sơ tinh lự và Đệ nhị tinh lự. Mười hai là thức sanh do đồng hành lạc, đó là thức Đệ tam tinh lự. Mười ba là thức sanh do đồng hành không khổ không lạc, đó là thức từ Đệ tứ tinh lự cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Mười bốn là thức sanh do đồng hành nhiễm ô, đó là thức tương ưng các phiền não và tùy phiền não. Mười lăm là thức sanh do đồng hành thiện, đó là thức tương ưng các thiện pháp như tín... Mười sáu là thức sanh do đồng hành vô ký, đó là thức không cùng tương ưng với kia.

Sao gọi là khéo biết tâm trụ? Như thật rõ biết liễu biệt chân như.

Sao gọi là khéo biết tâm xuất? Như thật biết đã thoát khỏi hai chủng phược là tướng phược và thô trọng phược. Do khéo biết đây, nên khiến tâm từ như vậy mà ra khỏi.

Sao gọi là khéo biết tâm tăng? Như thật biết tâm năng đối trị tướng phược, thô trọng phược. Khi tướng phược, thô trọng phược hoặc tăng trưởng,

hoặc tích tập, tâm đây cũng được tăng trưởng, cũng được tích tập. Như vậy gọi là khéo biết tâm tăng.

Sao gọi là khéo biết tâm giảm? Như thật biết tướng tạp nhiễm và thô trọng tạp nhiễm sở đối trị tâm. Khi tướng tạp nhiễm và thô trọng tạp nhiễm hoặc suy thối, hoặc tổn giảm, tâm đây cũng suy thối, cũng tổn giảm. Như vậy gọi là khéo biết tâm giảm.

Sao gọi là khéo biết gia hạnh? Như thật biết giải thoát, thắng xứ cùng với biến xứ, hoặc tu tập, hoặc trừ khiển.

Thiện nam tử! Bồ-tát như vậy hoặc đã dẫn phát, hoặc sẽ dẫn phát, hoặc hiện dẫn phát uy đức rộng lớn của chư Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã thuyết, ở trong Vô dư y Bát-niết-bàn giới, tất cả các thọ đều vĩnh viễn diệt không sót thừa. Ở đây các thọ nào vĩnh viễn diệt?

Thiện nam tử! Tóm yếu thì có hai chủng thọ vĩnh viễn diệt không sót thừa. Những gì là hai? Một là thọ sở y thô trọng. Hai là thọ quả cảnh giới của kia.

Thọ sở y thô trọng có bốn chủng: một là thọ

sở y có sắc; hai là thọ sở y không sắc; ba là thọ quả thô trọng đã thành tựu đầy đủ; bốn là thọ quả thô trọng chưa thành tựu đầy đủ. Thọ quả đã thành tựu đầy đủ tức là thọ hiện tại. Thọ quả chưa thành tựu đầy đủ tức là nhân thọ vị lai.

Thọ quả cảnh giới của kia cũng có bốn chủng: một là thọ nương giữ; hai là thọ vật dụng; ba là thọ dụng; bốn là thọ luyến tiếc.

Ở trong Hữu dư y Niết-bàn giới, tất cả thọ quả chưa thành tựu đầy đủ đã diệt, lãnh nhận đối trị để được cái thọ do minh xúc sanh khởi, cho đến lãnh nhận và cái thọ kia đồng có, hoặc quả của cái thọ do minh xúc kia đã thành tựu đầy đủ. Bấy giờ tất cả hai chủng thọ đều diệt, chỉ hiện lãnh thọ cái thọ do minh xúc sanh khởi.

Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới khi Bát-niết-bàn, đây cũng vĩnh viễn diệt, cho nên nói rằng: “Ở trong Vô dư y Niết-bàn giới, tất cả thọ vĩnh viễn diệt không sót thừa”.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết lời ấy xong, bảo Từ Thị Bồ-tát rằng: Lành thay! Lành thay, thiện nam tử! Nay ông khéo năng thỉnh hỏi Như Lai về chỗ nương thanh tịnh viên mãn vô cùng tận của diệu

đạo Du-già. Ông ở nơi Du-già đã được quyết định thiện xảo. Ta đã vì ông mà tuyên thuyết thanh tịnh viên mãn vô cùng tận của diệu đạo Du-già. Tất cả bậc Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai đã thuyết, sẽ thuyết, đều cũng thuyết như vậy. Các thiện nam tử, thiện nữ nhân đều nên y đây đồng mãnh tinh tấn chân chánh tu học. Lúc ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa ấy mà tụng kệ rằng:

*Ở trong giả lập pháp Du-già
Nếu hành phóng dật mất nghĩa lớn,
Y chỉ pháp đây và Du-già
Nếu chánh tu hành đắc Đại Giác.
Thấy có sở đắc cầu thoát nạn
Hoặc cho thấy đây là đắc pháp,
Kia chối Từ Thị, xa Du-già
Thí như đại địa cùng hư không.
Chuyên chí lợi sanh, không dấu tích
Ngộ rồi siêng tu lợi hữu tình
Bậc trí hành vậy vô lượng kiếp
Liên được là nhiệm vui tối thượng.
Nếu nhân vì dục mà thuyết pháp
Kia danh xả dục lại thủ dục,*

*Ngũ si đặc pháp bảo vô giá
 Trở lại hạnh khát thực du hành.
 Nơi say đắm nói bàn hý luận
 Phải xả, phát khởi thượng tinh tấn
 Vì độ chư thiên cùng thế gian
 Nơi Du-già đây, ông phải học.*

Bấy giờ Từ Thị Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp môn Giải Thâm Mật đây, giáo đây nên gọi là gì? Tôi phải phụng trì thế nào?

Phật bảo Từ Thị: Đây gọi là giáo liễu nghĩa Du-già. Ở nơi giáo liễu nghĩa Du-già đây, ông phải phụng trì.

Khi thuyết giáo liễu nghĩa Du-già đây, ở trong đại hội có sáu trăm ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; ba trăm ngàn Thanh văn xa trần lìa cấu, ở nơi các pháp đặc pháp nhãn tịnh; một trăm năm mươi ngàn Thanh văn tâm đặc giải thoát, các lậu vĩnh viễn tận; bảy mươi lăm ngàn Bồ-tát thành tựu tác ý Du-già rộng lớn.